

GA-LA-TI

Warren W. Wiersbe

Phần Một: AN ĐIỂN VÀ PHÚC ÂM

1. NHỮNG TIN TỨC XẤU VỀ TIN MỪNG (Ga 1:1-10)

Cậu bé đang đứng trước cửa nhà cố tìm cách bán cho tôi tờ tuần báo, và cậu ta ra sức thuyết phục. Cậu ấy nói, “Mỗi tuần ông chỉ tốn một phần tư đô-la thôi, và ông có một tờ báo in toàn những tin tốt!”.

Trong một thế giới đầy dẫy phiền toái, ngày càng khó tìm một “tin tức tốt” nào, do đó có lẽ dầu sao tờ báo cũng là một món hời. Đối với người đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Đấng Cứu Rỗi cho đời mình, “tin tức tốt” thật sự chỉ là Phúc Âm: “Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh... Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba Ngài sống lại theo lời Kinh Thánh” (ICo 15:3-4). Đó là tin mừng tội nhân có thể được tha tội và đi vào thiên đàng bởi những gì Chúa Giê-xu Christ đã làm trên thập tự giá. Phúc Âm cứu rỗi bởi tin nơi Đấng Christ là sứ điệp quan trọng nhất trong thế gian.

Sứ điệp này biến đổi cuộc đời của Phao-lô và qua ông nhiều cuộc đời khác cũng được thay đổi. Nhưng hiện giờ sứ điệp ấy đang bị công kích, và Phao-lô cố gắng bình vực chân lý của Phúc Âm. Một số giáo sư giả đã xâm nhập vào các Hội Thánh tại Ga-la-ti - các Hội Thánh Phao-lô đã thành lập - dạy một sứ điệp khác những gì Phao-lô đã giảng dạy.

Khi bắt đầu đọc thư Phao-lô gửi cho tín hữu Ga-la-ti, bạn có thể nói ngay rằng trong thư có một vài chỗ sai căn bản, vì Phao-lô không mở đầu bức thư bằng sự ngợi khen Đức Chúa Trời và lời cầu thay cho các thánh đồ như thường lệ. Ông không có thời gian! Phao-lô sắp bước vào trận chiến đấu vì chân lý của Phúc Âm và tự do của cuộc sống Cơ Đốc. Các giáo sư giả đang rao giảng một “Phúc Âm” khác pha trộn giữa luật pháp và ân điển, Phao-lô không thể ngồi yên chẳng có hành động nào cả.

Phao-lô tiếp cận với tín hữu Ga-la-ti như thế nào trong cố gắng dạy họ chân lý về Phúc Âm? Trong những câu mở đầu, sứ đồ Phao-lô thực hiện ba bước trong việc chuẩn bị cho trận chiến đấu này.

1. Phao-lô giải thích quyền hạn của mình (Ga 1:1-5)

Về cuối bức thư, Phao-lô đối xử với tín hữu Ga-la-ti trên nền tảng lòng yêu thương (Ga 4:12-20) nhưng lúc bắt đầu bức thư ông cẩn thận cho họ biết thẩm quyền ông nhận được từ Chúa. Phao-lô có ba nguồn thẩm quyền.

Chức vụ của ông (1:1-2). “Phao-lô, làm sứ đồ...” Vào ngày đầu thành lập Hội Thánh, Đức Chúa Trời kêu gọi những người đặc biệt thực hiện các nhiệm vụ riêng biệt. Trong số những người ấy là các sứ đồ. Từ ngữ này có nghĩa “người được sai phái thực hiện một sứ mạng”. Trong lúc thi hành chức vụ trên thế gian, Chúa Giê-xu có nhiều môn đệ (“những học trò”), và từ trong số họ Ngài chọn 12 sứ đồ (Mac 3:13-19). Sau đó, một trong những yêu cầu cho chức vụ sứ đồ là phải tận mắt chứng kiến sự sống lại của Chúa (Cong 1:21-22 2:32 3:15). Dĩ nhiên, chính Phao-lô không phải là môn đệ cũng không là sứ đồ trong suốt thời gian chức vụ trên thế gian của Đấng Christ, nhưng ông đã thấy Chúa sống và được Ngài giao nhiệm vụ (Cong 9:1-18 ICo 9:1).

Sự qui đạo lạ lùng và việc Phao-lô được kêu gọi trở thành sứ đồ tạo ra một số vấn đề. Từ ban đầu, ông tách biệt với các sứ đồ đầu tiên. Kẻ thù nói rằng vì lý do này người không phải là sứ đồ thật. Phao-lô cẩn thận cho biết rằng ông đã được Chúa Giê-xu Christ lập làm sứ đồ như mười hai vị sứ đồ ban đầu. Chức vụ sứ đồ của ông không phải do con người tuyển chọn và chấp nhận, nhưng do sự bổ nhiệm từ trên cao. Do đó, ông có thẩm quyền giải quyết các rắc rối trong các Hội Thánh tại Ga-la-ti.

Nhưng trong lãnh vực chức vụ của ông, Phao-lô có được căn bản thẩm quyền thứ hai: ông đã thành lập các Hội Thánh tại Ga-la-ti. Phao-lô không viết thư này trong tư thế một người xa lạ, nhưng là người đem sứ điệp sự sống đến cho họ trong buổi đầu tiên! Bức thư này bày tỏ lòng thương yêu của Phao-lô dành cho những tín hữu tại đây (Ga 4:12-19). Đáng tiếc, lòng thương yêu này không được đáp lại.

Việc thành lập Hội Thánh Ga-la-ti đã buộc các nhà nghiên cứu Kinh Thánh làm việc nghiêm túc trong nhiều năm. Vấn đề xuất phát từ ý nghĩa của chữ GALATI. Vài trăm năm trước Đấng Christ giáng sinh, một số bộ lạc hung tợn từ xứ Gaul (nước Pháp hiện nay) di cư vào Tiểu Á, và thành lập nên Ga-la-ti, nghĩa đơn giản là “đất nước của những người xứ Gaul”. Khi người La Mã sắp xếp lại thế giới cổ đại, họ biến Ga-la-ti thành một phần của một tỉnh rộng lớn hơn bao gồm vài vùng khác nữa, và gọi toàn tỉnh này là Ga-la-ti, Vì vậy, ngược lại thời điểm của Phao-lô, khi có người nói về Ga-la-ti, bạn không thể biết chắc anh ta muốn nói đến đất nước Ga-la-ti nhỏ bé hoặc tỉnh rộng lớn hơn của người La Mã.

Các nhà nghiên cứu Kinh Thánh chia làm hai quan điểm trước vấn đề Phao-lô viết cho các Hội Thánh trong nước Ga-la-ti hay trong tỉnh Ga-la-ti. Quan điểm thứ nhất được gọi là “thuyết bắc Ga-la-ti” và quan điểm sau là “thuyết nam Ga-la-ti”. Vấn đề không có cách giải quyết chung cuộc, nhưng bằng chứng dường như cho thấy Phao-lô đã viết cho các Hội Thánh ở phía Nam của tỉnh Ga-la-ti - gồm có An-ti-ốt, Y-cô-ni, Lít-tơ, Đet-bơ - các Hội Thánh ông đã thành lập trong chuyến hành trình truyền giáo lần thứ nhất (Cong 13:1-14:28).

Phao-lô luôn luôn bày tỏ lòng yêu thương quan tâm đến những người tin đạo và ao ước ghé thăm các Hội Thánh ông ta đã thành lập để làm vinh hiển Đấng Christ (Cong 15:36 IICo 11:28). Ông không vui khi dắt dẫn mọi người đến với Đấng Christ rồi bỏ mặc họ. (Để xem gương “săn sóc” của ông, hãy đọc ITe 2:1-20).

Khi nghe nói các giáo sư giả bắt đầu chiêu dụ những người qui đạo và dẫn họ đi sai đường, Phao-lô vô cùng lo lắng - và đúng vậy. Dầu sao, dạy các tân tín hữu cách sống cho Đấng Christ là một phần trong mệnh lệnh của Đấng Christ cũng như chinh phục họ (Mat 28:19-20). Buồn thay, nhiều tín hữu Ga-la-ti đã trở mặt với Phao-lô, “người cha thuộc linh” trong Chúa của họ, và bây giờ chạy theo các giáo sư chủ luật, những người pha trộn Luật pháp Cựu Ước với Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời. (Chúng ta gọi những giáo sư giả này là “những giáo sư Do Thái” vì họ đang tìm cách lôi kéo người theo Chúa quay trở lại hệ thống Do thái giáo).

Như vậy, Phao-lô đã thi hành chức vụ sứ đồ, và đặc biệt là người sáng lập các Hội Thánh Ga-la-ti. Như thế ông có thẩm quyền giải quyết các nan đề trong các Hội Thánh Ga-la-ti. Nhưng Phao-lô còn có nguồn thẩm quyền thứ hai:

Sứ điệp (c.3-4). Từ lúc khởi đầu, Phao-lô nói cách rõ ràng về sứ điệp của Phúc Âm, vì những người theo đạo Do Thái đang thay đổi sứ điệp này. Phúc Âm tập trung vào một Con Người - đó là Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời. Con Người này đã trả giá cao - Ngài đã phó chính thân Ngài chịu chết trên thập tự giá. (Bạn sẽ khám phá ra tầm quan trọng của thập tự giá trong thư Ga-la-ti, (Ga 2:19-21 3:1,13 4:5 5:11,24 6:12-14). Đấng Christ trả giá để Ngài đạt được mục đích - giải phóng tội nhân thoát khỏi ách nô lệ.

“Tự do trong Đấng Christ” là chủ đề nổi bật nhất trong thư Ga-la-ti. (Hãy kiểm tra chữ ách nô lệ trong 2:4 4:3,9,24-25 5:1). Những người theo đạo Do Thái muốn hướng dẫn các Cơ Đốc nhân ra khỏi tự do của ân điển để trở thành nô lệ cho luật pháp. Phao-lô biết rằng ách nô lệ không phải là một phần của sứ điệp Phúc Âm, vì Đấng Christ đã chết cho con người được tự do.

Chức vụ và sứ điệp của Phao-lô là những nguồn của thẩm quyền thuộc linh, nhưng cũng còn có:

Động cơ của ông (c.5). “Nguyên Ngài được vinh hiển đời đời!”. Các giáo sư giả không hầu việc vì sự vinh hiển của Đấng Christ, nhưng để làm vinh hiển cho riêng mình (6:12-14). Giống như các giáo sư giả ngày nay, những người theo đạo Do Thái không bận tâm chinh phục người hư mất về cho Đấng Christ. Đúng hơn họ đang ăn cắp “chiên” của người khác và khoe khoang về con số thống kê của mình. Nhưng động cơ của Phao-lô là trong sạch và thánh thiện: ông muốn làm vinh hiển Chúa Giê-xu Christ (ICo 6:19-20 10:31-33).

Bây giờ Phao-lô giải thích thẩm quyền của mình. Ông đã sẵn sàng bước thứ hai cho cuộc chiến đấu vì tự do của Cơ Đốc nhân.

2. Phao-lô bày tỏ nỗi lo lắng (Ga 1:6-7)

“Tôi lấy làm lạ cho anh em đã vội bỏ Đấng gọi anh em...!” Đây là lý do đầu tiên làm Phao-lô lo lắng: Người Ga-la-ti đang rời bỏ ân điển của Đức Chúa Trời. (Động từ trong câu cho thấy họ đang tiến hành lìa bỏ và chưa hoàn toàn bỏ hẳn).

Phao-lô không bỏ lỡ cơ hội. Đức Chúa Trời đã gọi họ bằng ân điển của Ngài, và cứu họ thoát khỏi tội lỗi. Bây giờ họ đang lìa bỏ ân điển để trở lại với luật pháp. Họ chối bỏ tự do để tuân giữ theo luật pháp! Và quá vội thực hiện điều đó mà không hỏi ý Phao-lô, người “cha thuộc linh” của họ, hoặc để thì giờ cho Đức Thánh Linh chỉ dạy. Họ bắt đầu say mê tôn giáo Do Thái, như trẻ nhỏ chạy theo người lạ vì người ấy cho chúng kẹo ngọt.

“Ơn của Đức Chúa Trời” là chủ đề cơ bản trong bức thư này (1:3,6,15 2:9,21 5:4 6:18). Ân điển là đặc ân của Đức Chúa Trời dành cho tội nhân không xứng đáng. Chữ “ân điển” và “quà tặng” đi đôi với nhau, vì sự cứu rỗi là món quà của Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài (Eph 2:8-10). Tín hữu Ga-la-ti không chỉ “thay đổi tôn giáo” hoặc “thay đổi nhà thờ” nhưng thực sự họ đang lìa bỏ chính ân điển của Đức Chúa Trời! Làm cho tình thế càng xấu hơn, họ đang lìa bỏ chính Đức Chúa Trời nguồn ân điển! Đức Chúa Trời đã kêu gọi và cứu vớt họ giờ đây họ từ bỏ Ngài để chạy theo những người lãnh đạo thế tục sẽ mang họ vào ách nô lệ của luật pháp.

Chúng ta không bao giờ được quên rằng đời sống Cơ Đốc nhân là mối tương giao sống động với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ. Một người không thể trở thành Cơ Đốc nhân khi chỉ chấp nhận một giáo lý người ấy trở nên Cơ Đốc nhân khi thuận phục và tin nhận Đấng Christ (Ro 1:16). Bạn không thể pha trộn ân điển với việc làm được, vì việc này loại bỏ việc kia. Cứu rỗi là món quà ân điển của Đức Chúa Trời, được Chúa Giê-xu Christ mua cho chúng ta trên thập tự giá. Chuyển từ ân điển sang luật pháp là phủ nhận Đức Chúa Trời Đấng đã cứu chuộc chúng ta.

Nhưng họ phạm một tội khác khiến Phao-lô lo lắng hơn: họ đang xuyên tạc Phúc Âm của Đức Chúa Trời. Những Giáo sư Do Thái khẳng định họ đang giảng “Phúc Âm”, nhưng không thể có hai Phúc Âm, một tập trung vào việc làm và một tập trung vào ân điển. Phao-lô viết, “Họ không rao giảng một Phúc Âm khác, nhưng một sứ điệp khác - một sứ điệp khác xa chân lý Phúc Âm đến nỗi không có chút tin lành nào cả.” Giống như những hệ phái ngày nay, người theo đạo Do Thái bảo rằng, “Chúng ta tin Chúa Giê-xu Christ - nhưng có một số điều kỳ diệu cần thêm vào những gì chúng ta đã tin.” Đường như người nào cũng có thể “thêm” điều gì đó tốt hơn vào trong ân điển của Đức Chúa Trời!

Chữ đã dịch là “đánh đở” trong câu 7 được dùng chỉ có ba lần trong Tân Ước (Cong 2:20 Gia 4:9 Ga 1:7). Nó có nghĩa “quay mặt lại, đổi sang một cá tính đối nghịch”. Từ này có thể dịch là “quay ngược trở lại”. Nói cách khác, người Do Thái hoàn toàn thay đổi Phúc Âm - họ đã ngoảnh mặt với Phúc Âm và quay trở lại với luật pháp! Ở cuối bức thư này, Phao-lô giải thích thế nào luật pháp là sự chuần bị cho sự đến của Chúa Giê-xu Christ, nhưng người theo đạo Giu-đa đã giải nghĩa khác. Đối với họ, luật pháp và Phúc Âm đi chung với nhau. “Nếu các ngươi chẳng chịu phép cắt bì theo lễ Môi-se, thì không thể được cứu rỗi.” (Cong 15:1).

Việc “bỏ đạo và hiểu sai lệch” đang gây ra điều gì cho tín hữu Ga-la-ti? Nó làm họ bối rối (Ga 1:7). Động từ làm bối rối mang theo nó ý tưởng bối rối, lẫn lộn, và bất an. Bạn sẽ tìm thấy một số ý tưởng tác động của từ ngữ này khi xem cách nó được sử dụng ở các nơi khác. Làm bối rối mô tả những cảm xúc của môn đồ trong thuyền giữa cơn bão (Mat 14:26). Nó cũng mô tả những cảm xúc của Vua Hê-rốt lúc nghe một vua mới sanh ra (Mat 2:3). Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Phao-lô lo lắng cho tín hữu của ông: họ đang trải qua sự khuấy động mạnh mẽ bởi các giáo sư giả đem đến cho các Hội Thánh. Ân điển luôn luôn dẫn đến sự bình an (Ga 1:3), nhưng các tín hữu đã lìa bỏ ân điển và do đó lòng họ không được bình an.

Hãy nhớ rằng ân điển của Đức Chúa Trời bao gồm thêm nhiều điều hơn là sự cứu rỗi của con người. Chúng ta không những được cứu bởi ân điển, nhưng còn sống bởi ân điển (ICo 15:10). Chúng ta đứng vững trong ân điển đó là nền tảng cho cuộc sống Cơ Đốc (Ro 5:1-2). Ân điển cho chúng ta sức mạnh cần thiết để làm người lính chiến thắng (ITi 2:1-4). Ân điển giúp chúng ta chịu được đau khổ mà không than van, và còn dùng đau khổ làm sáng danh Đức Chúa Trời (IICo 12:1-10). Khi một Cơ Đốc nhân quay khỏi sự sống bởi ân điển của Đức Chúa Trời, người ấy phải dựa vào sức riêng của

mình. Điều này dẫn đến thất bại và thất vọng. Đây là điều Phao-lô có ý muốn nói “mắt ân điển rồi” (Ga 4:5) - lia khỏi phạm vi của ân điển và chuyển sang phạm vi luật pháp, thôi nương cậy nơi các nguồn của Đức Chúa Trời và nhờ cậy sức riêng của mình.

Phao-lô lo lắng băn khoăn là điều đương nhiên. Bạn hữu trong Đấng Christ của ông đang lia bỏ Đức Chúa Trời của ân điển, xuyên tạc ân điển của Đức Chúa Trời, trở lại sống theo xác thịt và nguồn vui riêng của mình. Họ bắt đầu cuộc sống Cơ Đốc nhân trong Đức Thánh Linh, nhưng bây giờ họ tiếp tục cậy năng lực của xác thịt (Ga 3:3).

Phao-lô đã giải thích thẩm quyền của mình và bày tỏ nỗi lo lắng của ông, bây giờ ông đi bước thứ ba:

3. Phao-lô vạch trần những đối thủ của ông (Ga 1:8-10)

“Hãy yêu thương, đừng gây chiến!” có thể là câu biểu ngữ quen thuộc, nhưng không phải lúc nào cũng thực hiện được. Bác sĩ phải vật lộn chống lại bệnh tật và tử thần các kỹ sư về vệ sinh phải chiến đấu chống lại sự dơ bẩn và ô nhiễm các nhà luật pháp phải chống lại sự bất công và tội ác. Tất cả họ tranh đấu vì điều mà họ yêu thương!

“Hỡi những kẻ yêu mến Đức Chúa Trời, hãy ghét sự ác” (Thi 97:10). “Hãy gớm sự dữ mà mến sự lành” (Ro 12:9). Phao-lô tiến hành cuộc chiến chống lại các giáo sư giả vì yêu mến chân lý, và vì yêu thương những người ông đã dắt dẫn đến với Đấng Christ. Giống như người cha yêu thương bảo vệ con gái của mình cho đến lúc nàng lấy chồng, Phao-lô bảo vệ tín hữu của mình kéo họ bị quyến rũ sa vào tội lỗi (II Co 11:1-4).

Chúng ta nhận biết Giáo sư Do Thái bởi phúc âm giả họ rao giảng. Trắc nghiệm chức vụ của một người không phải ở sự nổi tiếng (Mat 24:11), hoặc ở những dấu kỳ phép lạ (Mat 24:23-24), nhưng bởi lòng trung thành của người đó đối với Lời Đức Chúa Trời (Es 8:20 ITi 4:1-16 IGi 4:1-6 và lưu ý IIGi 1:5-11 khuyến cáo chúng ta không ủng hộ những người đem đến giáo lý sai lầm). Đấng Christ đã giao phó Phúc Âm cho Phao-lô (ICo 15:1-8), và đến lượt ông giao phó cho các tông đồ trung thành khác (ITi 1:11 và 6:20 IITi 1:13 và 2:2). Nhưng Giáo sư Do Thái đã xuất hiện và thay thế Phúc Âm bằng một Phúc Âm khác, và vì tội lỗi này, Phao-lô tuyên bố họ bị rửa sả. Chữ ông dùng là a-na- them, có nghĩa “biệt riêng để diệt” (Đọc Cong 23:14 để thấy hình ảnh minh hoạ đầy đủ về từ ngữ này) Cho dù người rao giảng là ai - một thiên sứ từ trời hay chính bản thân Phao-lô - nếu người ấy rao giảng một Phúc Âm khác, người đó đáng bị rửa sả!

Nhưng còn có tính chất thứ hai của đối thủ Phao-lô: đó là họ thực hành những động cơ giả. Kẻ thù buộc tội Phao-lô vì thoả hiệp và “điều chỉnh” Phúc Âm cho phù hợp với dân ngoại. Có lẽ họ bóp méo ý nghĩa của lời Phao-lô nói, “Tôi đã trở nên mọi cách cho mọi người, để cứu chuộc được một vài người không cứ cách nào” (ICo 9:22). Họ nói, “Khi Phao-lô ở với người Do Thái, ông sống như một người Do Thái nhưng lúc ở với dân ngoại, ông sống như người ngoại bang. Ông ta là người làm hài lòng người khác, và do đó chúng ta không thể tin cậy người được”.

Nhưng trong thực tế, chính giáo sư giả mới là người tìm cách làm vừa lòng con người. Phao-lô viết, “Những người đó vì anh em mà sốt sắng, thì không phải là ý tốt. Họ muốn anh em lia bỏ chúng tôi, hầu cho anh em sốt sắng vì họ” (Ga 4:17). Về cuối thư, Phao-lô cũng cho thấy các giáo sư giả là những người thoả hiệp, thực hành trở lại những chỉ dạy trong Cựu Ước để họ không bị dân Do Thái bắt bớ (6:12-15). Phao-lô thật sự không phải là người làm vừa lòng con người. Chức vụ của ông không đến từ con người (1:1), sứ điệp của ông cũng không bởi con người (1:12). Vậy thì tại sao ông phải sợ con người? Tại sao ông phải cố tìm cách làm đẹp lòng con người? Lòng khao khát của ông là làm đẹp lòng Đấng Christ.

Khi Verdi cho ra đời vở ô-pê-ra đầu tiên tại Florence, nhà soạn nhạc đứng một mình trong bóng tối và đưa mắt nhìn một người trong số khán giả - đó là nhà soạn nhạc Rossini vĩ đại. Dù mọi người trong nhà hát có vỗ tay tán thưởng hay chế nhạo cũng không ảnh hưởng gì đến Verdi tất cả những gì ông muốn có là nụ cười chấp nhận từ người thầy của mình. Đối với Phao-lô cũng vậy. Ông biết phải chịu khổ vì Phúc Âm, nhưng sự ủng hộ hay phản đối của con người không lay chuyển ông. “Cho nên

chúng ta dầu ở trong thân thể này dầu ra khỏi, cũng làm hết sức để được đẹp lòng Chúa” (II Co 5:9). Phao-lô muốn được Đấng Christ chấp nhận.

Tôi tớ Đức Chúa Trời thường bị cám dỗ thoả hiệp để tạo ảnh hưởng và làm vui lòng con người. Khi D.L.Moody giảng đạo tại Anh Quốc, một công nhân đến gặp ông trên bục giảng và cho ông biết một nhà quý tộc rất quan trọng đã vào trong nhà thờ. Moody trả lời “Nguyện buổi nhóm là một ơn phước cho ông ấy!” và ông giảng y như trước mà không tìm cách gây chú ý cho người nào.

Phao-lô không phải là nhà chính trị ông là đại sứ. Nhiệm vụ của Phao-lô không phải “chơi trò chính trị” nhưng để công bố Phúc Âm. Mặc khác, Giáo sư Do Thái là những người thoả hiệp ngu xuẩn, họ trộn lẫn luật pháp với ân điển, với hy vọng làm hài lòng cả người Do Thái lẫn ngoại bang, nhưng không bao giờ đòi hỏi người khác xem thử họ có làm hài lòng Đức Chúa Trời hay không.

Chúng ta đã xem xét ba bước Phao-lô lôi kéo các giáo sư giả vào trận chiến: ông giải thích thẩm quyền của mình, bày tỏ lòng lo lắng, và vạch trần các đối thủ của mình. Nhưng Phao-lô tấn công kẻ thù bằng cách nào? Ông dùng giải pháp gì để thuyết phục tín hữu Ga-la-ti tin rằng tất cả những gì họ cần là tin cậy nơi ân điển của Đức Chúa Trời? Nhìn chung suốt bức thư chúng ta thấy Phao-lô là người bình vực chủ yếu cho Phúc Âm. Hãy dành thời gian đọc toàn bộ bức thư một lần, và khi đọc hãy chú ý ba giải pháp Phao-lô đã thực hiện.

Giải pháp đầu tiên nói về bản thân ông (Ga 1:1-2:21). Ông nhắc lại kinh nghiệm cá nhân của mình với Chúa Giê-xu Christ và sứ điệp của Phúc Âm. Ông chỉ rõ rằng ông đã nhận từ nơi Chúa cách độc lập chứ không từ nơi 12 sứ đồ (1:11-24), nhưng các sứ đồ đã chấp nhận sứ điệp và chức vụ của ông (2:1-10). Hơn nữa, Phao-lô còn bình vực cho Phúc Âm khi Phi-e-rơ, vị sứ đồ nổi bật, đã thoả hiệp lần đầu tiên (2:11-21). Phần tự thuật của bức thư này chứng tỏ Phao-lô không phải là “vị sứ đồ bất chước”, nhưng sứ điệp và chức vụ của ông là thật đối với đức tin.

Chương 3 và 4 nói về giáo lý của Chúa, và Phao-lô đưa ra một số lập luận để chứng minh rằng tội nhân đã được cứu bởi đức tin và ân điển, không bởi việc làm và luật pháp. Đầu tiên ông kêu gọi những từng trải riêng của họ (3:1-5). Sau đó ông nhắc lại Luật pháp Cựu Ước trong 3:6-14 để cho thấy ngay cả Áp-ra-ham và các đấng tiên tri đã hiểu cứu rỗi là sự ban cho bởi ân điển thông qua đức tin. Đề cập đến luật pháp, bây giờ Phao-lô giải thích tại sao luật pháp được ban cho từ buổi ban đầu (3:15-4:18). Sau đó ông dùng câu chuyện Sa-ra và A-ga để minh họa mối liên hệ giữa luật pháp và ân điển (4:19-31).

Hai chương cuối của bức thư nhấn mạnh đến cuộc sống thực tế, khi Phao-lô chuyển từ lập luận đến ứng dụng. Những Giáo sư Do Thái cáo buộc Phao-lô hô hào phá bỏ luật pháp vì ông rao giảng Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời vì vậy trong phần này, Phao-lô giải thích mối quan hệ giữa ân điển của Đức Chúa Trời và cuộc sống thực tế của Cơ Đốc nhân. Ông bày tỏ rằng sống bởi đức tin có nghĩa là tự do, chứ không phải nô lệ (5:1-12) tùy thuộc vào Đức Thánh Linh chứ không cậy xác thịt (5:13-26) và sống vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, chứ không vì sự ưng thuận của con người (6:11-18). Hoặc là một chuỗi hành động hoặc là điều gì khác - luật pháp hoặc ân điển - nhưng không thể cả hai được.

Thư Ga-la-ti không phải là quyển sách có thể xem nhẹ. Thư Ga-la-ti là bản hiến chương của Martin Luther trong suốt thời gian Cải Cách. Những bài viết của Luther lần lượt đem chân lý cứu rỗi bởi đức tin đến cho tấm lòng John Wesley trong một buổi nhóm ít người tại đường Aldersgate Luân đôn vào ngày 24 tháng 5 năm 1738. Đức Chúa Trời đã dùng chính Wesley một cách đặc biệt để làm người tiên phong dẫn đầu cơn phục hưng tại các quần đảo nước Anh, cuối cùng ông lãnh đạo thành lập Giáo hội Giám Lý. Và cơn phục hưng ấy thực sự ảnh hưởng sâu sắc đến toàn thế giới nói tiếng Anh. Khi nghiên cứu sách Ga-la-ti, chúng ta đang tham gia vào dây chuyền hành động thuộc linh để có thể mang lại kết quả phần hưng khác cho thế giới ngày hôm nay.

2. ĐƯỢC SINH RA TỰ DO! (Ga 1:11-23)

“Bất cứ ai là một người thì phải không tin theo một tôn giáo nào”. Nhà văn Emerson viết như vậy, và nhiều nhà tư tưởng cũng đồng ý với ông.

Nhà phê bình nghệ thuật của Anh Quốc John Ruskin nói, “Tôi sợ sự đồng nhất. Bạn không thể tạo ra những con người vĩ đại cũng như bạn không thể chế tạo ra vàng được.”

Triết gia người Đức Schopenhauer viết, “Chúng ta đánh mất 3 phần 4 chính mình để giống như người khác.”

Francis Asbury, Giám mục đầu tiên của giáo hội Giám Lý tại Hoa Kỳ, có lần đã cầu nguyện trong buổi lễ tấn phong chấp sự, “Ôi Lạy Chúa, xin Ngài giúp cho những anh em này đừng bao giờ muốn giống như người khác.”

Dĩ nhiên, có một loại chủ nghĩa cá nhân sai trái phá hại thay vì làm cho trọn nhưng trong xã hội quen với việc trao đổi các nhiệm vụ, thật là tốt để gặp một người như Phao-lô dám là chính mình theo ý muốn Đức Chúa Trời. Nhưng tự do của ông có được trong Đấng Christ là mối đe dọa đối với những người thấy an tâm trong việc tuân giữ phép tắc.

Kẻ thù nêu lên việc Phao-lô không tuân theo tập tục của giáo hội làm bằng chứng cho rằng sứ điệp và chức vụ của ông không thực sự từ Đức Chúa Trời. Họ lý luận, “Ông ta nói rằng mình là sứ đồ, nhưng không đứng trong truyền thống của sứ đồ”. Phao-lô trả lời cho sự xuyên tạc ấy trong phần này của thư Ga-la-ti. Việc Phao-lô không theo tập tục của giáo hội là có chủ định của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã chọn bày tỏ chính mình Ngài cho Phao-lô cách riêng biệt.

1. (Ga 1:11-12).

Trong c.11-12 Phao-lô khẳng định chủ đề của ông: sứ điệp và chức vụ của ông thuộc về Đức Chúa Trời. Ông không tạo ra Phúc Âm, cũng không nhận Phúc Âm từ nơi con người nhưng nhận Phúc Âm từ Chúa Giê-xu Christ. Cả sứ điệp và chức vụ sứ đồ của Phao-lô đều do Đức Chúa Trời ban cho. Do đó, bất kỳ ai thêm bất cứ điều gì vào Phúc Âm của Phao-lô người ấy đang có nguy cơ bị Đức Chúa Trời đoán phạt, vì Phúc Âm ấy được ban cho từ trời bởi Chúa Giê-xu Christ (ICo 15:1-11).

Đối với Phao-lô, bày tỏ quá khứ của mình và nhắc cho tín hữu Ga-la-ti nhớ cách Đức Chúa Trời đã đối đãi ông là cách tốt nhất để chứng minh quan điểm của ông. Phao-lô nói rằng các độc giả đã biết cuộc sống quá khứ của ông (Ga 1:13), nhưng rõ ràng họ không hiểu trọn ý nghĩa của những từng trải ấy. Vì vậy, Phao-lô rọi ba hình ảnh trong quá khứ của ông lên bức màn để làm bằng chứng rằng chức vụ sứ đồ và Phúc Âm ông rao giảng thực sự từ Đức Chúa Trời.

2. Kẻ bắt bớ (Ga 1:13-14)

Phao-lô bắt đầu bằng hành vi trong quá khứ của mình là một Ra bi Do Thái vô tín. (Để hiểu được câu chuyện sống động về những năm tháng này qua chính Phao-lô kể, hãy đọc Cong 22:1-30 và 26:1-32, cũng như 9:1-43). Trong việc thuật lại lịch sử bản thân, Phao-lô cho biết mối quan hệ của ông với Hội Thánh Ga 1:13) và với đạo Giu-đa Ga 1:14). Ông đang bắt bớ Hội Thánh, làm lợi và phát triển tôn giáo Do Thái. Mọi việc “đang thuận buồm xuôi gió” với ông và ông nhanh chóng được người ta nhận ra là nhà lãnh đạo tinh thần của dân Y-sơ-ra-ên.

Thật là thú vị khi chú ý các từ ngữ được dùng miêu tả các hoạt động của Phao-lô khi ông là “Sau-lô người Tạt-sơ” bắt bớ Hội Thánh. Ông “ung thuận” giết hại Ê-tiên (Cong 8:1), và rồi tiếp tục “làm tàn hại Hội Thánh” (Cong 8:3): sấn vào các nhà bắt người tin Chúa bỏ tù. Chính bầu không khí ông đang hít thở nhuốm “đầy sự ngăm đe và chém giết” (Cong 9:1). Phao-lô quyết chí phá tán Hội Thánh đến nỗi đồng ý giết hại tín đồ Đấng Christ (Cong 22:4-5 26:9-11). Ông đề cập đến những sự kiện này trong các bức thư của mình (ICo 15:9 Phi 3:6 ITi 1:13), rất đỗi ngạc nhiên Đức Chúa Trời có thể cứu rỗi một tội nhân như ông.

Thực sự Phao-lô đã nghĩ rằng Chúa Giê-xu là người mạo danh và sứ điệp cứu rỗi của Ngài là dối trá. Ông biết chắc Đức Chúa Trời đã phán qua Môi-se, nhưng làm sao có thể tin rằng Đức Chúa Trời phán qua người tên là Giê-xu ở Na-xa-rét được? Đắm mình trong truyền thống tôn giáo Do Thái, thanh niên Sau-lô quê ở Tạt-sơ đã bảo vệ cho đức tin của mình. Tiếng đồn là người hăng hái bắt bớ “những người theo Chúa Giê-xu” được lan ra khắp nơi (Cong 9:13-14). Mọi người đều biết người học trò xuất sắc của Giáo sư Ga-ma-li-ên (Cong 22:3) đang trên đường trở thành người lãnh đạo có uy tín

trong đức tin Do Thái. Nếp sống tôn giáo riêng tư của ông, sự uyên bác (Cong 26:23), và lòng sốt sắng chống lại những niềm tin tôn giáo xa lạ, tất cả kết hợp lại khiến ông trở thành một ra-bi trẻ được mọi người kính trọng nhất vào thời của ông.

Sau đó một việc đã xảy ra: Sau-lơ người Tạt-sơ, kẻ bắt bớ Hội Thánh, trở nên Phao-lô làm chức sứ đồ rao giảng Phúc Âm. Sự thay đổi này không xảy ra từ từ nhưng xảy ra thành linh không báo trước (Cong 9:1-9). Sau-lơ trên đường đến thành Đa-mách để bách hại con cái Chúa nhưng một vài ngày sau đó ông lại ở Đa- mách giảng cho người Do Thái rằng các Cơ Đốc nhân đúng. Làm thế nào Giáo sư Do Thái giải thích được sự biến đổi thành linh này ?

Dân tộc của ông, dân Do Thái, có gây ra “sự thay đổi” khác thường của Sau-lơ không? Không thể tưởng tượng được! Người Do Thái đang khuyến khích Sau-lơ bắt bớ Hội Thánh, nên việc qui đạo của ông gây bối rối cho họ.

Các Cơ Đốc nhân bị ông bắt bớ có làm nên sự biến đổi trong Sau-lơ không? Tất nhiên các tín hữu đã cầu nguyện cho ông, và rất có thể cái chết của Ê-tiên - nhất là lời chứng Ê-tiên rao ra - đã tác động đến Phao-lô cách sâu sắc (Cong 22:19-20). Nhưng Các Cơ Đốc nhân chạy trốn khỏi Sau-lơ (Cong 8:1,4 9:10-16), và như chúng ta biết, họ không hề nghĩ rằng vị ra bi trẻ tuổi này sẽ trở nên Cơ Đốc nhân.

Nhưng nếu sự thay đổi lạ lùng trong đời sống Phao-lô không do người Do Thái hoặc Hội Thánh, vậy thì ai làm nên điều đó? Điều đó phải đến từ Đức Chúa Trời!

Cho dù bạn có xem xét như thế nào chăng nữa, việc Phao-lô trở lại đạo là một phép lạ thiêng liêng. Theo cách con người ra bi Sau-lơ không thể nào trở nên sứ đồ Phao-lô ngoại trừ phép lạ của ân điển Đức Chúa Trời. Và chính Đức Chúa Trời đã cứu rỗi Phao-lô cũng kêu gọi ông làm sứ đồ, và ban cho ông sứ điệp của Phúc Âm. Đối với giáo sư Do Thái phủ nhận chức sứ đồ và Phúc Âm của Phao-lô giống như phủ nhận sự trở lại đạo của ông! Chắc chắn Phao-lô đang rao giảng sứ điệp mà chính ông đã tin nhận - chân lý đã biến đổi cuộc đời ông. Nhưng không có sứ điệp nào của con người có tác động biến đổi như vậy. Phao-lô đúc kết lập luận của mình: việc làm trong quá khứ là người bắt bớ Hội Thánh cộng với sự biến đổi lạ lùng mà ông từng trải chứng minh rằng sứ điệp và chức vụ của ông đến từ Đức Chúa Trời.

3. Người tin đạo (Ga 1:15-16,24)

Đã bàn về hành vi và cá tính trong quá khứ của mình, bây giờ Phao-lô giải thích việc tin Chúa của ông vì dấu sao đây là điều quan hệ trong cuộc đời của ông. Ông nói với những người kiện cáo mình, “Tôi đã từng trải những gì tôi rao giảng cho người khác. Đây là Phúc Âm thật. Bất cứ Phúc Âm nào khác đều giả dối cả”. Trong những câu này Phao-lô giải thích các đặc điểm trong kinh nghiệm gặp Chúa của ông.

Đức Chúa Trời đã làm điều đó (Ga 1:15a,16a). “Đức Chúa Trời vui lòng bày tỏ Con Ngài ra trong tôi”. Bất cứ khi nào Phao-lô nói hay viết về kinh nghiệm tin Chúa, ông luôn nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời đã hành động trong ông . “Sự cứu rỗi thuộc về Chúa!” (Gion 2:9).

Đức Chúa Trời đã làm bởi ân điển Ngài (Ga 1:15b). Kinh nghiệm của Phao-lô nhắc chúng ta nhớ đến thanh niên Giê-rê-mi (Gie 1:4-10) và Giảng Báp-tít (Lu 1:5-17). Sự cứu rỗi bởi ân điển của Đức Chúa Trời, không bởi nỗ lực hay phẩm hạnh của con người. Ân điển và sự kêu gọi (Ga 1:15b) đi đôi với nhau, vì Đức Chúa Trời chọn bất cứ ai trong ân điển, Ngài cũng kêu gọi bởi Lời của Ngài (ITe 1:4-5). Sự mâu nhiệm trong ý muốn thiêng liêng của Đức Chúa Trời và trách nhiệm phải vâng lời của con người chưa được bày tỏ trọn vẹn cho chúng ta. Chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời “không muốn mọi người chết mất” (IIPhi 3:9), và chúng ta biết những người tin nhận Đấng Christ khám phá ra họ đã được “chọn trong Ngài trước khi sáng thế” (Eph 1:4).

Đức Chúa Trời đã hành động qua Đấng Christ (1:16a). Trong bức thư khác Phao-lô nói rõ ông có nhiều điều để hãnh diện lúc còn trong xác thịt (Phi 3:4-7). Ông có tôn giáo và sự công bình riêng, cùng sự danh tiếng và được mọi người nhận biết nhưng ông không có Đấng Christ! Trên đường Đa-mách,

Phao-lô thấy sự công bình của ông như áo nhóp so với công bình của Đấng Christ, ông nhận ra điều mình đang thiếu mất. “Nhưng vì có Đấng Christ tôi đã coi sự lờ cho tôi như là sự lỗi vậy.” (Phi 3:7).

Đức Chúa Trời bày tỏ Đấng Christ cho Phao-lô, trong Phao-lô và qua Phao-lô. “Tôn giáo của người Do Thái” (Ga 1:14) là những việc làm và thực hành bên ngoài nhưng đức tin trong Đấng Christ dẫn đến kinh nghiệm bên trong của sự thực hữu với Chúa. “Sự thành hình” của Đấng Christ là lẽ thật chính yếu với Phao-lô (Ga 2:20 4:19).

Đức Chúa Trời đã hành động vì ích lợi của kẻ khác (1:16b). Đức Chúa Trời đã lựa chọn Phao-lô, không chỉ cứu rỗi ông, nhưng Ngài còn dùng ông chinh phục người khác. Trong Thánh Kinh, không hề dạy giáo lý chọn lựa với quan điểm sinh ra kiêu ngạo hay vị kỷ. Sự tuyển chọn bao gồm trách nhiệm. Đức Chúa Trời chọn Phao-lô để rao giảng ân điển ông đã kinh nghiệm cho người ngoại bang. Chính điều này là bằng chứng cho biết Đức Chúa Trời đã cứu rỗi ông vì chắc chắn một ra bi Do Thái đầy thành kiến sẽ không bao giờ quyết định chính mình làm giáo sĩ cho dân ngoại bang! (Cong 9:15 15:12 22:21-22 Eph 3:1-8).

Đức Chúa Trời đã hành động vì sự vinh hiển của Ngài (Ga 1:24). Là một ra bi Do Thái nhiệt thành, Phao-lô có tất cả vinh quang con người có thể khao khát nhưng những gì ông đang làm không dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Con người được dựng nên để làm sáng danh Đức Chúa Trời (Es 43:7), con người được cứu cũng để làm rạng danh Đức Chúa Trời (ICo 6:19-20). Đem lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời là động cơ thúc cuộc đời và chức vụ của Phao-lô (Ro 11:36 16:27 Eph 1:6 3:20-21 Phi 4:20 ICo 10:31). Giáo sư Do Thái thích tìm vinh hiển riêng cho mình (Ga 6:11-18). Đó là lý do tại sao họ đánh cắp tín hữu của Phao-lô và dẫn họ đi lạc đường. Nếu Phao-lô quan tâm đến vinh hiển cho riêng mình, có thể ông vẫn là ra bi Do Thái và có lẽ đã trở nên người kế vị Ga-ma-li-ên rồi. Nhưng chính vinh hiển của Đức Chúa Trời đã thúc đẩy Phao-lô, và điều này phải thúc đẩy cuộc đời chúng ta nữa.

Khi Charles Haddon Spurgeon còn là một truyền đạo trẻ tuổi, cha của ông, cụ John Spurgeon, gợi ý Charles theo học đại học để có học vị. Ông được sắp xếp để gặp Tiến sĩ Joseph Angus, hiệu trưởng Đại Học Stepney ở Luân-đôn. Họ phải gặp tại nhà của ông Macmillan tại thành phố Cambridge, và Spurgeon có mặt tại đó đúng giờ hẹn. Ông ta đợi suốt hai giờ đồng hồ, nhưng vị tiến sĩ uyên bác không bao giờ xuất hiện. Cuối cùng khi Spurgeon hỏi thăm người chủ nhà, ông mới biết tiến sĩ Angus đã đợi ông ở một phòng khác và vì có cuộc hẹn khác ông đã đi rồi. Thất vọng, Spurgeon lên đường đi giảng cho một lễ đính hôn. Trong khi đi đường ông nghe tiếng phán rõ ràng với ông, “Ngươi còn tìm việc lớn cho mình hay sao? Chớ có tìm kiếm!” (Gie 45:5). Từ lúc ấy, Spurgeon quyết định làm theo ý muốn Đức Chúa Trời để làm vinh hiển danh Ngài và Đức Chúa Trời đã ban phước cho ông cách lạ lùng.

Phao-lô đã nêu hình ảnh chính ông là người bắt bớ và nhắc lại tính cách và hành vi của ông. Ông cũng hình dung chính mình là một tín hữu, nhắc lại việc tin Chúa của mình. Bây giờ ông nêu lên hình ảnh thứ ba.

4. Người rao giảng Phúc Âm (Ga 1:16-23)

Phao-lô có lần tiếp xúc nào với các con cái Chúa khác sau khi tin Chúa không? Đây là câu hỏi quan trọng đối với sự biện hộ của ông. Phao-lô không gặp mặt sứ đồ nào ngay sau khi kinh nghiệm gặp Chúa trên đường đi Đa-Mách. “Thì lập tức tôi chẳng bàn với thịt và máu” (Ga 1:16c). Điều hợp lý mà Phao-lô phải làm là tự giới thiệu mình với Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem để được những người tin Chúa trước ông nâng đỡ đời sống thuộc linh. Nhưng ông đã không làm điều này - và ông quyết định đi theo sự hướng dẫn của Chúa. Vì nếu ông lên Giê-ru-sa-lem, có lẽ ông đã gắn bó chức vụ với các sứ đồ khác - dành tất cả cho người Do Thái - và có thể điều này cản trở công việc của ông giữa vòng dân ngoại.

Ở đây chúng ta cần tự nhớ rằng sứ điệp Phúc Âm dành “trước cho người Do Thái” (Cong 3:26 Ro 1:16). Chức vụ của Chúa chúng ta dành cho dân tộc Y-sơ-ra-ên, và chức vụ của các sứ đồ trong những năm đầu tiên cũng như vậy (Cong 1:1-7:60). Sự chết của Ê-tiên là một bước ngoặt cho sứ điệp Phúc

Âm. Khi các tín hữu bị tản lạc, họ đem Phúc Âm đến những nơi khác (Cong 8:4-11:19). Phi-líp đem Phúc Âm đến cho người Sa-ma-ri (Cong 8:1-40), và rồi Đức Chúa Trời hướng dẫn Phi-e-rơ đến giới thiệu Phúc Âm cho người ngoại bang (Cong 10:1-48). Tuy nhiên, phần còn lại dành cho Phao-lô mang Phúc Âm đến với đông đảo dân ngoại bang (Cong 22:21-22 Eph 3:1,8), và vì lý do này Đức Chúa Trời đã biệt riêng ông ra khỏi chức vụ chủ yếu dành cho người Do Thái mà các sứ đồ đang thi hành tại Giê-ru-sa-lem.

Phao-lô không đi ngay lên Giê-ru-sa-lem. Vậy ông đã đi đâu? Ông nhắc lại các cuộc gặp gỡ và cho thấy rằng ông không có cơ hội nào để nhận lãnh sứ điệp hoặc lời kêu gọi vào chức vụ sứ đồ từ bất kỳ ai trong các vị lãnh đạo Hội Thánh. (Hãy so sánh phần này với Cong 9:10-31, và nhớ rằng ngay cả những học giả Kinh Thánh xuất sắc nhất cũng không nhất trí về trình tự thời gian trong cuộc đời Phao-lô. May mắn thay, những chi tiết lịch sử không ảnh hưởng đến sự hiểu biết những gì Phao-lô đã viết: chúng ta có thể không nhất trí về thứ tự thời gian nhưng chúng ta đồng ý về thần học!)

Phao-lô đến A-ra-bi (1:17b). Việc này xảy ra sau khi ông thi hành chức vụ đầu tiên tại Đa-mách (Cong 9:19-20). Thay vì “bàn với thịt và huyết”, Phao-lô tự học hỏi, cầu nguyện, suy ngẫm và gặp gỡ một mình Chúa. Có lẽ ông đã dành phần lớn thì giờ trong ba năm ở tại A-ra-bi (Ga 1:18), và rất có thể ông dành thì giờ rao giảng Phúc Âm và lớn lên trong đời sống thuộc linh cá nhân. Các sứ đồ đã nhận lãnh sự dạy dỗ từ nơi Chúa Giê-xu trong ba năm, và bây giờ Phao-lô có cơ hội để được Chúa dạy dỗ.

Ông trở lại Đa-mách (1:17c). Vào thời điểm này có lẽ Phao-lô viếng thăm Giê-ru-sa-lem là hợp lý hơn, nhưng Chúa điều ông đi hướng khác. Chắc chắn sẽ là điều mạo hiểm cho Phao-lô khi ông trở lại thành phố biết ông đã trở nên tín đồ Đấng Christ. Các nhà lãnh đạo Do Thái mong đợi ông trở thành người đứng đầu chống lại Cơ Đốc giáo chắc chắn sẽ không tha cho ông. Hình như “việc dùng cái thùng” trong Cong 9:23-25 (II Co 11:32-33) xảy ra vào thời điểm này. Việc trở lại Đa-mách và mối nguy hiểm đến tính mạng của Phao-lô là những bằng chứng mạnh mẽ cho thấy các nhà lãnh đạo Do Thái giáo xem ông như kẻ thù, và do đó từng trải gặp Chúa của ông là một việc quý giá.

Sau cùng ông viếng thăm Giê-ru-sa-lem (1:18-20). Điều này xảy ra sau ba năm ông gặp Chúa, và mục đích chính ông thăm sứ đồ Phi-e-rơ. Nhưng Phao-lô đã trải qua một thời gian rất khó khăn để có thể tham gia thông công với Hội Thánh! (Cong 9:26-28). Nếu sứ điệp và chức vụ của ông ra từ các sứ đồ, điều này sẽ chẳng bao giờ xảy ra nhưng vì Phao-lô đã kinh nghiệm nơi một mình Chúa Giê-xu Christ, các sứ đồ đã ngờ vực ông. Ông lưu lại Giê-ru-sa-lem chỉ có 15 ngày, chỉ gặp Phi-e-rơ và Gia-cơ (em của Chúa Giê-xu). Vì vậy ông không nhận sứ điệp cũng như chức vụ nơi Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Không đơn giản là vì ông không có thời gian và cơ hội. Phao-lô đã nhận cả hai điều trên trực tiếp nơi Chúa Giê-xu Christ.

Ông trở lại quê hương Tạt-so (1:21-23). Một lần nữa, lời ký thuật trong sách Công vụ giải thích lý do tại sao ông về thăm quê hương: mạng sống của ông đang bị đe dọa tại Giê-ru-sa-lem, như đã từng bị tại Đa-mách (Cong 9:28-30). Khi Phao-lô đi ngang qua xứ Sy-ri ông giảng Lời Đức Chúa Trời và khi đến thành Si-li-si, thành phố quê hương ông (Cong 21:39-22:3), ông bắt đầu giảng Phúc Âm (Cong 15:23). Các sứ gia kết luận rằng có lẽ ông lưu lại đó bảy năm, cho đến lúc Ba-na-ba tuyển chọn ông hầu việc tại An-ti-ốt (Cong 11:39-26). Một ít tín hữu ở Giê-ru-sa-lem biết Phao-lô, nhưng tín hữu trong các Hội Thánh xứ Giu-đê không biết ông mặc dầu họ nghe rằng bây giờ ông đang rao giảng về chính niềm tin mà có lần ông toan huỷ diệt.

Dưới ánh sáng của hành vi, sự qui đạo và những lần tiếp xúc của Phao-lô, ai có thể buộc tội ông vay mượn hoặc tạo ra sứ điệp hay chức vụ cho mình? Chắc chắn ông đã nhận Phúc Âm bởi sự tỏ ra từ nơi Chúa Giê-xu Christ. Vì vậy, chúng ta phải thận trọng về điều chúng ta làm với Phúc Âm này, vì nó không phải là phát minh của con người nhưng chính là chân lý của Đức Chúa Trời.

Một vài nhà phê bình cáo buộc Phao-lô “đã làm hỏng Phúc Âm đơn sơ”, nhưng sự thật đã phản bác lại lời buộc tội này. Cùng một Đấng Christ đã dạy dỗ trên đất, Ngài cũng từ trời dạy dỗ qua Phao-lô. Phao-lô không tạo ra lời giảng dạy nhưng ông đã nhận lời giảng ấy (Ro 1:5 I Co 11:23-15:3). Lúc Phao-lô trở lại đạo, Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ hiện ra cho ông trong tương lai (Cong 26:16), rõ ràng vì mục đích bày tỏ chân lý của Ngài cho ông. Điều này có nghĩa Đấng Christ trong bốn sách

Phúc Âm và Đấng Christ trong các thư tín là một không có mâu thuẫn giữa Đấng Christ và Phao-lô. Khi Phao-lô viết thư cho các Hội Thánh, ông đã đặt lời giảng dạy của mình ngang tầm với lời dạy của Chúa Giê-xu Christ (IITe 3:3-15). Thậm chí Sứ đồ Phi-e-rơ gọi các thư của Phao-lô là “Kinh Thánh” (IIPhi 3:15-16).

“Những Giáo sư Do Thái” thời nay, giống như thời tổ phụ của họ, khước từ thẩm quyền của Phao-lô và tìm cách làm giảm giá trị Phúc Âm ông đã rao giảng. Trong thời Phao-lô, sứ điệp của họ là “Phúc Âm cộng thêm luật pháp Môi-se”. Trong thời chúng ta đó là “Phúc Âm cộng với” nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo, các sách tôn giáo hoặc các tổ chức tôn giáo. “Bạn không thể được cứu trừ phi ...” là sứ điệp của họ (Cong 15:1) và chữ “trừ phi” thường thường bao gồm việc tham gia vào nhóm và tuân theo phép tắc luật lệ của họ. Nếu bạn can đảm đề cập đến Phúc Âm của ân điển như Chúa Giê-xu, Phao-lô và các sứ đồ khác đã rao giảng thì họ đáp rằng, “Nhưng Đức Chúa Trời đã cho chúng ta một khả thi mới!”

Phao-lô có câu trả lời cho họ: “Nếu bất kỳ ai truyền cho anh em một Phúc Âm nào khác với Phúc Âm anh em đã nhận, thì người ấy đáng bị a-na-them!” (Ga 1:9). Khi một tội nhân tin nhận Đấng Christ và được tái sinh (Gi 3:1-18), người ấy được “tự do”. Người ấy đã được cứu rỗi - được Chúa Giê-xu Christ chuộc mua và ban cho tự do. Người ấy không còn ở trong xiềng xích tội lỗi hoặc Sa-tan, người ấy cũng không còn bị ràng buộc bởi hệ thống tôn giáo của con người (Ga 4:1-11 5:1). “Vậy nếu con buông tha các người, các người sẽ thật được tự do” (Gi 8:36).

3. CHIẾN SĨ ĐẤU TRANH CHO TỰ DO PHẦN 1 (Ga 2:1-10)

“Vùng đất này sẽ tồn tại là vùng đất của tự do bao lâu nó còn là quê hương của những người dưng cảm”

Trong cuốn sách Nhưng Chúng Ta Đã Sanh Ra Trong Tự Do, nhà phân tích tin tức lão luyện Elmer Davis cũng viết như vậy, và những lời thuyết phục của ông chắc chắn vang vọng tiếng nói của sứ đồ Phao-lô. Đối với Phao-lô, sự tự do thiêng liêng của ông trong Đấng Christ có giá trị hơn hẳn sự nổi tiếng hoặc ngay cả sự bảo đảm. Ông sẵn lòng chiến đấu cho sự tự do ấy.

Cuộc tranh đấu đầu tiên của Phao-lô vì sự tự do Cơ Đốc xảy ra tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem (Ga 2:1-10 Cong 15:1-35) lần thứ hai tại cuộc gặp gỡ riêng tư với sứ đồ Phi-e-rơ (Ga 2:11-21). Nếu Phao-lô không sẵn lòng tiến hành cuộc chiến tranh thuộc linh này, Hội Thánh trong thế kỷ đầu tiên chỉ là một giáo phái của Do Thái Giáo, rao giảng một giáo lý pha trộn giữa ân điển và luật pháp. Nhưng bởi lòng can đảm của Phao-lô, Phúc Âm được giữ vững không bị lệ thuộc bởi việc làm theo luật pháp, và được ông mang đến cho người ngoại bang với phước hạnh lớn.

Trước khi xem ba cảnh trong vở kịch đầu tiên, Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem, chúng ta nên làm quen với những người tham dự hội nghị. Dĩ nhiên chúng ta đều biết Phao-lô là sứ đồ nổi tiếng cho dân ngoại.

Ba-na-ba là một trong những bạn hữu thân thiết nhất của Phao-lô. Thực ra, khi Phao-lô tìm cách tham gia thông công với Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, chính Ba-na-ba là người đã mở đường cho ông (Cong 9:26-28).

Tên Ba-na-ba có nghĩa “con trai của sự yên ủi”, và chúng ta thấy Ba-na-ba luôn luôn yên ủi người khác. Khi Phúc Âm đến với dân ngoại tại thành An-ti-ốt, chính Ba-na-ba là người được phái đến để yên ủi họ trong đức tin (Cong 11:19-24).

Do đó, từ những ngày đầu, tín hữu ngoại bang đã gắn bó với Ba-na-ba. Chính Ba-na-ba là người mời Phao-lô giúp đỡ chức vụ tại Hội Thánh An-ti-ốt (Cong 11:25-26), và hai người làm việc chung với nhau, không những trong việc dạy dỗ mà còn giúp đỡ người nghèo khó nữa (Cong 11:27-30).

Ba-na-ba đồng hành với Phao-lô trong chuyến truyền giáo đầu tiên (Cong 13:1-14:28) và đã nhìn thấy ơn lành của Đức Chúa Trời tuôn đổ trên Phúc Âm họ rao giảng. Đáng chú ý chính Ba-na-ba đã khích lệ thanh niên Giảng Mác sau khi ông “rời bỏ” chức vụ và làm buồn lòng Phao-lô (Cong

13:13 15:36-41). Trong những năm sau đó, Phao-lô có thể khen ngợi Mác và nhận được ích lợi qua tình bạn của Mác (Co 4:10 IITi 4:11).

Tít là tín hữu ngoại bang làm việc với Phao-lô và hình như ông đã trở nên môn đồ Đấng Christ qua chức vụ của Phao-lô (Tit 1:4). Ông là “sản phẩm” của chức vụ Phao-lô giữa dân ngoại, và được Phao-lô đưa đến giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem làm “bằng chứng” từ các Hội Thánh Ga-la-ti. Trong những năm sau đó, Tít phụ giúp Phao-lô bằng cách đến các Hội Thánh khó khăn nhất để giúp đỡ họ giải quyết nhiều nan đề. (ICo 7:1-16 Tit 1:5).

Ba người “cột trụ” của Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem đó là: Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ anh em của Chúa (đừng nhầm lẫn với sứ đồ Gia-cơ, người đã bị Hê-rốt giết, (Cong 12:1-2). Chúng ta biết Phi-e-rơ qua vai trò nổi bật của ông trong các sách Phúc Âm cũng như trong phần đầu sách Công vụ. Chúa Giê-xu đã ban cho Phi-e-rơ “chìa khoá nước thiên đàng”, để chính ông là người mở cánh cổng đức tin cho người Do Thái (Cong 2:1-47), người Sa-ma-ri (Cong 8:1-40), và cho dân ngoại (Cong 10:1-48). Chúng ta cũng biết Giăng qua các sách Phúc Âm ghi lại là một trong ba sứ đồ “thân cận” của Đấng Christ, cùng làm việc với Phi-e-rơ trong chức vụ rao giảng Lời Đức Chúa Trời (Cong 3:1).

Có lẽ cần nói thêm về Gia-cơ. Sách Phúc Âm ghi lại rằng Ma-ri và Giô-sép có các con khác và Gia-cơ là một trong số những người con đó (Mat 13:55 Mac 6:3). (Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu sanh ra bởi quyền phép Đức Thánh Linh, và không bởi công lệ loài người Mat 1:18-25 Lu 1:26-38). Em trai và em gái của Chúa chúng ta không tin Ngài trong suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ trên đất (Gi 7:1-5). Dầu vậy, chúng ta tìm thấy “anh em của Ngài” cộng tác với các tín hữu Hội Thánh đầu tiên (Cong 1:13-14). Phao-lô cho chúng ta biết Đấng Christ sống lại đã hiện ra cho Gia-cơ, và điều này là bước ngoặt trong cuộc đời của ông (ICo 15:5-7). Gia-cơ là người lãnh đạo Hội Thánh đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem (Cong 15:1-41 21:18). Người cũng viết thư Gia-cơ và qua thư ấy cùng với Cong 21:18, cho biết rằng ông rất là Do Thái trong suy nghĩ của mình.

Cùng với những người này, và các “sứ đồ cùng trường lão” (Cong 15:4,6) có một nhóm “các anh em giả” trà trộn vào các giờ nhóm cố tìm cách lấy đi sự tự do trong Đấng Christ của tín hữu trong Hội Thánh (Ga 2:4). Chắc chắn đây là một số Giáo sư Do Thái đã theo Phao-lô vào hết Hội Thánh này đến Hội Thánh khác để tìm cách lôi kéo tín hữu của ông. Việc Phao-lô gọi họ là “anh em giả” cho thấy họ không phải là Cơ Đốc nhân thật, nhưng chỉ giả bộ như vậy để có thể lôi kéo nhiều người về cho mình.

Đây là thành phần các nhân vật. Chúng ta nên đọc Ga 2:1-10 kết hợp với Cong 15:1-41 để có được đầy đủ các sự kiện trong câu chuyện.

1. Cảnh thứ nhất - Cuộc họp riêng tư (Ga 2:1-2)

Phao-lô và Ba-na-ba đã trở lại An-ti-ốt sau chuyến hành trình truyền giáo lần thứ nhất, họ vui mừng về cách Đức Chúa Trời đã “mở cửa đức tin cho người ngoại” (Cong 14:27). Nhưng những người Do Thái chủ luật tại Giê-ru-sa-lem bức tức về những việc họ làm vì vậy họ cũng đến An-ti-ốt dạy rằng một người ngoại bang phải trở nên người Do Thái trước khi trở thành Cơ Đốc nhân (Cong 15:1).

Phép cắt bì, họ đòi hỏi nơi người ngoại bang là một nghi lễ quan trọng của người Do Thái đã được thi hành từ thời Áp-ra-ham (Sa 17:1-27). Chịu phép cắt bì có nghĩa công nhận và vâng theo toàn bộ luật pháp Do Thái. Thực ra, người Do Thái đã quên ý nghĩa thuộc linh sâu xa của nghi lễ này (Phu 10:16 Gie 4:1-4 Ro 2:25-29), giống như một số Hội Thánh ngày nay đánh mất ý nghĩa thuộc linh của phép báp-têm và xem nó như là một nghi thức bên ngoài. Cơ Đốc nhân thật đã kinh nghiệm phép cắt bì trong lòng (Co 2:10-11) và không cần phải tuân theo bất kỳ cuộc giải phẫu nào (Phi 3:1-3).

Khi Phao-lô và Ba-na-ba trình bày với những người này về chân lý của Phúc Âm, dẫn đến cuộc cãi lẽ dữ dội (Cong 15:2). Người ta quyết định rằng tốt nhất nên đem vấn đề ra giải quyết trước mặt các bậc lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem. Chúng ta không nên nghĩ rằng “Hội nghị Giê-ru-sa-lem” này là cuộc họp đại biểu từ các Hội Thánh như hội nghị các giáo phái sự thật không phải vậy. Phao-lô, Ba-na-ba, Tít và nhiều người khác từ An-ti-ốt đại diện cho các tín hữu ngoại bang đã được cứu hoàn toàn

không tùy thuộc luật pháp Do Thái nhưng không có đại biểu nào khác từ các Hội Thánh Phao-lô đã thành lập trong xứ ngoại bang.

Khi đoàn đại biểu đến Giê-ru-sa-lem, họ gặp riêng với các lãnh đạo Hội Thánh. Phao-lô không đi Giê-ru-sa-lem vì Hội Thánh cử ông ông “vâng theo lời tỏ ra mà lên đó” - tức là Chúa sai ông (so sánh Ga 2:1 và 1:12). Và Chúa cho ông sự khôn ngoan gặp mặt các lãnh đạo trước để họ có thể tỏ ra sự thống nhất tại các cuộc họp chung.

“Kẻo sự chạy của tôi trước kia và bây giờ hoá ra vô ích chẳng” (Ga 2:2) không có nghĩa Phao-lô không chắc về sứ điệp hoặc chức vụ của ông. Cung cách trên đường đi đến hội nghị cho thấy ông không chút nghi ngờ nào (Cong 15:3). Điều Phao-lô quan tâm là tương lai của Phúc Âm giữa vòng dân ngoại, vì đây là chức vụ cụ thể của ông nhận nơi Đấng Christ. Nếu “các vị lãnh đạo cột trụ “ủng hộ” những Giáo sư Do Thái hoặc cố tìm cách thoả thuận thì chức vụ của Phao-lô sẽ lâm nguy. Phao-lô muốn có sự chấp thuận của họ trước khi ra mắt toàn Hội Thánh chung nếu không, có thể gây ra sự phân rẽ theo ba hướng.

Kết quả của cuộc hội thảo riêng tư này là gì? Các sứ đồ và trưởng lão chấp nhận Phúc Âm Phao-lô rao giảng. Họ không thêm vào điều gì (Ga 2:6b) và do đó họ tuyên bố những Giáo sư Do Thái là sai. Nhưng cuộc gặp riêng tư này chỉ là sự bắt đầu.

2. Cảnh thứ hai - Cuộc họp toàn thể (Ga 2:3-5)

Bác sĩ Lu-ca ghi lại Hội nghị Giê-ru-sa-lem lịch sử này (Cong 15:6-21). Vài nhân chứng đưa ra lý lẽ tán thành Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời, bắt đầu bằng Phi-e-rơ (Cong 15:7-11). Chính Phi-e-rơ được Đức Chúa Trời chọn đem Phúc Âm đến cho dân ngoại lần đầu tiên (Cong 10:1-48) và ông nhắc nhở Hội Thánh rằng Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho những kẻ tin là người ngoại bang cũng như đã ban cho người Do Thái, để không có “sự khác biệt nào”.

Đây là bài học khó khăn cho Hội Thánh đầu tiên, vì trải qua bao nhiêu thế kỷ giữa người Giu-đa và dân ngoại có sự khác biệt (Le 11:43-47 20:22-27). Trong sự chết của Ngài trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã phá vỡ sự ngăn cách giữa người Giu-đa và dân ngoại bang (Eph 2:11-22), để trong Đấng Christ tuyệt đối không có sự cách biệt nào (Ga 3:28). Trong bài nói chuyện với hội nghị, Phi-e-rơ nói trình bày rõ chỉ có một con đường cứu rỗi: đó là đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Sau đó Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại cho hội chúng những công việc Đức Chúa Trời đã làm giữa dân ngoại (Cong 15:12), và chắc chắn đó là “bảng tường trình công cuộc truyền giáo!”. Các “anh em giả” có mặt tại đó chắc chắn đã chất vấn Phao-lô và Ba-na-ba, nhưng hai chiến sĩ thập tự không thất bại. Phao-lô muốn “chân lý của Phúc Âm” cứ được giảng ra giữa dân ngoại (Ga 2:5).

Đường như Tít trở thành một “trường hợp điển hình” cho quan điểm này. Tít là tín hữu người ngoại bang chưa bao giờ chịu phép cắt bì. Tuy nhiên rõ ràng ông đã thật sự được cứu. Bây giờ nếu những Giáo sư Do Thái đứng (“Nếu các người chẳng chịu phép cắt bì theo lễ Môi-se, thì không thể được cứu rỗi” (Cong 15:1), thế thì Tít không được cứu. Nhưng ông đã được cứu, và đưa ra bằng chứng người có Đức Thánh Linh vì vậy, những Giáo sư Do Thái đã sai.

Vào lúc này, có lẽ ích lợi nếu chúng ta tìm hiểu một cộng sự khác của Phao-lô - đó là Ti-mô-thê (Cong 16:1-3). Phao-lô có bất nhất khi từ chối làm phép cắt bì cho Tít, nhưng lại đồng ý làm cắt bì cho Ti-mô-thê không? Không, vì hai trường hợp khác nhau. Trong trường hợp Ti-mô-thê, Phao-lô không chấp nhận luật pháp Do Thái để chinh phục Ti-mô-thê cho Đấng Christ. Ti-mô-thê mang hai dòng máu Giu-đa và ngoại bang, nếu thiếu sót việc cắt bì cho ông sẽ ngăn trở cho chức vụ của ông giữa dân tộc Do Thái. Tít hoàn toàn là người ngoại bang, việc ông phải chịu cắt bì sẽ cho thấy ông ta đánh mất đi điều gì đó trong kinh nghiệm Cơ Đốc của mình. Thực hiện phép cắt bì cho Tít sẽ là điều hèn nhát và thoả hiệp không làm cắt bì cho Ti-mô-thê sẽ tạo ra những khó khăn không cần thiết cho chức vụ của ông.

Gia-cơ, người đứng đầu Hội Thánh, tóm tắt các lý lẽ và kết luận vấn đề (Cong 15:13-21). Là người Do Thái chính cống, Gia-cơ nói rõ rằng người ngoại bang không cần phải trở nên người Do Thái mới trở thành Cơ Đốc nhân được. Chương trình của Đức Chúa Trời cho ngày hôm nay đó là “lấy từ trong

dân ngoại ra một dân cho danh Ngài”. Người Do Thái và ngoại bang được cứu cùng một cách: bởi tin đến danh Chúa Giê-xu Christ. Sau đó Gia-cơ yêu cầu Hội Thánh giúp đỡ tín hữu ngoại bang không làm điều gì gây có vấp phạm những người Do Thái không tin, kéo họ ngăn trở những người này được cứu. Phao-lô chiến thắng.

Quan điểm của Phao-lô thuyết phục trong cuộc họp riêng khi các nhà lãnh đạo chấp nhận Phúc Âm của ông và cũng thuyết phục trong buổi nhóm chung cả nhóm đồng ý với Phao-lô và phản đối những Giáo sư Do Thái.

Dư âm của hội nghị Giê-ru-sa-lem được nghe nhắc lại trong thư Phao-lô gửi cho tín hữu Ga-la-ti. Phao-lô đề cập đến “ách nô lệ” (Ga 5:1), nhắc chúng ta nhớ đến lời khuyên cáo giống như vậy của Phi-e-rơ (Cong 15:10). Các đề tài về tự do và nô lệ thường được nhắc lại (Ga 2:4 4:3,9,21-31 5:1), cũng như ý tưởng về phép cắt bì (2:3 5:3-4 6:12-13).

Nhiều thế kỷ về sau, các Cơ Đốc nhân ngày nay lại cần phải biết ơn về lòng kiên cường của Phao-lô và bạn đồng sự với ông đã làm để đấu tranh cho tự do của Phúc Âm. Phao-lô quan tâm đến “chân lý của Phúc Âm” (Ga 2:5,14), chứ không phải “sự bình an của Hội Thánh”. Sự khôn ngoan Đức Chúa Trời ban cho từ trên “trước hết là thánh sạch, sau lại hoà thuận” (Gia 3:17). “Bình an bằng mọi giá” không phải là triết lý trong chức vụ của Phao-lô, cũng không nên là của chúng ta.

Kể từ thời điểm Phao-lô, kẻ thù ân điển luôn tìm cách thêm thắt vào Phúc Âm đơn sơ của ân điển Đức Chúa Trời. Họ nói với chúng ta rằng một người được cứu bởi đức tin phải thêm vào một điều gì đó - việc lành, mười điều răn, phép báp têm, thuộc viên Hội Thánh, nghi lễ tôn giáo - Phao-lô nói rõ những thầy giáo này sai. Thực ra, Phao-lô tuyên bố sự rửa sả trên bất kỳ ai (dầu người hay thiên sứ) rao giảng một phúc âm nào khác ngoài Phúc Âm của Ân điển Đức Chúa Trời, với trung tâm điểm là Chúa Giê-xu Christ (Ga 1:6-9 xem ICô 15:1-7 để hiểu định nghĩa về Phúc Âm). Sửa đổi ý nghĩa của Phúc Âm là một việc nguy hiểm.

3. Cảnh thứ ba - Sự khẳng định cá nhân (Ga 2:6-10)

Những Giáo sư Do Thái hy vọng làm cho các lãnh đạo Hội Thánh Giê-ru-sa-lem không đồng ý với Phao-lô. Ngược lại, Phao-lô nói rõ con người và địa vị của các lãnh đạo Hội Thánh không có ảnh hưởng gì đến chính bản thân ông. Đương nhiên ông kính trọng họ. Nếu không chắc chắn ông đã không hỏi riêng ý kiến họ. Nhưng ông không sợ họ hoặc tìm cách mua chuộc ảnh hưởng của họ. Tất cả những điều ông muốn họ làm là nhận biết “ân điển của Đức Chúa Trời” đang hành động trong đời sống và chức vụ của ông (Ga 2:9), và họ đã làm điều này.

Không những Hội Thánh chấp nhận Phúc Âm Phao-lô rao giảng và phản đối kẻ thù của Phao-lô, nhưng còn khích lệ chức vụ của ông và công khai nhận thấy rằng Đức Chúa Trời đã giao phó công việc của Ngài giữa dân ngoại vào tay Phao-lô. Họ không thể thêm điều gì vào sứ điệp hay chức vụ của Phao-lô, và họ không lấy bớt đi điều gì. Có sự thống nhất và hiệp ý: một Phúc Âm sẽ được rao giảng ra cho người Do Thái lẫn người ngoại bang.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo cũng nhận biết rằng Đức Chúa Trời đã giao các lãnh vực truyền giáo khác nhau cho nhiều người riêng biệt. Ngoài lần viếng thăm nhà Cọt nây (Cong 10:1-48) và người Sa-ma-ri (Cong 8:1-40), Phi-e-rơ chủ yếu tập trung chức vụ của ông giữa vòng người Giu-đa. Phao-lô đã được kêu gọi làm sứ giả của Đức Chúa Trời cho người ngoại bang. Vì vậy, người ta đồng ý rằng mỗi người sẽ hầu việc trong lãnh vực Đức Chúa Trời giao phó cho mình.

“Phúc Âm cho người chịu cắt bì” và “Phúc Âm cho người không chịu phép cắt bì” không phải là hai sứ điệp khác nhau người ta đã đồng ý rằng chỉ có một Phúc Âm. Đúng hơn ở đây chúng ta có hai lĩnh vực truyền giáo, một cho người Do Thái và một cho người ngoại bang. Phi-e-rơ và Phao-lô đều rao giảng cùng một Phúc Âm, và cùng một Chúa đang hành động trong họ và qua họ (Ga 2:8), nhưng họ sẽ phục vụ cho các dân tộc khác nhau.

Điều này không có nghĩa Phao-lô không bao giờ tìm cách chinh phục người Do Thái. Trái lại, ông nặng lòng cho dân tộc của mình (Ro 9:1-3). Thực ra, khi Phao-lô đến một thành phố nào trước tiên ông tìm đến nhà hội của người Do Thái, nếu có một chỗ ở đó, ông bắt đầu chức vụ giữa dân tộc

của mình. Phi-e-rơ cũng không ngăn cản việc rao giảng Phúc Âm cho người ngoại bang. Nhưng mỗi người tập trung công việc của mình vào trong lĩnh vực được Đức Thánh Linh giao phó cho mình. Gia-cơ, Phi-e-rơ, và Giăng đi đến với người Do Thái Phao-lô đi đến người ngoại bang (Ga 2:9b, từ ngữ người ngoại đạo có nghĩa “các dân ngoại bang”).

Hội nghị Giê-ru-sa-lem bắt đầu bằng một khả năng có thể chia rẽ và bất hoà nặng nề tuy nhiên hội nghị kết thúc bằng sự cộng tác và đồng lòng. “Kìa, anh em ăn ở hoà thuận nhau. Thật tốt đẹp thay” (Thi 133:1). Có lẽ ngày nay chúng ta cần thực hành cộng tác giống như vậy.

Chúng ta cần nhận ra việc Đức Chúa Trời kêu gọi con người vào trong các chức vụ khác nhau ở những nơi khác nhau tuy nhiên hết thảy đều rao giảng một Phúc Âm và đang tìm cách cộng tác với nhau để xây dựng Hội Thánh Ngài. Giữa những người biết và kính mến Đấng Christ, không thể có sự “tranh cạnh”. Phi-e-rơ là một người vĩ đại, và có lẽ ông là sứ đồ trưởng tuy vậy ông vui vẻ nhường bộ Phao-lô - người mới đến - và cho phép Phao-lô tiếp tục chức vụ như Chúa đã dẫn dắt ông. Trước đây, Phao-lô giải thích sự độc lập đối với các sứ đồ (Ga 1:1-24) bây giờ trong chương 2 ông nêu lên sự liên hệ với các sứ đồ khác. Ông tự do, tuy nhiên người sẵn lòng thông công với họ trong chức vụ rao giảng Phúc Âm.

Chúng ta đi từ giáo lý thần học đến hành động thực tiễn - giúp đỡ người nghèo khó (Ga 2:10). Chắc chắn những việc này phải đi chung với nhau. Giáo lý đúng không bao giờ thay thế cho bốn phần Cơ Đốc (Ga 2:14-26). Rất thường các buổi nhóm của chúng ta bàn luận nhiều nan đề, nhưng không có kết quả trong hành động giúp đỡ cụ thể cho thế giới có nhu cầu. Phao-lô luôn luôn quan tâm đến người nghèo khó (Cong 11:27-30), vì vậy ông vui mừng làm theo đề nghị của họ.

Cho dù hội nghị kết thúc bằng sự đồng tình giữa Phao-lô và các nhà lãnh đạo nhưng nó không vĩnh viễn giải quyết vấn đề. Người theo đạo Giu-đa không từ bỏ, nhưng tìm cách can thiệp vào công việc của Phao-lô và thâm nhập vào các Hội Thánh ông đã thành lập. Phao-lô mang tin vui về quyết định trong hội đồng giáo hội đến cho các Hội Thánh tại An-ti-ốt, Sy-ri, và Si-li-ci (Cong 15:23) và các miền khác mà người đã rao giảng (Cong 16:4). Nhưng Giáo sư Do Thái theo chân ông (giống như những con chó kêu ăng ăng – (Phi 3:1-3), họ bắt đầu công việc gieo rắc tại An-ti-ốt nơi họ tác động đến cả Phi-e-rơ có lợi cho công việc của họ (Ga 2:11).

Có mỗi ngày vực nhỏ về việc giáo sư Do Thái đến các Hội Thánh Ga-la-ti để gieo rắc mầm mống bất hoà, vì lý do này Phao-lô phải viết thư chúng ta đang nghiên cứu hiện nay. Thư này có thể được viết từ An-ti-ốt ngay sau khi Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem, mặc dù một số học giả ấn định thời gian của nó trễ hơn và cho rằng Phao-lô viết thư này hoặc tại Ê-phê-sô hoặc tại Cô-rinh-tô. Những chi tiết lịch sử này thật quan trọng, nhưng chúng không quyết định cho sự hiểu biết về chính bức thư. Chỉ cần nói rằng có lẽ đây là thư đầu tiên của Phao-lô, và trong thư ấy chúng ta tìm thấy mọi giáo lý chính yếu mà Phao-lô tin, rao giảng và viết về trong chức vụ tiếp theo của ông.

Vỡ kịch đã hạ màn, nhưng màn sẽ kéo lên để phô diễn vở kịch khác. Lại lần nữa “chiến sĩ cho tự do” của Đức Chúa Trời sẽ binh vực cho chân lý của Phúc Âm, lần này trước mặt Phi-e-rơ.

4. CHIẾN SĨ ĐẤU TRANH CHO TỰ DO – PHẦN 2 (Ga 2:11-21)

“Cảnh giác vĩnh cửu là giá của tự do!”

Wendell Phillips đã nói như vậy tại cuộc họp chống chính sách nô lệ ở tiểu bang Massachusetts năm 1852, tinh thần đó vẫn còn có giá trị đến ngày nay - không những trong lĩnh vực chính trị nhưng còn trong lĩnh vực tinh thần nữa. Phao-lô liệu mình đem Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời đến những vùng xa xôi, và không chịu nhượng bộ cho kẻ thù của mình chiếm đoạt sự tự do của Đấng Christ khỏi ông và Hội Thánh của ông . Chính sự “cảnh giác thuộc linh” này dẫn dắt Phao-lô vào cuộc chạm trán khác gây ấn tượng, lần này với sứ đồ Phi-e-rơ, Ba-na-ba và một số bạn bè của Gia-cơ. Hơn nữa vở kịch gồm có ba màn.

1. Phi-e-rơ trở lại con đường cũ (Ga 2:11-13)

Hình như sau hội nghị quan trọng mô tả trong Cong 15:1-41, có lúc nào đó Phi-e-rơ từ Giê-ru-sa-lem đi An-ti-ốt. Điều đầu tiên chúng ta lưu ý là sự tự do của Phi-e-rơ lúc bấy giờ. Ông vui vẻ thông công với tất cả tín hữu, người Giu-đa cũng như người ngoại bang. “Ăn với người ngoại bang” có nghĩa là chấp nhận họ, đặt người Do Thái và ngoại bang ngang hàng như một gia đình trong Đấng Christ.

Được trưởng dưỡng như là một người Do Thái chính thống, Phi-e-rơ trải qua một thời gian khó khăn để kinh nghiệm bài học này. Chúa Giê-xu đã dạy điều đó trong lúc còn ở với Phi-e-rơ trước khi Ngài bị treo trên thập tự giá (Mat 15:1-20). Đức Thánh Linh nhấn mạnh lại điều này khi Ngài sai Phi-e-rơ đến nhà Cọt nây, thầy đội người La Mã (Cong 10:1-48). Hơn nữa, chân lý này đã được hội nghị các nhà lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem chấp thuận và thừa nhận (Cong 15:1-41). Phi-e-rơ là một trong những nhân chứng quan trọng vào lúc ấy.

Nhưng trước khi phê phán Phi-e-rơ, có lẽ tốt hơn chúng ta nên xét nếp sống riêng của chúng ta để xem chúng ta thực sự vâng theo bao nhiêu giáo lý quen thuộc trong Thánh Kinh. Khi bạn nghiên cứu lịch sử Hội Thánh, bạn thấy rằng, trải qua nhiều năm tín hữu chậm chạp trong việc tin và thực hành các chân lý trong đức tin Cơ Đốc ngay cả khi ngày nay chúng ta có Kinh Thánh trọn bộ. Khi nghĩ đến sự bắt bớ và ngược đãi mà nhiều tín hữu đã chịu vì danh Đấng Christ, chúng ta lấy làm hổ thẹn. Đối với chúng ta, bình vực một giáo lý trong khi nhóm thờ phượng tại nhà thờ là một việc, còn đem nó ra thực hành trong cuộc sống thường ngày là một việc hoàn toàn khác.

Nỗi sợ của Phi-e-rơ đã đe dọa tự do của ông. Trong lúc ở tại An-ti-ốt, Hội Thánh này đã được một số đồng sự của Gia-cơ đến thăm. (Bạn nhớ rằng Gia-cơ là một người Do Thái nghiêm khắc mặc dù ông là một con cái Chúa). Phao-lô không nói rằng Gia-cơ sai những người này theo dõi Phi-e-rơ, hoặc thậm chí không nghĩ rằng họ là những chức viên trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Rất có thể họ thuộc về “đảng cắt bì” (Cong 15:1,5) và muốn hướng dẫn Hội Thánh An-ti-ốt đi vào việc tuân giữ luật pháp trong tôn giáo của họ.

Sau từng trải với Cọt nây, Phi-e-rơ đã được “kêu gọi trong sự hiện thấy” và đã bình vực cho chính mình (Cong 11:1-30). Nhưng bây giờ, ông sợ hãi. Phi-e-rơ không sợ vâng theo Đức Thánh Linh khi Ngài sai ông đến nhà Cọt nây, ông cũng mạnh dạn làm chứng tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem. Nhưng bây giờ Phi-e-rơ mất lòng can đảm vì sự có mặt của một vài thành viên trong nhóm “chống đối”. “Sự sợ loài người gài bẫy” (Ch 29:25).

Chúng ta giải thích nỗi sợ hãi này như thế nào? Trước tiên, chúng ta biết Phi-e-rơ là một người bóc đồng vôi vàng. Ông có thể bày tỏ đức tin và lòng can đảm đáng kinh ngạc một giây phút trước đó và rồi hoàn toàn thất bại giây phút tiếp theo. Ông bước đi trên sóng biển đến với Chúa Giê-xu, nhưng rồi bắt đầu sợ hãi đến nỗi sụp chìm xuống nước. Ông tự hào nơi phòng cao rằng sẵn lòng chết với Chúa Giê-xu, rồi chối Thầy của mình ba lần. Chắc chắn Phi-e-rơ trong sách Công vụ các sứ đồ mạnh mẽ hơn trong bốn sách Phúc Âm, nhưng ông chưa là người hoàn toàn - chúng ta cũng vậy! Nỗi sợ hãi của Phi-e-rơ dẫn ông đến thất bại! Ông thôi không vui vẻ dự “tiệc yêu thương” với tín hữu ngoại bang và chính ông đã tự phân rẽ với họ.

Có hai bi kịch đối với sự thất bại của Phi-e-rơ. Đầu tiên, nó biến ông thành người giả hình (nghĩa của chữ giấu diếm, che đậy). Phi-e-rơ làm ra vẻ rằng hành động của ông được thúc đẩy bởi lòng trung thành, trong khi thật sự lòng sợ hãi đã thôi thúc ông làm như vậy. Thật dễ dàng dùng “giáo lý Thánh Kinh” để che đậy sự bất tuân của chúng ta.

Bi kịch thứ hai, Phi-e-rơ dẫn những người khác cùng đi sai đường với mình. Ngay cả Ba-na-ba cũng liên lụy đến. Ba-na-ba là một trong các nhà lãnh đạo Hội Thánh An-ti-ốt (Cong 11:19-26), vì vậy việc không làm theo lời Chúa ảnh hưởng to lớn trên những người khác trong mỗi thông công.

Giả sử Phi-e-rơ và Ba-na-ba đã thắng và hướng dẫn Hội Thánh làm theo luật pháp thì sao? Kết quả có thể ra sao? An-ti-ốt có còn tiếp tục là trung tâm truyền giáo đã gọi Ba-na-ba và Phao-lô ra đi nữa không? (Cong 13:1-52). Thay vào đó có phải họ sẽ gọi “những giáo sĩ” thuộc phe ủng hộ phép cắt bì hoặc chiếm đoạt hay chia rẽ những Hội Thánh Phao-lô đã thành lập không? Bạn có thể hiểu rằng

vấn đề này không có tính cách riêng tư hoặc phe nhóm nó là vấn đề của “chân lý Phúc Âm”. Và Phao-lô chuẩn bị chiến đấu vì chân lý ấy.

2. Phao-lô quả trách (Ga 2:14-21)

Các nhà nghiên cứu Kinh Thánh không chắc câu chuyện giữa Phao-lô với Phi-e-rơ kết thúc ở đâu và ông tiếp tục viết thư cho người Ga-la-ti ở đâu trong phân đoạn. Điều đó thật sự không quan trọng vì toàn phần Kinh Thánh đều bàn đến cùng một chủ đề: tự do của chúng ta trong Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta cho rằng cả phần này trình bày lời Phao-lô quả trách Phi-e-rơ, đầu có lẽ nó đã được tóm tắt lại. Thật thú vị khi biết rằng Phao-lô xây dựng toàn bộ lời quả trách trên giáo lý. Có năm giáo lý Cơ Đốc căn bản mà Phi-e-rơ phủ nhận qua việc ông phân rẽ với tín hữu ngoại bang.

(1) *Sự Hiệp Một Của Hội Thánh* (Ga 2:14). Phi-e-rơ là người Do Thái, nhưng bởi tin nơi Chúa Giê-xu Christ ông trở nên con cái Ngài. Vì là Cơ Đốc nhân, ông là một phần của Hội Thánh, và trong Hội Thánh tuyệt đối không có sự khác biệt nào (Ga 3:28). Chúng ta đã thấy cách Chúa dạy Phi-e-rơ bài học quan trọng này, đầu tiên tại nhà Cọt nây và sau đó tại Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem.

Từ ngữ Phao-lô dùng chắc chắn làm cho Phi-e-rơ ray rứt: “Anh là người Do Thái, nhưng ăn ở theo cách dân ngoại. Bây giờ anh muốn dân ngoại sống giống người Do Thái. Sự bất nhất đó là gì?”

Chính Phi-e-rơ đã phát biểu tại hội nghị Giê-ru-sa-lem rằng Đức Chúa Trời “chẳng phân biệt chúng ta với người ngoại đâu” (Cong 15:9). Nhưng bây giờ Phi-e-rơ đang phân biệt. Con cái Đức Chúa Trời là một dân cho dù có thể họ bị phân chia thành nhiều nhóm khác nhau. Bất cứ hành động thực tế nào chúng ta vi phạm lời Kinh Thánh và phân biệt với anh em, chúng ta chối bỏ tính hiệp một trong thân thể Đấng Christ.

(2) *Xung Công Bình Bởi Đức Tin* (Ga 2:15-16). Đây là lần xuất hiện đầu tiên của từ ngữ “xung công bình” quan trọng trong bức thư này, và có thể trong các thư tín của Phao-lô (nếu như chúng ta tin Ga-la-ti là thư tín Phao-lô viết đầu tiên). “Xung công bình bởi đức tin” là khẩu hiệu của Giáo hội Cải Chánh, và thật là quan trọng để chúng ta hiểu giáo lý này.

“Làm thế nào để con người được công bình trước mặt Đức Chúa Trời?” (Giop 9:2) là câu hỏi quan trọng, vì câu trả lời quyết định những kết quả đời đời. “Người công bình sống bởi đức tin” (Ha 2:4) là câu trả lời của Đức Chúa Trời và chính chân lý này đã giải phóng Martin Luther ra khỏi sự ràng buộc và sợ hãi tôn giáo. Chân lý này rất quan trọng đến nỗi cả ba sách Tân Ước đều giải thích cho chúng ta: Rô-ma (Ro 1:17) Ga-la-ti (Ga 3:11), và Hê-bơ-rơ (He 10: 38). Thư Rô-ma cho chúng ta biết ý nghĩa của “người công bình” thư Ga-la-ti giải thích “sẽ sống” và thư Hê-bơ-rơ giải thích “bởi đức tin”.

Nhưng xung công bình là gì? Xung công bình là việc làm của Đức Chúa Trời nhờ đó Ngài tuyên bố tội nhân tin nhận Ngài là công bình trong Chúa Giê-xu Christ. Mỗi chữ trong định nghĩa này đều quan trọng. Sự xung công bình là hành động và không phải là một quá trình. Không có tín hữu nào “được công bình hơn” tín hữu khác. “Vậy chúng ta đã được xung công bình bởi đức tin một lần đủ cả, chúng ta được hoà thuận với Đức Chúa Trời” (Ro 5:1 - dịch theo nghĩa đen). Vì chúng ta được xung công bình bởi đức tin, nên đó là công việc xảy ra tức khắc giữa tội nhân tin nhận và Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta được cứu bởi việc làm, tất nhiên sẽ có một tiến trình dần dần.

Hơn nữa, sự xung công bình là việc làm của Đức Chúa Trời nó không do kết quả công đức của con người. “Đức Chúa Trời là Đấng xung công bình những kẻ ấy” (Ro 8:33). Không phải bởi “việc làm theo luật pháp” tội nhân được xung công bình trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng bởi việc đặt đức tin vào Chúa Giê-xu Christ. Như Phao-lô giải thích trong cuối bức thư này, luật pháp được ban cho để tố giác tội lỗi và không giải cứu con người ra khỏi tội (Ro 3:20). Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài đã chất mọi tội chúng ta lên Đấng Christ - và sự công bình của Đấng Christ được kể cho chúng ta (ICo 5:21).

Trong sự xung nghĩa, Đức Chúa Trời kể tội nhân ăn năn là công bình Ngài không khiến người ấy trở nên công bình. (Dĩ nhiên, sự xung công bình thật dẫn đến một cuộc đời được biến đổi, đó là những gì Gia 2:1-26 đề cập đến). Trước khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, anh ta ở trong tình trạng TỘI LỖI

trước mặt Đức Chúa Trời nhưng ngay giây phút anh ta tin nhận Chúa Giê-xu Christ, anh ta được kể là **KHÔNG CÓ TỘI** và không bao giờ được gọi là **CÓ TỘI** nữa!

Xung công bình không chỉ là “sự tha thứ”, vì một người có thể được tha thứ nhưng sau đó đi ra phạm tội và trở nên tội lỗi. Một khi bạn được “xung công bình bởi đức tin” bạn có thể không bao giờ bị cầm bằng là có tội trước mặt Đức Chúa Trời.

Xung công bình cũng khác với “tha tội”, vì một can phạm được tha tội vẫn còn hồ sơ toà án. Khi tội nhân được xung công bình bởi đức tin, những tội lỗi trong quá khứ không còn cáo trách người ấy nữa, và Đức Chúa Trời không còn ghi nhớ tội lỗi người ấy (Thi 32:1-2 Ro 4:1-8).

Cuối cùng, Đức Chúa Trời xung công bình cho tội nhân, chứ không cho “người tốt”. Phao-lô tuyên bố Đức Chúa Trời xung công bình “cho người có tội” (Ro 4:5). Nguyên do hầu hết tội nhân không được xung công bình vì không thừa nhận chính mình là tội nhân! Tội nhân là hạng người duy nhất Chúa Giê-xu Christ có thể cứu chuộc (Mat 9:9-13 Lu 18:9-14).

Khi Phi-e-rơ tự tách mình ra khỏi tín hữu ngoại bang, ông đang phủ nhận chân lý của sự xung công bình bởi đức tin, vì ông nói, “Chúng ta là người Do Thái khác - và tốt hơn - người ngoại bang”. Tuy nhiên, cả người Do Thái và ngoại bang đều là tội nhân (Ro 3:22-23) và chỉ có thể được cứu bởi tin nơi Đấng Christ.

(3) *Tự Do Khỏi Luật Pháp* (Ga 2:17-18). Tại Giáo Hội Nghị Giê-ru-sa-lem, Phi-e-rơ đã so sánh luật pháp Môi-se với ách nô lệ (Cong 15:10 Ga 5:1). Bây giờ chính ông lại chịu cái ách không thể mang ấy.

Lập luận của Phao-lô giống như thế này: “Hỡi anh Phi-e-rơ, anh và tôi không tìm sự cứu rỗi nơi luật pháp chúng ta tìm thấy ơn cứu rỗi bởi đức tin nơi Đấng Christ. Nhưng bây giờ, sau khi được cứu, anh trở lại với luật pháp! Điều này có nghĩa một mình Đấng Christ không cứu được anh nếu không chắc chắn anh đã không cần đến luật pháp. Vì vậy Đấng Christ thực sự đã khiến anh là tội nhân!

“Hơn nữa, anh đã rao giảng Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời cho người Do Thái và người ngoại bang, anh nói cho họ biết họ đã được cứu bởi đức tin chứ không bởi giữ theo luật pháp. Bởi trở lại với việc làm theo luật pháp, anh đang xây dựng những gì anh đã phá đổ! Điều này có nghĩa anh phạm tội bởi phá đổ nó để bắt đầu!”

Nói cách khác, Phao-lô đang đưa ra lý lẽ từ kinh nghiệm riêng tư của Phi-e-rơ về ân điển của Đức Chúa Trời. Trở lại với luật pháp Môi-se là chối bỏ mọi điều Đức Chúa Trời đã làm cho ông ta và qua ông ta.

(4) *Chính Phúc Âm* (Ga 2:19-20). Nếu một người được xung công bình bởi việc làm của luật pháp, vậy tại sao Chúa Giê-xu Christ chịu chết? Ngài đã chết, được chôn và sống lại là những chân lý chủ yếu của Phúc Âm (ICo 15:1-8). Chúng ta được cứu bởi đức tin nơi Đấng Christ (Ngài chết vì chúng ta), và chúng ta sống nhờ đức tin nơi Đấng Christ (Ngài sống trong chúng ta). Hơn nữa, chúng ta kháng khí với Ngài bởi Đức Thánh Linh đến nỗi chúng ta chết với Ngài (Ro 6:1-14). Điều này có nghĩa chúng ta chết với luật pháp. Trở lại với luật pháp Môi-se là trở lại với nghĩa địa! Chúng ta đã “được sống lại để bước đi trong đời mới” (Ro 6:4) và bởi vì sống bởi quyền năng sự sống lại của Ngài, chúng ta không cần sự “giúp đỡ” của luật pháp.

(5) *Ân điển của Đức Chúa Trời* (Ga 2:21). Những Giáo sư Do Thái muốn pha trộn luật pháp vào trong ân điển, nhưng Phao-lô cho chúng ta biết rằng điều này không thể được. Trở lại với luật pháp có nghĩa “bỏ qua” ân điển của Đức Chúa Trời.

Phi-e-rơ đã kinh nghiệm ân điển Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi của mình, và đã công bố ân điển Đức Chúa Trời trong chức vụ của mình. Nhưng ông rút lui khỏi mối tương giao Cơ Đốc với người ngoại bang, ông công khai phủ nhận ân điển của Đức Chúa Trời.

Ân điển dạy rằng, “Không có sự khác nhau nào! Tất cả chúng ta là tội nhân, và chúng ta có thể được cứu bởi đức tin nơi Đấng Christ!”

Nhưng hành động của Phi-e-rơ nói rằng, “Có sự khác biệt! Ân điển Đức Chúa Trời không có hiệu quả chúng ta cũng cần có luật pháp nữa.”

Trở lại với luật pháp làm cho thập tự giá ra vô ích: “Nếu bởi luật pháp mà được sự công bình thì Đấng Christ chịu chết là vô ích” (Ga 2:21). Luật pháp dạy **HÃY LÀM!** Ân điển nói **ĐÃ LÀM XONG!** “Mọi việc đã được trọn!” là tiếng kêu đắc thắng của Đấng Christ (Gi 19:30). “*Ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu*” (Eph 2:8).

Chúng ta không có sự ghi nhận nào về lời đáp của Phi-e-rơ đối với lời quở trách của Phao-lô, nhưng Kinh Thánh cho biết ông ta đã biết tội mình và lập lại mối tương giao với anh em. Chắc chắn khi bạn đọc hai thư của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ và II Phi-e-rơ), bạn không tìm thấy sự lệch hướng nào về Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời. Thực ra, chủ đề của Thư Phi-e-rơ thứ nhất là “ân điển thật của Đức Chúa Trời” (Ga 5:12) và từ ngữ ân điển được dùng trong mọi chương của thư tín. Phi-e-rơ cẩn thận chỉ ra rằng ông và Phao-lô hoàn toàn thống nhất với nhau, kéo có ai cố tình “trộm Phi-e-rơ để trả Phao-lô” (II Phi 3:15-16).

Hai cảnh trong vở kịch hấp dẫn này cũng kết thúc như vậy. Nhưng bức màn sân khấu vẫn chưa hạ xuống, vì còn màn thứ ba có liên quan đến bạn và tôi.

Sự Hưởng Ứng của Người Tin Chúa. Chúng ta biết thái độ của Phi-e-rơ ra sao khi ông bị thách thức sống theo chân lý của Phúc Âm: sợ hãi và thất bại. Và chúng ta biết thái độ của Phao-lô như thế nào khi ông thấy chân lý của Phúc Âm đang bị sai lệch: can đảm bảo vệ. Nhưng câu hỏi quan trọng ngày hôm nay là: Thái độ của tôi đối với “chân lý của Phúc Âm là gì? Có lẽ đây là dịp tiện tốt để lập bảng liệt kê về chính chúng ta trước khi tiến hành nghiên cứu các chương giáo lý trong thư tín này. Hãy cho tôi đề nghị một số câu hỏi để mỗi chúng ta trả lời.

(1) Tôi đã được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời chưa? Phúc Âm cứu rồi duy nhất là Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời như đã được bày tỏ trong Chúa Giê-xu Christ. Bất cứ Phúc Âm nào khác là Phúc Âm sai và phải chịu rửa sả (Ga 1:6-9). Người ta đã định nghĩa “ân điển” như là

Sự giàu có của Đức Chúa Trời nhờ vào Đấng Christ và đó quả thật là một định nghĩa hay.

Tôi có đang tin cậy vào chính bản thân mình để được sự cứu rỗi - đạo đức của tôi, công đức của tôi, và ngay cả tôn giáo của tôi không? Nếu đúng vậy, tôi không phải là Cơ Đốc nhân, vì một Cơ Đốc nhân thật là người tin cậy một mình Đấng Christ. “Và ấy là nhờ ân điển bởi đức tin mà anh em được cứu, đều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình” (Eph 2:8-9).

(2) Tôi có đang cố gắng pha trộn luật pháp vào trong ân điển không? Luật pháp có nghĩa là tôi phải làm điều gì đó để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, trong khi ân điển có nghĩa Đức Chúa Trời đã hoàn thành công việc cho tôi và tất cả điều tôi cần làm là tin nơi Đấng Christ. Sự cứu rỗi không phải nhờ đức tin nơi Đấng Christ cộng thêm điều gì: chính bởi đức tin vào một mình Đấng Christ mà thôi. Trong khi việc nhóm lại và các hoạt động tôn giáo là điều tốt như để bày tỏ đức tin nơi Đấng Christ, nhưng các hoạt động ấy không thể thêm vào đức tin nơi Đấng Christ để bảo đảm sự sống đời đời. “Nhưng nếu bởi ơn thì chẳng phải bởi việc làm nữa: bằng chẳng, thì ơn không còn phải là ơn. Nhưng nếu là việc làm, thì chẳng phải bởi ơn nữa: bằng chẳng việc làm không còn là việc làm nữa” (Ro 11:6).

(3) Tôi có đang vui mừng trong việc tôi được xưng công bình bởi đức tin nơi Đấng Christ không? Người ta thường nói “được xưng công bình” có nghĩa “y như thể tôi chưa hề phạm tội” và điều này đúng vậy. Sự xưng nghĩa đem đến cho tâm hồn con người sự bình an lớn lao khiến cho người ấy biết rằng mình có một địa vị thích hiệp trước mặt Đức Chúa Trời (Ro 5:1). Thử nghĩ sự công bình của Đấng Christ đã được kể cho chúng ta! Đức Chúa Trời không chỉ tuyên bố chúng ta là công bình trong Đấng Christ, nhưng Ngài còn đối xử với chúng ta y như chúng ta chẳng hề phạm tội chút nào! Chúng ta không phải sợ sự đoán phạt vì tội lỗi chúng ta đã bị đoán phạt trong Đấng Christ trên thập tự giá (Ro 8:1).

(4) Tôi có đang bước đi trong tự do của ân điển không? Tự do không có nghĩa là buông tuồng đúng hơn là tự do trong Đấng Christ để kính yêu Ngài và làm theo mọi việc lành Ngài đã sắm sẵn

cho chúng ta làm theo (Eph 2:10). Không những “tự do làm” nhưng còn “tự do không làm”. Chúng ta không còn ở trong xiềng xích của tội lỗi và luật pháp nữa. Như Phao-lô giải thích trong phần thực hành của bức thư này (Ga 5:1-26 6:1-18, chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời vì kính yêu Ngài chứ không vì luật pháp. Cơ Đốc nhân hưởng sự tự do lạ lùng trong Đấng Christ. Tôi có đang hưởng tự do ấy không?

(5) Tôi có sẵn sàng binh vực cho chân lý của Phúc Âm không? Điều này không có nghĩa chúng ta trở thành những thám tử Phúc Âm theo dõi mọi nhà thờ và các lớp Trường Chúa nhật trong thành phố. Nhưng có nghĩa chúng ta không sợ hãi con người khi họ phủ nhận chân lý đã đem chúng ta đến sự sống đời đời qua Chúa Giê-xu Christ. “Tôi muốn làm đẹp lòng loài người chăng? Nếu tôi còn làm đẹp lòng loài người, thì tôi chẳng phải là tôi tớ của Đấng Christ” (Ga 1:10).

Nhiều người mà chúng ta tiếp xúc thực sự tin rằng con người được cứu bởi tin nơi Đấng Christ cộng với “làm điều thiện...giữ Mười Điều Răn...vâng theo Bài Giảng Trên Núi”, và nhiều ” điều thêm vào của tôn giáo” khác nữa. Có thể chúng ta không có cùng quyền hạn sứ đồ như Phao-lô nhưng chúng ta có Lời Đức Chúa Trời và đó là trách nhiệm chúng ta phải chia sẻ chân lý.

(6) Tôi “có đang bước đi theo chân lý của Phúc Âm cách ngay thẳng không? (Ga 2:14). Cách tốt nhất để binh vực cho chân lý là sống cho chân lý. Binh vực cho Phúc Âm bằng lời nói sẽ kết quả rất ít nếu tôi sống nghịch lại với những gì tôi nói. Phao-lô giải thích cho chúng ta cách sống trong tự do bởi ân điển của Đức Chúa Trời, và vâng theo những lời dạy của Ngài thật là quan trọng cho chúng ta.

Một người mới xin việc làm được hướng dẫn cách đo những bộ phận van để bảo đảm chúng sẵn sàng cho công đoạn cuối cùng. Nhưng sau vài tiếng đồng hồ, người đốc công nghe lời than phiền rằng các bộ phận anh ta đang nhận bị lỗi. Người đốc công hỏi, “Bạn đang làm gì? Tôi chỉ cho bạn cách dùng thước đo các vật thể nhỏ rồi. Bạn đang chuyển giao qua những bộ phận quá kích cỡ!”

Người làm công trả lời, “Ồ, hầu hết các bộ phận tôi đang đo quá lớn, vì vậy tôi mở thước đo ra một chút.”

Thay đổi tiêu chuẩn sẽ không bao giờ đem lại kết quả, cả trong sản xuất lẫn trong sự hầu việc. Phao-lô giữ gìn những tiêu chuẩn của “chân lý của Phúc Âm” - và chúng ta cũng nên như vậy.

Phần Hai: AN ĐIỂN VÀ LUẬT PHÁP

5. BỊ BÙA ÉM VÀ QUẤY RẦY (Ga 3:1-14)

Sáu mươi câu hình thành Ga-la-ti (Ga 3:1-29 4:1-31 là lời lẽ mạnh mẽ nhất Phao-lô từng viết. Nhưng dẫu sao ông đang ở trong cuộc chiến! Ông cố gắng chứng tỏ rằng sự cứu rỗi chỉ bởi ân điển, và không do việc làm của luật pháp. Kẻ thù đã dùng mọi cách có thể được để bắt phục các Hội Thánh Ga-la-ti, và Phao-lô không chiến đấu nửa vời với họ. Vị sứ đồ không tài tử chút nào khi bước vào cuộc chiến, và trong hai chương này chắc chắn ông chứng minh cho khả năng của mình. Không thể bác bỏ được lý luận chặt chẽ của ông.

Phao-lô dùng sáu lập luận khác nhau để chứng minh rằng Đức Chúa Trời cứu rỗi tội nhân bởi đức tin nơi Đấng Christ chứ không phải việc làm. Ông bắt đầu bằng lập luận cá nhân (Ga 3:1-5) trong đó ông yêu cầu tín hữu Ga-la-ti nhắc lại từng trải riêng tư với Đấng Christ lúc họ được cứu. Sau đó ông chuyển sang lập luận Kinh Thánh (3:6-14) trong đó ông trích dẫn sáu phân đoạn Kinh Thánh Cựu Ước để chứng minh cho quan điểm của mình. Trong lập luận lô-gic (3:15-29) ông tranh luận với độc giả của mình trên căn bản nội dung giao ước và cách hành động của giao ước. Sau đó ông đưa ra lập luận lịch sử (4:1-11), ông giải thích vị trí của luật pháp trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên.

Vào lúc này, tình yêu của Phao-lô đối với tín hữu của ông lộ hẳn ra. Kết quả là lập luận tình cảm (4:12-18) khi vị sứ đồ kêu gọi họ nhớ lại tình yêu của ông và mối tương giao êm đềm của họ trong những ngày qua. Nhưng rồi Phao-lô đi thẳng trở lại với lý luận của ông và kết luận bằng lập luận biểu tượng (4:19-31), dựa trên cuộc đời Áp-ra-ham và mối tương quan giữa ông với Sa-ra và A-ga. Ông ứng dụng thực tiễn của lập luận giáo lý theo sau trong hai chương cuối.

1. Lập luận cá nhân (Ga 3:1-5)

Trọng tâm của phần này ở chữ chịu khôn khéo (Ga 3:4), có thể dịch là “từng trải”. Phao-lô hỏi, “Anh em há luống công mà chịu sự khôn khéo dường ấy sao?” Lập luận từ từng trải của Cơ Đốc nhân là một điểm khởi đầu khôn ngoan, vì Phao-lô đã ở với họ lúc họ tin nhận Đấng Christ. Dĩ nhiên, lập luận theo kinh nghiệm có thể nguy hiểm, bởi vì kinh nghiệm có thể bị đánh lừa và bị hiểu nhầm. Kinh nghiệm chủ quan phải được cân bằng với bằng chứng khách quan, vì kinh nghiệm có thể đổi thay, nhưng chân lý không bao giờ thay đổi. Phao-lô cân bằng kinh nghiệm chủ quan của tín hữu Ga-la-ti với sự giảng dạy khách quan của Lời Đức Chúa Trời không thay đổi (Ga 3:6-14).

Rõ ràng những người này đã kinh nghiệm nhiều điều trong cuộc sống khi lần đầu Phao-lô viếng thăm họ nhưng Giáo sư Do Thái đi theo và thuyết phục họ rằng kinh nghiệm chưa trọn vẹn. Họ cần có điều khác nữa, “điều khác” đó là vâng giữ luật pháp Môi-se. Những giáo sư giả này đã mê hoặc và biến họ trở nên đại dốt. Gọi họ là “đại dốt”, Phao-lô không xúc phạm đến lời dạy của Đấng Christ trong Bài Giảng Trên Núi (Mat 5:22), vì hai từ này được dùng khác nhau và hai ý tưởng này được diễn đạt khác nhau. Ngu muội trong Ga 3:1 có nghĩa “chậm hiểu thuộc linh” (Lu 24:25), trong khi từ ngữ Chúa Giê-xu dùng mang ý nghĩa “một người không tin kính”. Phao-lô đang tuyên bố một sự kiện nhưng Chúa Giê-xu cảnh cáo chống lại việc lạm dụng ngôn từ.

Phao-lô nhắc họ nhớ rằng họ đã thật sự kinh nghiệm gặp gỡ Đức Chúa Trời.

Họ đã thấy Con Đức Chúa Trời (3:1). Phao-lô đã rao giảng tại Ga-la-ti chính “Đấng Christ chịu đóng đinh”, và hiệu quả mang lại đến nỗi người ta hầu như có thể nhìn thấy Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá thay cho họ. Chữ trước mắt đã được rõ bày ra dịch trong từ ngữ Hy Lạp có nghĩa “về chân dung cho mọi người thấy” hoặc “thông báo trên tấm quảng cáo”. Như chúng ta đưa một thông tin quan trọng lên một tấm áp phích và trưng bày ở nơi công cộng, cũng vậy Phao-lô giới thiệu về Đấng Christ cho người Ga-la-ti bằng cách nhấn mạnh đến sự chết của Ngài trên thập tự giá thay thế cho tội nhân. Họ đã nghe chân lý này, tin nhận và vâng giữ lấy và kết quả họ được sanh lại trong gia đình Đức Chúa Trời.

Họ đã nhận lãnh Đức Thánh Linh (Ga 3:2-3). Đức Thánh Linh được đề cập 18 lần trong thư tín và đóng vai trò quan trọng trong việc bình vực Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời. Bằng chứng thật duy nhất của việc tin đạo là sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong đời sống người tin Chúa (Ro 8:9). Phao-lô nêu một câu hỏi quan trọng: họ nhận lãnh Đức Thánh Linh bởi đức tin trong Lời Đức Chúa Trời hay bởi việc làm của luật pháp? Dĩ nhiên, chỉ có thể có một câu trả lời: Đức Thánh Linh ngự trong đời sống họ vì họ tin nhận Chúa Giê-xu Christ.

Thật quan trọng khi chúng ta hiểu công việc của Đức Thánh Linh hành động trong sự cứu rỗi và sự sống của Cơ Đốc nhân. Đức Thánh Linh cáo trách tội nhân hư mất và bày tỏ Đấng Christ cho người ấy (Gi 16:7-11). Tội nhân có thể chống lại Đức Thánh Linh (Cong 7:51) hoặc vâng phục Đức Thánh Linh và tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy được sanh bởi Thánh Linh (Gi 3:1-8) và nhận lãnh đời sống mới. Người ấy cũng được báp têm bằng Đức Thánh Linh để trở nên một phần trong thân thể thiêng liêng của Đấng Christ (ICo 12:12-14). Con cái Chúa được Đức Thánh Linh ấn chứng (Eph 1:13-14) là một bảo chứng ngày kia người ấy sẽ hưởng vinh hiển của Đấng Christ.

Vì Đức Thánh Linh thực hiện nhiều điều cho kẻ tin, điều này có nghĩa người tin Chúa có trách nhiệm đối với Đức Thánh Linh đang sống trong thân thể người ấy (ICo 6:19-20). Cơ Đốc nhân phải bước theo Thánh Linh (Ga 5:16,25) bằng cách đọc Kinh Thánh, cầu nguyện và vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Nếu không vâng lời Đức Chúa Trời, người ấy làm buồn Đức Thánh Linh (Eph 4:30), và nếu cứ tiếp tục làm như vậy, người ấy có thể dập tắt Thánh Linh! (ITe 5:19). Điều này không có nghĩa Đức Thánh Linh lìa khỏi người ấy, vì Chúa Giê-xu đã hứa Đức Thánh Linh ở với mãi mãi (Gi 14:16). Nhưng có nghĩa Đức Thánh Linh không thể ban cho người niềm vui và năng lực cần có để sống đạo mỗi ngày. Người tin Chúa phải đầy dẫy Đức Thánh Linh (Eph 5:18-21), có nghĩa “được Đức Thánh Linh cai quản”. Đây là một từng trải liên tục, giống như nước uống từ dòng suối mát (Gi 7:37-39).

Vì thế, trong tùng trái theo Chúa, tín hữu tại Ga-la-ti đã nhận lãnh Đức Thánh Linh bởi đức tin chứ không phải bởi việc làm của luật pháp. Điều này đưa Phao-lô đến một câu hỏi khác: “Nếu bạn không bắt đầu bằng luật pháp, tại sao lại mang lấy nó? Nếu bạn bắt đầu bằng Thánh Linh, bạn có thể tiếp tục lớn lên nhờ vào xác thịt mà không nhờ Đức Thánh Linh được không?” Chữ xác thịt ở đây không có ý nói đến thân xác con người, nhưng đúng hơn là bản chất cũ của người tin Chúa. Bất cứ điều gì Thánh Kinh nói về “xác thịt” thường thường là tiêu cực (Sa 6:1-7 Ro 7:18 Gi 6:63 Phi 3:3). Vì chúng ta được cứu bởi Đức Thánh Linh, không bởi xác thịt, bởi đức tin không bởi luật pháp, thật đáng cho chúng ta tiếp tục đi con đường ấy.

Hình ảnh minh họa về sự chào đời của em bé phù hợp ở đây. Cần có hai cha mẹ thuộc thể để đưa con được hoài thai và sinh ra cần có hai cha mẹ thuộc linh để một đứa con được sinh ra trong gia đình của Đức Chúa Trời: đó là Thánh Linh của Đức Chúa Trời và Lời Đức Chúa Trời (Gi 3:1-8 IPhi 1:22-25). Khi một đứa bé bình thường sinh ra, nó có tất cả những gì cần cho cuộc sống không cần phải thêm gì nữa. Khi một con cái Chúa được sinh ra trong gia đình của Đức Chúa Trời, người ấy có tất cả mọi điều thuộc về thiêng liêng không cần thêm vào điều gì cả! Những điều đứa trẻ cần đó là thức ăn, sự tập luyện, và tắm rửa để có thể lớn lên. Sẽ kỳ lạ nếu như cha mẹ phải đưa con đến bác sĩ để nhận đôi tai vào lúc một tháng tuổi, nhận các ngón chân lúc hai tháng tuổi và cứ tiếp tục như thế.

Phao-lô viết, “Anh em đã bước đi trong Thánh Linh, không cần thêm điều gì nữa! Hãy bước đi trong Thánh Linh và anh em sẽ lớn lên trong Chúa.”

Họ kinh nghiệm phép lạ từ Đức Chúa Cha (Ga 3:5). Chữ Đấng trong câu Kinh Thánh này nói đến Đức Chúa Cha là Đấng ban Đức Thánh Linh và “làm các phép lạ trong anh em”. Cùng một Đức Thánh Linh Đấng đã ngự trong lòng tín hữu lúc tin nhận Chúa cũng tiếp tục làm việc trong người ấy và qua người ấy để toàn thân thể được gây dựng (Co 2:19 Eph 4:16). Đức Chúa Cha tiếp tục cung cấp quyền năng và ơn Thánh Linh, điều này được làm ra bởi đức tin chứ không phải việc làm của luật pháp. Nhóm từ ở giữa anh em cũng có thể dịch là trong anh em. Những phép lạ này bao gồm những biến đổi lạ lùng trong cuộc đời của Cơ Đốc nhân, cũng như các dấu kỳ phép lạ xảy ra trong mỗi thông công Hội Thánh.

“Bạn thật sự tin các phép lạ trong Thánh Kinh không?” một người hoài nghi hỏi một tân tín hữu từng là một tay nghiện rượu nặng.

“Dĩ nhiên tôi tin!” người tín hữu ấy đáp

Người hoài nghi cười. “Anh muốn nói anh thật sự tin rằng Chúa Giê-xu có thể hoá nước thành rượu ư?” người ấy hỏi.

“Tôi chắc chắn như vậy! Tại nhà tôi Ngài biến rượu thành thức ăn áo quần và đồ dùng”.

2. Lập luận Thánh Kinh (Ga 3:6-14)

Bây giờ Phao-lô chuyển từ kinh nghiệm chủ quan sang bằng chứng khách quan của Lời Đức Chúa Trời. Chúng ta không bao giờ phán đoán Thánh Kinh bằng kinh nghiệm của chúng ta chúng ta trải nghiệm từng trải chúng ta bằng Lời Đức Chúa Trời. Trong phần đầu, Phao-lô nêu lên sáu câu hỏi trong phần này ông trích dẫn sáu lời phán trong Cựu Ước để chứng minh sự cứu rỗi bởi đức tin nơi Đấng Christ chứ không bởi việc làm của luật pháp. Vì Giáo sư Do Thái muốn đưa tín hữu trở lại với luật pháp, nên Phao-lô trích dẫn luật pháp! Và vì họ phóng đại địa vị của Áp-ra-ham trong tôn giáo của họ, nên Phao-lô dùng Áp-ra-ham làm nhân chứng cho ông!

(1) *Áp-ra-ham được cứu bởi đức tin* (Ga 3:6-7). Phao-lô bắt đầu bằng việc trích dẫn Môi-se để bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời được kể cho Áp-ra-ham chỉ vì ông tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời (Sa 15:6). Các từ “được coi như” trong Ga 3:6 và “kể” trong Sa 15:6 có nghĩa giống như “kể” trong Ro 4:10,22-24. Theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là “kể vào tài khoản của..”. Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, sự công bình của Đức Chúa Trời bao phủ lấy người. Hơn thế nữa tội lỗi của người ấy không còn được kể cho người nữa (Ro 4:1-8). Điều này có nghĩa lý lịch luôn luôn trong sạch trước mặt Đức Chúa Trời, và vì vậy người tin sẽ chẳng bao giờ bị đưa ra xét đoán vì tội lỗi anh ta nữa.

Người Do Thái rất tự hào về mối liên hệ của họ với Áp-ra-ham. Vấn đề là họ cho rằng mối liên hệ này đảm bảo sự cứu rỗi đời đời cho họ. Giảng Báp-tít khuyến cáo rằng dòng dõi xác thịt không bảo đảm cho cuộc sống thiêng liêng (Mat 3:9). Chúa Giê-xu phân định rõ sự khác nhau giữa “con cháu Áp-ra-ham” thuộc thể và “con cháu Áp-ra-ham” thuộc linh (Gi 8:33-47). Ngày nay một số người vẫn tưởng tượng sự cứu rỗi do được thừa kế. Vì cha mẹ là những người yêu mến Chúa, tất nhiên con cái cũng được cứu. Nhưng điều này không đúng. Người ta nói rằng, “Đức Chúa Trời không có cháu”.

(2) *Sự cứu rỗi này dành cho người ngoại bang* (Ga 3:8-9). Chữ “người ngoại đạo” (Ga 3:8) được dùng ở đây có nghĩa là dân ngoại bang. Phao-lô trích dẫn Môi-se (Sa 12:3) chứng tỏ rằng ơn cứu rỗi đã hứa ban cho tất cả mọi dân tộc trên thế giới từ buổi ban đầu của mối tương giao giữa Áp-ra-ham với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời rao giảng “Phúc Âm” cho Áp-ra-ham cách đây nhiều thế kỷ, và Phao-lô đem cùng Phúc Âm ấy đến cho người Ga-la-ti: tội nhân được xưng công bình bởi đức tin chứ không do việc tuân giữ luật pháp. Luân lý ở đây thật rõ rệt: Nếu Đức Chúa Trời đã hứa cứu rỗi dân ngoại bởi đức tin như vậy những giáo sư Do Thái đã sai lầm khi một đưa tín hữu ngoại bang quay lại với luật pháp. “Con cháu Áp-ra-ham” thật không phải là người Do Thái theo dòng dõi, nhưng là người Do Thái và ngoại bang đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Tất cả những người “thuộc đức tin” (con cái Chúa) đều được phước với “Áp-ra-ham có niềm tin”.

Khi đọc giao ước lớn của Đức Chúa Trời đối cùng Áp-ra-ham trong Sa 12:1-3, bạn khám phá ra rằng Đức Chúa Trời đã hứa ban nhiều ơn phước khác nhau - một số cho cá nhân, một số cho dân tộc, một số cho vạn vật chung quanh và thuộc linh. Thật Đức Chúa Trời đã làm nổi danh Áp-ra-ham không chỉ giữa vòng người Do Thái, nhưng còn giữa vòng các Cơ Đốc nhân, những người theo Hồi giáo, và nhiều người khác nữa. Đức Chúa Trời đã làm cho con cháu ông thêm nhiều lên. Ngài cũng đoán phạt những người đã rửa sả con cháu ông (dân Ai Cập, Ba-by-lôn, và La Mã là những thí dụ điển hình). Nhưng ơn phước lớn nhất Đức Chúa Trời gửi đến cho chúng ta qua Áp-ra-ham và dân tộc Do Thái phải là sự cứu rỗi đời đời. Chúa Giê-xu Christ là “dòng dõi” của lời hứa ấy, nhờ Ngài tất cả mọi dân tộc đều được phước (Ga 3:16).

(3) *Sự cứu rỗi này bởi đức tin chứ không do luật pháp* (Ga 3:10-12). Chẳng bao giờ có được sự cứu rỗi bởi nghe theo luật pháp vì luật pháp đem lại sự rửa sả, chứ không mang lại phước hạnh. Ở đây Phao-lô trích dẫn trong Phu 27:26. Luật pháp đòi hỏi sự vâng theo, và điều này có nghĩa con người phải vâng theo tất cả mọi điều. Luật pháp không phải là “quán ăn tôn giáo tự phục vụ” nơi người ta có thể chọn lựa (xem Gia 2:10-11). Tiếp đến Phao-lô trích dẫn trong Ha 2:4, “Người công bình sống bởi đức tin”. Câu Kinh Thánh này quan trọng đến nỗi được giải nghĩa trong ba sách Tân Ước bởi sự cảm động của Đức Thánh Linh. Thơ Rô-ma giải thích “người công bình” và nói cách nào tội nhân có thể được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời (Rô 1:17). Thơ Ga-la-ti giải thích cách người công bình “sẽ sống” và thơ Hê-bơ-rơ bàn về “bởi đức tin” (He 10:38). Chẳng ai có thể từng sống “bởi luật pháp” vì luật pháp làm cho chết và chỉ cho tội nhân thấy rằng anh ta có tội trước mặt Đức Chúa Trời (Rô 3:20 7:7-11).

Nhưng người ta có thể lý luận rằng lấy đức tin để vâng giữ luật pháp cũng được vậy do đó Phao-lô trích dẫn trong Lê-vi-ký để chứng minh đó là việc làm theo luật pháp chứ không tin như Đức Chúa Trời đòi hỏi (Lê 18:5). Luật pháp dạy, “Hãy làm và hãy sống!” nhưng ân điển dạy, “Hãy tin và hãy sống!”. Kinh nghiệm của Phao-lô (Phi 3:1-10), cũng như lịch sử dân Y-sơ-ra-ên (Rô 10:1-10) chứng tỏ rằng làm sự công bình chẳng cứu được ai bao giờ sự công bình bởi đức tin mới làm được điều đó.

Giáo sư Do Thái muốn lôi kéo tín hữu Ga-la-ti vào tôn giáo của việc làm theo luật pháp, trong khi Phao-lô muốn họ hưởng mối tương giao của tình yêu và sự sống bởi tin nơi Đấng Christ. Từ bỏ đức tin và ân điển để làm theo luật pháp là đánh mất mọi phước hạnh mà Cơ Đốc nhân kinh nghiệm mỗi ngày trong mối tương giao với Chúa. Luật pháp không thể xưng công bình cho tội nhân (Ga 2:16) cũng không thể ban cho con người sự công bình (2:21). Luật pháp không thể ban cho con người ân tứ Thánh Linh (3:2), cũng không bảo đảm rằng phần thừa kế thiêng liêng thuộc về con cái của Đức Chúa Trời (3:18). Luật pháp không thể ban cho tự do (4:8-10). Vậy tại sao phải trở lại với luật pháp?

(4) *Sự cứu rỗi này đến từ Đấng Christ* (Ga 3:13-14). Hai câu Kinh Thánh này tóm tắt đầy đủ những gì Phao-lô đang trình bày trong phần này. Luật pháp có đặt tội nhân dưới sự rửa sả không?

Thế thì Đấng Christ đã giải cứu chúng ta thoát khỏi sự rửa sả ấy! Bạn có muốn phước hạnh của Áp-ra-ham không? Phước hạnh ấy đến bởi Chúa Giê-xu Christ! Bạn muốn có ân tứ Thánh Linh trong khi bạn là người ngoại bang không? Đấng Christ đã ban ân tứ này cho người ngoại bang! Mọi điều bạn cần đều có trong Đấng Christ! Không có lý do nào để trở lại với Luật pháp Môi-se.

Phao-lô lại trích dẫn Phục-truyền-luật-lệ-ký, “Kẻ nào bị treo ắt bị Đức Chúa Trời rửa sả! (Phu 21:23). Người Do thái không xử tử tội phạm bằng cách đóng đinh họ ném đá tội phạm cho đến chết. Nhưng trong những trường hợp xúc phạm nặng đến luật pháp, thì thể bị treo lên trụ hình để mọi người nhìn thấy. Đây là sự sỉ nhục kinh khiếp, vì dân Do thái rất cẩn thận trong việc xử lý thi thể người chết. Sau khi thi thể bị treo cho mọi người thấy một thời gian, người ta đem xuống và chôn cất (Gios 8:29 10:26 IISa 4:12).

Dĩ nhiên, việc Phao-lô nhắc đến “trụ hình” có liên quan đến thập tự giá của Chúa Giê-xu (Cong 5:30 IPhi 2:24). Ngài không bị người ta ném đá và treo thi thể trên trụ hình để mọi mắt xem thấy Ngài bị đóng đinh vào cây gỗ cho đến chết. Nhưng bởi chết trên thập tự giá, Chúa Giê-xu Christ mang lấy sự rửa sả của luật pháp thay cho chúng ta để bây giờ người tin Chúa không còn ở dưới luật pháp và sự rửa sả ghê tởm của nó. “Phước hạnh của Áp-ra-ham” (sự xưng nghĩa bởi đức tin và ân tứ Thánh Linh) thuộc về chúng ta bởi tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Chữ cứu chuộc trong Ga 3:13 có nghĩa mua một nô lệ với mục đích cho anh ta tự do. Có thể mua một nô lệ và giữ làm nô lệ, nhưng đây không phải là điều Đấng Christ đã làm. Bởi sự lưu huyết trên thập tự giá, Ngài mua chuộc chúng ta để chúng ta được tự do. Người theo đạo Giu-đa muốn dẫn dắt Cơ Đốc nhân đi vào cảnh nô lệ, nhưng Đấng Christ đã chết cho chúng ta được tự do. Sự cứu rỗi không hoán đổi hình thức nô lệ này sang hình thức khác. Sự cứu rỗi buông tha khỏi nô lệ của tội lỗi và luật pháp để vào sự tự do của ân điển Đức Chúa Trời bởi Chúa Giê-xu Christ.

Điều này nảy ra một câu hỏi thú vị: Những Giáo sư Do Thái này làm thế nào có thể thuyết phục tín hữu Ga-la-ti tin rằng con đường luật pháp tốt đẹp hơn con đường của ân điển? Tại sao có tín hữu lại cố tình muốn chọn nô lệ thay vì tự do? Có lẽ trong chữ “bị mê hoặc” được dùng trong Ga 3:1 cho thấy phần nào câu trả lời mà Phao-lô dùng trong câu 1. Chữ này có nghĩa “bỏ bùa mê, thôi miên”. Điều gì trong việc làm theo luật pháp có thể thôi miên người tin Chúa đến nỗi người ấy bỏ ân điển trở lại với luật pháp chẳng?

Trước hết, sự tuân theo luật pháp lôi cuốn xác thịt. Xác thịt thích mang hình thức tôn giáo vâng theo luật pháp giữ các ngày lễ thánh, ngay cả việc kiêng ăn (Ga 4:10). Chắc chắn không có gì sai khi vâng theo, kiêng ăn hoặc có những thì giờ thờ phượng thiêng liêng long trọng, miễn là Đức Thánh Linh thôi thúc và ban năng lực. Xác thịt thích khoe khoang về những thành quả tôn giáo - bao nhiêu lần cầu nguyện, hoặc ban cho bao nhiêu của bố thí (Lu 18:9-14 Phi 3:1-10).

Vậ dụng các giác quan là một đặc điểm khác của chủ nghĩa chủ luật tôn giáo đã mê hoặc nhiều người. Thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời “bằng tâm thần và chân lý” (Gi 4:24), các ra bị tạo ra phương thức riêng để thỏa mãn cho sự hiểu biết của mình. Người ấy không thể bước đi bởi đức tin người ấy phải bước đi bằng mắt thấy, nghe, nếm, ngửi và cảm nhận. Chắc chắn, sự thờ phượng được Thánh Linh hướng dẫn không phủ nhận năm giác quan. Chúng ta nhìn thấy những tín hữu khác chúng ta hát và lắng nghe thánh nhạc chúng ta nếm và cảm nhận vật thực trong lễ Tiệc Thánh. Nhưng những việc thấy được bề ngoài chỉ là những cửa sổ qua đó đức tin nhận biết sự vĩnh cửu. Tự chúng không phải là những cứu cánh.

Người nương cậy vào tôn giáo có thể tự đánh giá và tự so sánh mình với người khác. Đây là sự mê hoặc của chủ nghĩa chủ luật. Nhưng tín hữu thật tự đánh giá mình với Đấng Christ, chứ không với các tín hữu khác (Eph 4:11). Không có chỗ cho sự kiêu ngạo trong bước đường thuộc linh của Cơ Đốc nhân sống bởi ân điển nhưng con người chủ luật thường xuyên khoe khoang về những thành quả và những người tin đạo của mình (Ga 6:13-14).

Vâng, có sự hấp dẫn đối với luật pháp, nhưng đó chỉ là bả mồi dẫn đến cạm bẫy và một khi tín hữu “cắn” mồi ấy, người ấy tự thấy mình trong ách nô lệ. Nhận lãnh Lời Đức Chúa Trời và yên nghỉ trên ân điển của Ngài quý giá hơn nhiều. Chúng ta đã được cứu “bởi ân điển, nhờ đức tin” và chúng

ta phải sống “bởi ân điển, nhờ đức tin”. Đây là cách nhận lãnh phước hạnh. Cách khác là con đường dẫn đến ách nô lệ.

6. SỰ HỢP LÝ CỦA LUẬT PHÁP (Ga 3:15-29)

Người theo đạo Giu-đa dồn Phao-lô vào trong góc. Qua Cựu Ước ông vừa hoàn tất việc chứng minh rằng kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời không có chỗ cho việc làm luật pháp. Nhưng việc Phao-lô sáu lần trích dẫn Kinh Thánh Cựu Ước nổi lên một vấn đề nghiêm trọng: Nếu sự cứu rỗi không liên quan đến luật pháp, tại sao luật pháp được ban cho trước nhất? Phao-lô trích dẫn luật pháp để chứng tỏ sự vô nghĩa của luật pháp. Nếu luật pháp không bị bác bỏ, thì chính những lập luận của ông không có giá trị, vì chúng lấy từ luật pháp.

Đức tin của chúng ta là đức tin hợp lý và có thể được bình vực trên những căn cứ hợp lý. Trong khi đức tin có những điều mâu nhiệm thiên thượng chẳng ai lý giải trọn vẹn được thì cũng có những nguyên do thiên thượng mà bất cứ người thành tâm nào cũng hiểu được. Phao-lô được đào luyện trở thành một ra bi Do Thái và được trang bị đầy đủ để bình vực cho vai trò của mình. Trong phần này, ông đưa ra bốn ý tưởng giúp chúng ta hiểu mối liên quan giữa lời hứa và luật pháp.

1. Luật pháp không thể thay đổi lời hứa (Ga 3:15-18)

Trong các câu này chữ “lời hứa” được dùng tám lần ám chỉ đến lời hứa của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham để qua ông mọi dân tộc trên thế gian sẽ được phước (Sa 12:1-3). Lời hứa này bao gồm việc xưng nghĩa bằng đức tin và nhận lãnh các phước hạnh của sự cứu rỗi (Ga 3:6-9). Rõ ràng lời hứa cho Áp-ra-ham (và ngày nay cho chúng ta qua Đấng Christ) được ban bố khoảng 2.000 năm trước Công Nguyên, lời hứa này tồn tại trước luật pháp Môi-se nhiều thế kỷ (luật pháp được ban bố khoảng năm 1.450 trước Công nguyên). Giáo sư Do Thái ngụ ý rằng việc ban luật pháp đã biến đổi giao ước ban đầu của lời hứa. Phao-lô nói rằng không phải như vậy.

Trước tiên, một khi hai phía ký kết một thoả ước, thì nhiều năm sau đó phía thứ ba không thể tới để thay đổi thoả ước ấy được. Người duy nhất có thể thay đổi thoả ước ấy là người đã lập ra nó. Thêm vào hoặc bớt bất cứ điều khoản nào trong thoả ước được xem là trái pháp luật.

Nếu điều này là thật giữa vòng những người có tội, thì đối với Đức Chúa Trời thánh khiết việc ấy có hiệu lực biết bao nhiêu? Lưu ý là Áp-ra-ham không lập giao ước với Đức Chúa Trời nhưng Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Áp-ra-ham! Đức Chúa Trời không đặt ra một điều kiện nào cho Áp-ra-ham phải thi hành. Thực ra, lúc giao ước được phê chuẩn thì Áp-ra-ham đang ngủ! (Sa 15). Đó là giao ước ân điển: Đức Chúa Trời lập các lời hứa với Áp-ra-ham chớ Áp-ra-ham không hứa với Đức Chúa Trời.

Nhưng Phao-lô tiết lộ một chân lý lạ lùng khác: Đức Chúa Trời lập giao ước này không những cho Áp-ra-ham nhưng cũng cho Đấng Christ nữa. “Và cho dòng dõi người tức là Đấng Christ” (Ga 3:16).

Khái niệm về “dòng dõi” trong Kinh Thánh được chép trong Sa 3:15 sau khi con người sa ngã. Đức Chúa Trời phán rằng sẽ có sự nghịch thù trong thế gian giữa dòng dõi Sa-tan (con cái thế gian, Gi 8:33-44) và dòng dõi của người nữ (con cái Đức Chúa Trời và cuối cùng là Con Đức Chúa Trời). Thánh Kinh cho thấy mối nghịch thù này: Ca-in nghịch với A-bên (IGi 3:10-12) dân Y-sơ-ra-ên nghịch với các dân tộc Giăng Báp-tít và Chúa Giê-xu nghịch với người Pha-ri-si (Mat 3:7-9 23:29-33) con cái thật của Chúa nghịch với tín hữu giả (xem ví dụ về cỏ lùng Mat 13:24-30,36-43). Trong Cựu Ước mục tiêu của Sa-tan là ngăn không cho Người Dòng Dõi (Đấng Christ) vào trong thế gian, vì Sa-tan biết ngày kia Con Đức Chúa Trời sẽ nghiền nát đầu nó.

Sau hết, Đức Chúa Trời lập giao ước lời hứa này với Áp-ra-ham qua Đấng Christ, để hai phía duy nhất có thể thay đổi bất cứ điều gì trong giao ước là Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Môi-se không thể thay đổi lời giao ước này! Người không thể thêm hoặc lấy bớt điều gì. Giáo sư Do Thái muốn thêm vào ân điển của Đức Chúa Trời (như thể bất cứ điều nào cũng thêm vào trong ân điển được cả!)

và bớt đi các lời hứa của Đức Chúa Trời. Họ không có quyền làm điều này vì họ không thuộc hai bên trong giao ước ban đầu.

Con số 430 năm trong Ga 3:17 đã làm rối trí nhiều nhà nghiên cứu Kinh Thánh trong nhiều năm. Khoảng thời gian từ lúc Áp-ra-ham nghe tiếng gọi của Đức Chúa Trời (Sa 12:1-9) đến cuộc hành trình qua Ai Cập của Gia-cốp (Sa 46:1-34) là 215 năm. (Điều này có thể được tính như sau: Áp-ra-ham được 75 tuổi khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông và 100 tuổi khi Y-sác sanh ra, Sa 12:4 21:5. Chúng ta có 25 năm. Y-sác được 60 tuổi khi Gia-cốp sinh ra, Sa 25:26 và Gia-cốp được 130 tuổi khi ông đến Ai Cập, (Sa 47:9). Như vậy, 25+60+130 = 215 năm). Nhưng Môi-se cho chúng ta biết rằng dân Y-sơ-ra-ên tạm cư ngụ tại Ai Cập 430 năm (Xu 12:40) vì tổng số năm tính từ lúc Áp-ra-ham được kêu gọi cho đến khi có luật pháp là 645 năm, chớ không phải 430 năm. Khoảng thời gian lưu lại Ai- cập cũng được ghi chép trong Sa 15:13 và Cong 7:6, ở đây được làm tròn số là 400 năm.

Người ta đưa ra vài giải pháp cho vấn đề rắc rối này, nhưng có lẽ giải thích thoả đáng hơn hết là: Phao-lô tính từ thời gian Gia-cốp đến Ai Cập, khi Đức Chúa Trời hiện ra và tái lập giao ước với ông (Sa 46:1-4). 430 năm là khoảng thời gian từ khi Đức Chúa Trời lập lời hứa với Gia-cốp cho đến khi Ngài ban luật pháp trên núi Si-na-i.

Cho dù chúng ta có thể chọn bất cứ giải thích nào cho vấn đề ấn định thời gian, lập luận căn bản vẫn rõ ràng: Luật pháp được ban cho nhiều thế kỷ sau đó không thể thay đổi giao ước đã được lập bởi những người khác. Nhưng giả sử sự mạc khải sau đó, như Luật pháp Môi se, lớn hơn và cao trọng hơn cái trước thì sao? Rồi sẽ ra sao? Phao-lô đưa ra ý tưởng thứ hai.

2. Luật pháp không lớn hơn lời hứa (Ga 3:19-20)

Quang cảnh của việc ban bố luật pháp thật gây ấn tượng (Xu 19:1-25). Có sấm chớp, dân sự run rẩy sợ hãi. Ngay cả Môi-se cũng sợ sệt và run rẩy cả người (He 12:18-21). Đó là sự kiện khiến cho ai nấy run sợ so với việc ban lời giao ước cho Áp-ra-ham (Sa 15:1-21), và dĩ nhiên giáo sư Do Thái ưa thích những xúc cảm bên ngoài. Nhưng Phao-lô có hai cách cho biết luật pháp thấp hơn giao ước của lời hứa.

Luật pháp là tạm thời (Ga 3:19a). “Luật pháp đã đặt thêm... cho tới chừng nào người dòng dõi đến”. Bây giờ dễ thấy luật pháp tạm thời không thể lớn hơn giao ước vĩnh cửu. Khi bạn đọc giao ước của Đức Chúa Trời lập với Áp-ra-ham, bạn không tìm thấy chữ “nếu” nào trong lời của Ngài. Không có điều kiện nào cả tất cả được ban cho vô điều kiện. Nhưng phước hạnh của luật pháp dựa theo sự thoả mãn những điều kiện nhất định. Ngoài ra, luật pháp có một điểm kết thúc: “cho đến khi người dòng dõi đến (Đấng Christ)”. Bởi sự chết và sống lại của Đấng Christ, luật pháp đã được làm trọn và bây giờ sự công bình luật pháp đòi hỏi được Đức Thánh Linh làm phụ phi trong chúng ta (Ro 7:4 8:1-4).

Luật pháp đòi hỏi một người trung bảo (Ga 3:19b-20). Khi Đức Chúa Trời ban luật pháp cho dân Y-sơ-ra-ên, Ngài truyền ra bởi thiên sứ và qua trung gian Môi-se. Dân Y-sơ-ra-ên “nhận luật pháp bởi lời phán truyền của các thiên sứ” (Cong 7:53). Điều này có nghĩa dân sự nhận luật pháp qua người thứ ba: từ Đức Chúa Trời đến các thiên sứ đến Môi-se. Nhưng khi Đức Chúa Trời lập giao ước với Áp-ra-ham, chính Ngài làm điều đó, không có trung gian. Đức Chúa Trời bày tỏ với Áp-ra-ham mọi điều Ngài sẽ làm cho ông và con cháu ông. Người trung gian đứng ở giữa hai phía để giúp đỡ họ đồng ý nhưng trong trường hợp của Áp-ra-ham không cần có trung gian vì Đức Chúa Trời mở ra một giao ước với ông, chớ không phải Áp-ra-ham bắt đầu với Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời chỉ có một” (Ga 3:20), do đó không cần có người làm trung gian.

Người theo đạo Do Thái ưa thích những chi tiết phụ của luật pháp - sự vinh quang, sấm, chớp, các thiên sứ, và các hiện tượng bên ngoài khác. Nhưng Phao-lô vượt qua những chi tiết phụ để nhìn thấy những điều thiết yếu. Luật pháp là tạm thời, và đòi hỏi trung gian. Giao ước của lời hứa là đời đời, và không cần có trung gian nào. Chỉ có thể rút ra một kết luận: giao ước lời hứa lớn hơn luật pháp.

3. Luật pháp không trái với lời hứa (Ga 3:21-26)

Hầu như bạn có thể nghe Giáo sư Do Thái hét to câu hỏi trong Ga 3: 21: “Vậy thì luật pháp nghịch cùng lời hứa của Đức Chúa Trời hay sao?” Có phải Đức Chúa Trời tự nghịch lại với chính Ngài sao? Tay phải của Ngài không biết những gì tay trái Ngài làm sao? Khi trả lời câu hỏi này, Phao-lô cho thấy ông hiểu biết sâu sắc các phương cách và mục đích của Đức Chúa Trời. Ông không nói rằng luật pháp nghịch lại với lời hứa, nhưng đúng hơn luật pháp hợp tác với lời hứa để làm trọn các mục đích của Đức Chúa Trời. Trong khi luật pháp và ân điển có vẻ trái ngược nhau, nếu bạn chưa đào sâu đủ ý nghĩa, thì bạn khám phá ra chúng thực sự bổ sung cho nhau. Vậy thì tại sao luật pháp được ban cho?

(1) *Luật pháp được ban cho không đem lại sự sống* (Ga 3:21). Chắc chắn luật pháp Môi-se chỉnh đốn cuộc sống của dân Do Thái, nhưng không cung cấp và không thể đem đến cho dân chúng sự sống thuộc linh. (Ga 3:21 phải được kết hợp với 2:21). Nếu sự sống và sự công bình có thể đến bởi luật pháp, thì Chúa Giê-xu Christ sẽ chẳng hề chịu chết trên thập tự giá. Nhưng Chúa Giê-xu đã chết do đó, luật pháp không thể nào ban cho tội nhân sự sống và công bình được. Chính “sự tôn thờ luật pháp” dẫn dân Y-sơ-ra-ên vào tôn giáo của việc làm tự cho là công nghĩa, kết quả họ khước từ Đấng Christ (Ro 9:30-10:13).

(2) *Luật pháp được ban cho để cho biết tội* (Ga 3:19a,22). Chính ở đây chúng ta thấy phương cách luật pháp và ân điển hợp tác với nhau trong việc đem tội nhân hư mất đến với Chúa Giê-xu Christ. Luật pháp chỉ ra cho tội nhân thấy tội lỗi, và ân điển cho người đó biết mình có thể được tha thứ trong Đấng Christ. Luật pháp là “thánh, công bình và tốt lành” (Ro 7:12), nhưng chúng ta không thánh, không công bình và xấu xa. Luật pháp không làm chúng ta mắc tội nó chỉ cho thấy chúng ta đã là tội nhân (Ro 3:20). Luật pháp là gương soi giúp chúng ta thấy “những vết dơ bẩn trên mặt” (Gia 1:22-25) - nhưng bạn không lau mặt bằng chiếc gương được! Chính ân điển ban cho chúng ta sự tẩy sạch bởi huyết báu của Chúa Giê-xu Christ (IGi 1:7b).

Có người sử dụng đúng luật pháp, và có người sử dụng sai (ITi 1:8-11). Dùng đúng luật pháp nhằm bày tỏ tội lỗi và khiến con người thấy cần đến Đấng Cứu Rỗi. Dùng sai luật pháp là cố đạt sự cứu rỗi do gìn giữ luật pháp. Khi người ta tuyên bố được cứu rỗi bởi “việc giữ Mười Điều Răn”, cho thấy họ đang dốt nát về ý nghĩa thật của luật pháp. Luật pháp kết luận “hết thảy mọi người đều ở dưới tội lỗi” (Ga 3:22), người Do Thái cũng như ngoại bang. Nhưng vì tất cả mọi người ở dưới luật pháp, thì ai nấy đều có thể được cứu bởi ân điển! Đức Chúa Trời không có hai phương cách cứu rỗi Ngài chỉ có một cách - đó là đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

(3) *Luật pháp được ban cho để mở đường cho Đấng Christ* (Ga 3:23-26). Ở đây Phao-lô dùng hình ảnh minh họa quen thuộc với mọi người - người giám hộ. Trong các gia đình La Mã và Hy Lạp, các nô lệ có học vấn cao đưa rước con cái của họ đi học và trông coi chúng suốt cả ngày. Thành thạo họ dạy dỗ bọn trẻ, đôi khi bảo vệ và cấm đoán chúng, thậm chí còn kỷ luật nữa. Đây là những gì Phao-lô muốn nói đến qua việc làm của thầy giáo (3:24) nhưng xin đừng xem từ ngữ này có ý nghĩa của người thầy hiện nay. Nghĩa đen trong tiếng Hy Lạp là “người giữ trẻ”.

Qua việc dùng minh họa này, Phao-lô nói một vài điều về người Do Thái và luật pháp của họ. Trước tiên, ông nói rằng người Do Thái không sinh bởi luật pháp, nhưng đúng hơn họ được trưởng dưỡng bởi luật pháp. Nô lệ không phải là cha của đứa trẻ nhưng là người giám hộ và người giữ nghiêm kỷ luật. Vì thế, luật pháp không ban sự sống cho dân Y-sơ-ra-ên nó chỉ phối sự sống. Giáo sư Do Thái dạy rằng luật pháp cần thiết cho sự sống và công bình, và Phao-lô vạch ra sai lầm của họ.

Nhưng điều thứ hai Phao-lô muốn nói còn quan trọng hơn: việc làm của người giám hộ là chuẩn bị cho đứa trẻ trưởng thành. Một khi đứa trẻ đủ tuổi, nó không còn cần đến người giám hộ nữa. Do đó luật pháp chuẩn bị cho dân tộc Y-sơ-ra-ên đến khi Người Dòng Dõi của lời hứa hiện ra, đó là Chúa Giê-xu Christ. Mục đích cuối cùng trong chương trình của Đức Chúa Trời là sự đến của Ngài (Ga 3:22), nhưng “trước khi đức tin (Đấng Christ) đến” (Ga 3:23), dân sự “bị nhốt dưới sự canh giữ của luật pháp” (dịch theo nghĩa đen).

Luật pháp phân rẽ dân Y-sơ-ra-ên với các nước ngoại bang (Eph 2:12-18) nó chi phối mọi lãnh vực của cuộc sống họ. Suốt nhiều thế kỷ trong lịch sử Do Thái, luật pháp dọn đường cho sự đến của

Chúa Giê-xu Christ. Những đòi hỏi của luật pháp nhắc dân sự nhớ họ cần Đấng Cứu Rỗi. Những biểu tượng và kiểu mẫu trong luật pháp là hình ảnh của Đấng Mê-si-a sẽ hiện ra (Lu 24:27).

Một ví dụ hay đề cập đến mục đích này của luật pháp nằm trong câu chuyện người trẻ tuổi giàu có (Mat 19:16). Chàng trẻ tuổi này có đủ mọi thứ người khác ao ước, nhưng ông không thoả mãn. Ông cố gắng giữ các điều răn suốt cuộc đời mình, nhưng vẫn thấy còn thiếu điều gì. Nhưng những điều răn này đã đem ông đến với Đấng Christ! Đây là một trong những mục tiêu của luật pháp, tạo ra trong tội nhân hư mất lòng cảm biết tội lỗi và nhu cầu được tha tội. Điều đáng buồn người trẻ tuổi không thành thật khi nhìn vào gương soi luật pháp, vì điều răn cuối cùng ("Người chớ tham lam") không ở với người ấy và người bỏ đi đánh mất sự sống đời đời.

Luật pháp đã phô diễn mục đích của nó: Đấng Cứu Rỗi đã đến và “người giám hộ” không còn cần đến nữa. Thật đáng buồn, dân Y-sơ-ra-ên không nhận ra Đấng Mê-si-a của họ khi Ngài hiện đến. Cuối cùng Đức Chúa Trời phải phá huỷ đền thờ và làm cho dân sự tán lạc, để ngày nay một người Do Thái không thể làm theo đức tin của cha ông mình được. Người ấy không còn bàn thờ, không thầy tế lễ, không của lễ, không đền thờ, không vua (Os 3:4). Tất cả những điều này đã làm trọn trong Đấng Christ, để bất cứ ai - người Do Thái hay người ngoại bang- tin nhận Đấng Christ sẽ trở nên con Đức Chúa Trời.

Luật pháp không thay đổi lời hứa được, và luật pháp không trỗi hơn lời hứa. Nhưng luật pháp không trái với lời hứa: cả hai làm việc với nhau để mang tội nhân đến với Đấng Cứu Rỗi.

4. Luật pháp không thể làm những gì lời hứa có thể làm (Ga 3:27-29)

Với sự hiện đến của Chúa Giê-xu Christ, dân tộc Y-sơ-ra-ên rời khỏi thời ấu trĩ trở thành người lớn. Giai đoạn chuẩn bị lâu dài đã qua. Trong khi luật pháp có vinh quang nhất định, thì vinh quang của sự cứu rỗi trỗi hơn do ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Luật pháp có thể cho biết tội và trong chừng mực nào đó kiểm soát hành vi nhưng luật pháp không thể làm thay cho tội nhân những gì Chúa Giê-xu Christ có thể làm.

Trước hết, luật pháp không bao giờ xưng công bình cho tội nhân được. Chúa phán, “Ta chẳng hề tha kẻ gian ác đâu” (Xu 23:7) tuy nhiên Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời “xưng công bình cho người có tội” (Ro 4:5). Trong lễ Cung Hiến Đền Thờ, Vua Sa-lô-môn nhắc Đức Chúa Trời lên án kẻ ác và xưng công bình cho người công bình (IVua 8:332) đây là lời ước nguyện trọn lành trong ánh sáng thánh khiết của Đức Chúa Trời. Vấn đề đặt ra là không có ai công bình cả! Chỉ bởi đức tin trong Chúa Giê-xu Christ tội nhân mới được xưng công bình - được tuyên bố là công bình - trước mặt Đức Chúa Trời.

Ngoài ra, luật pháp không làm con người hiệp một với Đức Chúa Trời được nó chia cắt con người với Đức Chúa Trời. Có một rào chắn bao quanh bàn thờ và một bức màn ngăn cách giữa nơi thánh và chí thánh.

Đức tin nơi Chúa Giê-xu báp têm chúng ta “vào trong Đấng Christ” (Ga 3:27). Báp têm của Thánh Linh hiệp con cái Chúa làm một với Đấng Christ và khiến người ấy trở nên chi thể trong thân của Ngài (ICo 12:12-14). Báp têm bằng nước là hình ảnh bên ngoài của công việc bên trong của Đức Thánh Linh (Cong 10:44-48).

Nhóm từ “mặc lấy Đấng Christ” (Ga 3:27) ám chỉ đến sự thay đổi y phục. Người tin Chúa đã lột bỏ áo tội lỗi dơ nhớp (Es 64:6), và bởi đức tin nhận lấy áo xống công bình trong Đấng Christ (Co 3:8-15). Nhưng đối với người Ga-la-ti, ý tưởng “thay y phục” này có nghĩa là thêm vào. Khi một đứa bé La Mã đến tuổi lớn khôn, nó thay những áo quần của trẻ thơ và mặc áo choàng của công dân lớn tuổi. Tín hữu trong Đấng Christ không chỉ là “con cái Đức Chúa Trời” người cũng là “con trai của Đức Chúa Trời” (Ga 3:26, chữ con cái phải dịch là “con trai trưởng thành”). Người tin Chúa có địa vị thành nhân trước mặt Đức Chúa Trời - vậy tại sao phải trở lại thời ấu thơ của luật pháp?

“Tất cả hiệp làm một trong Chúa Giê-xu Christ” - đây quả là lời tuyên bố kỳ diệu! Luật pháp tạo nên sự khác biệt và khoảng cách, không những giữa các cá nhân và quốc gia, nhưng còn giữa các loại thức ăn và thú vật. Chúa Giê-xu Christ đến, không phải để phân rẽ nhưng để kết hiệp làm một.

Ắt hẳn đây là một tin tức tốt lành cho các tín hữu Ga-la-ti, vì trong xã hội của họ nô lệ bị coi như tài sản phụ nữ bị giới hạn và khinh rẻ người ngoại bang thường xuyên bị người Do Thái chế nhạo.

Người Pha-ri-si cầu nguyện mỗi sáng, “Lạy Đức Chúa Trời tôi cảm tạ Ngài vì tôi là người Do Thái, không phải dân ngoại bang là đàn ông, không phải đờn bà là người tự do, không phải nô lệ”. Tuy nhiên tất cả sự khác biệt này đều được cất bỏ “trong Đấng Christ”.

Điều này không có ý nói Chúa sẽ thay đổi chủng tộc, tình trạng chính trị, hoặc giới tính của chúng ta lúc tin nhận Chúa nhưng nó có nghĩa tất cả những điều này không còn giá trị hoặc cản trở khi chúng ta có mối tương giao với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ. Luật pháp lưu giữ mãi những cách biệt này, nhưng trong ân điển Ngài Đức Chúa Trời đã tuyên bố tất cả mọi người đều ngang nhau để Ngài có thể bày tỏ lòng nhân từ trên hết thảy mọi người (Ro 11:25-32).

Cuối cùng, luật pháp không thể nào khiến chúng trở nên kẻ thừa kế của Đức Chúa Trời (Ga 3:29). Đức Chúa Trời lập lời hứa cho “dòng dõi Áp-ra-ham” (số ít, 3:16), và dòng dõi đó là Đấng Christ. Nếu chúng ta “ở trong Đấng Christ” bởi đức tin, thì chúng ta cũng là “con cháu Áp-ra-ham” nói theo nghĩa thuộc linh. Điều này có nghĩa chúng ta là người thừa kế những ơn phước thiêng liêng của Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Áp-ra-ham. Điều này không có nghĩa là những phước lành vật chất và dân tộc đã hứa cho dân Y-sơ-ra-ên bị đặt ra ngoài nhưng có nghĩa Cơ Đốc nhân ngày nay được giàu có về mặt thiêng liêng vì lời hứa của Đức Chúa Trời đối với Áp-ra-ham (Ro 11:13).

Phần này của sách Ga-la-ti có giá trị cho chúng ta khi đọc Kinh Thánh Cựu Ước. Nó cho chúng ta thấy những bài học thuộc linh trong Cựu Ước không chỉ dành cho người Do Thái nhưng còn ứng dụng cho Cơ Đốc nhân ngày nay nữa (Ro 15:4 ICo 10:11-12). Trong Cựu Ước chúng ta có sự chuân bị cho Đấng Christ trong các sách Phúc Âm có sự giới thiệu về Đấng Christ và trong Công vụ cho đến Khải huyền, nói về sự chiếm hữu của Đấng Christ.

Đời sống Cơ Đốc của bạn phải bắt đầu có sự ngạc nhiên và ý nghĩa mới khi bạn nhận thức được tất cả những gì bạn có trong Đấng Christ. Và tất cả những điều này đều bởi ân điển - không bởi luật pháp! Bạn là một con trưởng thành trong gia đình của Đức Chúa Trời, người thừa kế của Đức Chúa Trời. Bạn có đang sử dụng quyền thừa kế của bạn không? Đây là chủ đề Phao-lô bàn đến trong phần kế tiếp.

7. ĐÃ ĐẾN LÚC PHẢI TRƯỞNG THÀNH! (Ga 4:1-18)

Một trong những bi kịch của chủ nghĩa chủ luật là việc tạo ra dáng dấp thuộc linh trưởng thành, khi trong thực tế nó đang đưa tín hữu trở lại “thời thơ ấu thứ hai” trong kinh nghiệm Cơ Đốc nhân. Tín hữu Ga-la-ti, như hầu hết mọi Cơ Đốc, muốn lớn lên và hướng về Đấng Christ nhưng họ bắt đầu cách sai trật. Kinh nghiệm của họ không khác biệt bao nhiêu với kinh nghiệm của những Cơ Đốc nhân ngày nay những người có liên hệ đến những phong trào làm theo luật pháp, với hi vọng trở thành những Cơ Đốc nhân tốt hơn. Động cơ của họ có thể đúng, nhưng phương pháp của họ bị sai.

Đây là chân lý Phao-lô cố gắng truyền đạt đến những tín hữu đáng yêu của ông tại Ga-la-ti. Giáo sư Do Thái đã làm cho họ mê muội nghĩ rằng luật pháp sẽ khiến họ trở nên những Cơ Đốc nhân tốt hơn. Bản chất cũ của họ cảm thấy hấp dẫn đối với luật pháp, vì luật pháp có thể giúp họ làm được nhiều điều và đo lường những kết quả thấy được. Khi họ tự đánh giá mình và những thành quả của họ, họ có được ý niệm thành đạt và hẳn nhiên kèm theo đôi chút hãnh diện. Họ cho rằng họ đang tiến tới trong bước đường thuộc linh nhưng kỳ thực họ đang thụt lùi.

Những người như vậy đang ở trong tình trạng giống như các hành khách trên chuyến bay nghe vị phi công thông báo: “Người điều khiển đã lạc vị trí và chúng ta đang bay mất hướng trên một tiếng đồng hồ rồi. Đó là một tin không may. Nhưng tin mừng là chúng ta đang có một khoảng thời gian thật tuyệt diệu”

Phao-lô đưa ra ba giải pháp trong phần này khi ông tìm cách thuyết phục người Ga-la-ti rằng họ không cần làm theo luật pháp để sống cuộc sống Cơ Đốc. Họ có tất cả những điều cần thiết trong Chúa Giê-xu Christ.

1. Phao-lô giải thích quyền làm con nuôi của họ (Ga 4:1-7)

Trong số các phước hạnh của từng trái Cơ Đốc là sự làm con nuôi (Ga 4:5 Eph 1:5). Chúng ta không gia nhập gia đình của Đức Chúa Trời bằng sự làm con nuôi, theo cách một đứa bé không nơi nương tựa gia nhập một gia đình yêu thương ở trong xã hội của chúng ta. Cách duy nhất để trở thành thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời là sinh lại, được “sanh lại” (Gi 3:3).

Chữ “sự làm con nuôi” trong Tân Ước có nghĩa “đặt vào vị trí như con trai trưởng thành”. Nó phải liên quan đến vị thế chúng ta trong gia đình của Đức Chúa Trời: chúng ta không phải là con trẻ nhưng là con trai trưởng thành với tất cả đặc quyền làm con.

Thật đáng tiếc nhiều bản dịch Tân Ước không phân biệt giữa con cái Đức Chúa Trời và con trai của Đức Chúa Trời. Chúng ta là con cái Đức Chúa Trời bởi tin nơi Đấng Christ, được sinh trong gia đình Đức Chúa Trời. Nhưng mỗi con cái Chúa được đặt để trong gia đình với vai trò là con trai, và vì là con trai người ấy có mọi đặc quyền đặc lợi đúng pháp luật của một người con. Khi một tội nhân tin nhận Đấng Christ và được cứu rỗi, đối với tình trạng của người ấy, anh ta là “trẻ con thuộc linh” cần phải lớn lên (IPhi 2:2-3) nhưng đối với địa vị, anh ta là một con trưởng thành có thể sử dụng sự giàu có của Đức Chúa Cha và có thể thực hiện mọi đặc ân tuyệt vời của quyền làm con.

Chúng ta gia nhập gia đình Đức Chúa Trời bằng sự tái sinh, nhưng chúng ta hưởng gia đình Đức Chúa Trời bằng sự nhận làm con nuôi. Cơ Đốc nhân không phải chờ để bắt đầu hưởng sự giàu có thuộc linh có sẵn trong Đấng Christ. “Nếu người là con, thì cũng là kẻ kế tự bởi ơn của Đức Chúa Trời” (Ga 4:7). Bây giờ Phao-lô bàn về việc làm con nuôi. Ông nhắc chúng ta ba yếu tố.

Hiện trạng chúng ta là gì: con cái phục dưới các lẽ thói thế gian (4:1-3). Cho dù người cha có giàu có đến bao nhiêu, con trai thơ ấu hoặc đứa trẻ mới biết đi của ông không thể hưởng của cải giàu có ấy. Trong thế giới La Mã, con cái của những người giàu có được các nô lệ chăm sóc. Cho dù bố của nó là ai, đứa con vẫn là một đứa trẻ ở dưới sự bảo hộ của một đầy tớ. Thực ra, đứa bé không khác biệt gì nhiều so với người đầy tớ bảo bọc nó. Người chủ nhà ra lệnh cho đầy tớ. Người đầy tớ ra lệnh cho đứa bé.

Đây là tình trạng thuộc linh của người Do Thái dưới thời luật pháp. Bạn nhớ luật pháp là “người giám hộ” giữ dân tộc trong kỷ cương và dọn đường cho sự đến của Đấng Christ (Ga 3:23-25). Vì thế, khi người theo đạo Do thái hướng dẫn người Ga-la-ti trở lại với việc làm luật pháp, họ không những đưa tín hữu Ga-la-ti vào sự ràng buộc của tôn giáo, nhưng còn đưa họ vào sự ấu trĩ non trẻ thuộc linh.

Phao-lô nói rằng người Do Thái, giống như trẻ con, phải phục dưới “mọi lẽ thói của thế gian”. Chữ mọi lẽ thói mang nghĩa nguyên tắc căn bản, những điều cơ bản. Trải qua 15 thế kỷ, dân Y-sơ-ra-ên ở trong trường mẫu giáo và tiểu học, học “những điều sơ học thiêng liêng” để được sẵn sàng khi Chúa Giê-xu đến. Sau đó họ được mặc khải trọn vẹn vì Chúa Giê-xu Christ là “An pha và Ô-mê-ga” (Kh 22:13) Ngài có đủ mọi lời mặc khải của Đức Chúa Trời cho con người. Ngài là lời phán cuối cùng của Đức Chúa Trời (He 1:1-3).

Vậy thì làm theo luật pháp không phải là bước hướng đến sự trưởng thành nhưng là bước lùi lại thời trẻ con. Luật pháp không phải là sự mặc khải cuối cùng của Đức Chúa Trời nó chỉ là bước chuẩn bị cho sự bày tỏ ra sau cùng trong Đấng Christ. Biết về A,B,C... là điều rất quan trọng, vì đó là nền tảng cho sự hiểu biết về ngôn ngữ. Nhưng nếu người ấy chỉ ngồi trong thư viện đọc bảng vần A,B,C... thay vì đọc những tác phẩm văn học ở chung quanh anh ta thì điều đó nói lên rằng người đó còn ấu trĩ và dốt nát, không trưởng thành và khôn ngoan. Dưới sự chi phối của luật pháp, người Do Thái là những con trẻ trong tay người giám hộ, chớ không phải là những con trai hưởng tự do.

Những gì Đức Chúa Trời làm: đã cứu chuộc chúng ta (Ga 4:4-5). Ý tưởng kỳ hạn đã được trọn (Ga 4:4) ám chỉ đến thời điểm khi thế gian sẵn sàng thích hợp cho Đấng Cứu Thế ra đời. Các sử gia cho chúng ta biết thế giới La Mã đang ở trong tình trạng mong đợi lớn lao, họ trông đợi một vị cứu tin vào thời Chúa Giê-xu giáng sinh. Các tôn giáo cổ xưa đang tàn lụi các triết lý lâu đời vô nghĩa và không còn ảnh hưởng đến sự thay đổi trong cuộc sống con người. Nhiều tôn giáo thần bí mới lạ đang

thâm nhập vào đế quốc. Sự phá sản của tôn giáo và khao khát thuộc linh xảy ra khắp nơi. Đức Chúa Trời đang sửa soạn thế gian tâm lòng khát khao sự đến của Con Ngài.

Từ quan điểm lịch sử này, chính đế quốc La Mã đã giúp chuẩn bị thế giới cho sự chào đời của Đấng Cứu thế. Những con đường nối thành phố này với thành phố khác, và mọi thành phố có liên hệ cơ bản với thủ đô La Mã. Luật pháp La Mã bảo vệ quyền của công dân, và quân lính bảo vệ hoà bình. Nhờ cả hai cuộc chinh phục của người Hy Lạp và La Mã, tiếng La-tinh và Hy Lạp được phổ biến rộng khắp đế quốc. Sự giáng sinh của Đấng Christ tại Bết-lê-hem không phải là việc tình cờ đó là cuộc hẹn: Chúa Giê-xu đến theo “kỳ hạn đã được trọn”. (Và cũng nên chú ý Ngài sẽ trở lại trần gian khi thời gian đã sẵn sàng).

Phao-lô cẩn thận đưa ra hai bản thể của Chúa Giê-xu Christ (Ga 4:4), Ngài vừa là Đức Chúa Trời vừa là người. Là Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu “từ Cha xuống trần gian” (Gi 16:28) nhưng là con người, Ngài “được sanh ra bởi người nữ”. Lời hứa thời xưa dạy rằng Đấng Cứu Chuộc sẽ thuộc “dòng dõi người nữ” (Sa 3:15) và Chúa Giê-xu làm ứng nghiệm lời hứa ấy (Es 7:14 Mat 1:18-25).

Phao-lô cho chúng ta biết Đấng đã đến - là Con Đức Chúa Trời ông nói cho chúng ta biết lúc Ngài đến và cách Ngài đến. Bây giờ ông cho biết lý do Ngài đến: “để chuộc những kẻ ở dưới luật pháp” (Ga 4:5). Cứu chuộc là từ ngữ đã dùng trước đây (3:13) nó có nghĩa là ” trả giá để trả tự do”. Một người có thể mua một nô lệ tại bất cứ thành phố nào của đế quốc La Mã (trong toàn đế quốc có khoảng 60.000.000 nô lệ), để giữ làm người phục vụ cho mình hoặc thả cho tự do. Chúa Giê-xu đến để cho chúng ta tự do. Do đó, trở lại với luật pháp là phá bỏ chính công giá của Đấng Christ trên thập tự giá. Ngài không chuộc chúng ta để khiến chúng ta trở nên nô lệ, nhưng là con cái Ngài! Dưới ách nô lệ của luật pháp, người Do Thái chỉ là những con trẻ, nhưng dưới ân điển, người tin Chúa là con trai của Đức Chúa Trời có vị trí xứng đáng trong gia đình Đức Chúa Trời.

Có lẽ tại điểm này chúng ta cần một bảng so sánh để hiểu rõ hơn về sự khác biệt giữa sự “làm con cái Đức Chúa Trời và “làm con trai Đức Chúa Trời”.

- con trai: bởi sự sinh lại bước vào gia đình dưới sự giám hộ, chưa được thừa kế.

- con trai: Bởi sự nhận làm con, vui hưởng gia đình, sự tự do của người trưởng thành và người kế tự của cha.

Chúng ta là: Con trai và người kế tự (4:6-7). Lại một lần nữa, Ba ngôi Đức Chúa Trời có liên quan đến từng trải thuộc linh của chúng ta: Đức Chúa Cha sai Đức Chúa Con chịu chết thế chúng ta, và Đức Chúa Con sai Đức Thánh Linh của Ngài sống trong chúng ta. Sự tương phản ở đây không phải giữa các con chưa trưởng thành với các con trai thành nhân, nhưng giữa tôi tớ và con cái trong gia đình. Giống như đứa con hoang đàng, tín hữu Ga-la-ti muốn Cha của họ chấp nhận như là đầy tớ, trong khi họ là con thật sự (Lu 15:18-19). Chúng ta dễ dàng thấy những khác biệt. Thí dụ:

Người con có cùng bản tánh như người cha, nhưng đầy tớ thì không. Khi chúng ta tin nhận Đấng Christ, Đức Thánh Linh ngự vào lòng chúng ta điều này có nghĩa chúng ta là “người dự phần bản tánh của Đức Chúa Trời” (II Phi 1:4). Luật pháp không thể nào ban cho con người bản tánh của Đức Chúa Trời. Tất cả những gì luật pháp có thể làm là cho con người thấy được nỗi khát khao cần có bản tánh của Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi người tin Chúa quay trở lại với luật pháp, người ấy đang gạt bỏ chính bản tánh Đức Chúa Trời hiện hữu trong lòng mình, và người đang tạo điều kiện cho bản tánh cũ (xác thịt) có cơ hội hành động.

Người con có cha, trong khi đầy tớ có người chủ. Chẳng có đầy tớ nào gọi chủ là “cha” cả. Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy nhận lãnh Thánh Linh ngự vào lòng mình, và Đức Thánh Linh phán với người ấy rằng người ấy là con của Đức Chúa Cha (Ro 8:15-16). Theo lẽ tự nhiên đứa bé khóc, nhưng không phải nói chuyện với cha của nó. Khi Đức Thánh Linh ngự trong lòng, Ngài kêu rằng: “A-ba! Cha!” (Ga 4:6) và để đáp lại, chúng ta kêu rằng, “A-ba! Cha!” (Ro 8:15). Chữ A-ba là từ ngữ A-ram tương đương với nghĩa tiếng Anh là “papa” (cha). Điều này cho thấy sự gần gũi giữa đứa trẻ với cha mình. Không có đầy tớ nào hưởng được hạnh phúc này.

Người con vâng lời vì yêu thương, trong khi đầy tớ vâng lời vì sợ hãi. Đức Thánh Linh hành động trong lòng người tín hữu để thúc đẩy và tăng thêm lòng yêu mến Đức Chúa Trời trong người ấy. “Trái của Thánh Linh là lòng yêu thương” (Ga 5:22). “Tình yêu của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh” (Ro 5:5). Giáo sư Do Thái nói với tín hữu Ga-la-ti rằng họ sẽ trở nên Cơ Đốc nhân tốt hơn khi làm theo luật pháp, nhưng luật pháp không thể nào làm ra sự vâng lời. Chỉ có tình yêu thương mới làm được điều ấy. “Nếu các người yêu mến ta, thì gìn giữ các điều răn ta” (Gi 14:15).

Người con giàu có, trong khi đầy tớ thiếu thốn. Chúng ta vừa là “con vừa là người thừa kế”. Và vì chúng ta được nhận làm con nuôi - được đặt làm con trai thành nhân trong gia đình - chúng ta có thể bắt đầu sử dụng của thừa kế ngay từ bây giờ. Đức Chúa Trời sẵn sàng cho chúng ta sự giàu có vô hạn của ân điển Ngài (Eph 1:7 2:7), sự giàu có của Ngài ở nơi vinh hiển (Phi 4:19), sự dư dật của lòng nhân từ Ngài (Ro 2:4), sự giàu có khôn ngoan của Ngài (Ro 11:33) - và mọi sự giàu có của Đức Chúa Trời đều có trong Đấng Christ (Co 1:19 2:3).

Người con có tương lai, trong khi đầy tớ thì không. Trong lúc nhiều người chủ tốt bụng cung cấp vật thực cho đầy tớ của họ trong tuổi già, nhưng họ không bị buộc phải làm như thế. Người cha luôn chu cấp sự cần dùng cho con (II Co 12:14).

Về một ý nghĩa nào đó, sự làm con nuôi của chúng ta chưa kết thúc, bởi vì chúng ta đang chờ đợi Đấng Christ tái lâm và sự cứu chuộc thân thể chúng ta (Ro 8:23). Một số học giả cho rằng giai đoạn thứ hai trong việc làm con nuôi này phù hợp với thực tế của người La Mã khi một người nhận nuôi người nào làm con của mình. Trước tiên có nghi thức riêng tư vào lúc này đưa con được mua sau đó là buổi lễ công khai, vào lúc này việc nhận con nuôi được công khai tuyên bố trước mặt những người có chức quyền.

Cơ Đốc nhân đã kinh nghiệm giai đoạn thứ nhất: Chúng ta đã được Chúa Giê-xu Christ mua chuộc và ban Thánh Linh ngự vào lòng. Chúng ta đang chờ đợi giai đoạn thứ hai: giai đoạn công khai tuyên bố lúc Đấng Christ tái lâm khi ấy “chúng ta sẽ nên giống như Ngài” (IGi 3:1-3). Chúng ta là “con và người kế tự”, và phần tốt nhất trong gia tài thừa kế của chúng ta chưa xảy đến (I Phi 1:1-5).

2. Phao-lô xót xa cho sự lười bước của họ (Ga 4:8-11)

Điều gì thực sự xảy ra khi người Ga-la-ti từ bỏ ân điển để quay trở lại với luật pháp? Đầu tiên, họ từ bỏ tự do để nhận lấy ách nô lệ. Khi họ là những tội nhân tối tăm, họ đã hầu việc cho các tà thần và chuốc lấy nhiều đau đớn của sự làm nô lệ cho thần tượng. Nhưng rồi họ đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ và được cứu thoát khỏi lòng mê tín và cảnh nô lệ. Bây giờ họ đang từ bỏ tự do trong Đấng Christ và quay trở lại ách nô lệ. Họ đang “rút tên” ra khỏi trường ân điển và đăng ký nhập học nơi trường mẫu giáo của luật pháp! Họ đang huỷ phá tất cả những điều tốt lành Đức Chúa Trời đã làm trong họ qua chức vụ Phao-lô.

Nhóm từ những lễ thói hèn yếu nghèo nàn nói cho chúng ta mức độ của sự thối lui của họ. Họ đang bỏ quyền năng của Phúc Âm để nhận lấy sự yếu đuối của luật pháp, và khước từ sự giàu có của Phúc Âm để nhận sự nghèo khó của luật pháp. Luật pháp chưa bao giờ làm cho người nào giàu có hoặc mạnh mẽ ngược lại, luật pháp chỉ cho con người biết sự yếu đuối và sự suy sụp thuộc linh. Không có gì lạ Phao-lô khóc vì các tín hữu này khi thấy họ lìa bỏ tự do để chịu nô lệ, bỏ sự mạnh mẽ để chịu yếu hèn, và bỏ sự giàu có để chịu cảnh nghèo khó.

Họ làm điều này như thế nào? Bằng cách thừa nhận hệ thống tôn giáo trong Cựu Ước với việc giữ “ngày, tháng, mùa, năm” (Ga 4:10).

Điều này có phải có nghĩa là việc Cơ Đốc nhân để ra một ngày trong năm để kỷ niệm sự giáng sinh của Đấng Christ? là sai không? Hay việc kỷ niệm sự giáng lâm của Đức Thánh Linh trong ngày lễ Ngũ tuần, hoặc kỷ niệm phước hạnh của mùa gặt trong mùa thu, là tội lỗi không?

Không cần thiết. Nếu chúng ta tuân theo những ngày đặc biệt như các nô lệ, hy vọng đạt được giá trị thiêng liêng nào đó, lúc đó chúng ta đang phạm tội. Nhưng nếu trong việc tuân giữ, chúng ta bày

tò tự do trong Đấng Christ và để cho Đức Thánh Linh làm cho chúng ta dư dật trong ân điển Ngài, sau đó sự tuân giữ có thể là một ơn phước thuộc linh.

Kinh Thánh Tân Ước cho biết rõ Cơ Đốc nhân không phải đặt ra những qui định trong tôn giáo đối với nhau (Ro 14:4-13). Chúng ta không khen ngợi con người giữ ngày lễ, cũng không rửa sả người không làm điều ấy. Nhưng nếu có người cho rằng anh ta đang cứu rỗi linh hồn mình, hoặc tự động lớn lên trong ân điển, vì tuân giữ theo phép tắc giáo hội, người ấy hẳn là con người chủ luật.

Các giáo hội Phúc Âm của chúng ta có nhiều điều lệ khác nhau, và chúng ta sai khi vượt ra ngoài Lời Đức Chúa Trời trong việc so sánh, phê phán hoặc lên án. Nhưng tất cả chúng ta phải biết rằng tinh thần luật pháp phục vụ cho xác thịt, dẫn đến kiêu ngạo và khiến những sự kiện bên ngoài thay thế cho từng trải bên trong.

3. Phao-lô tìm kiếm lòng thương yêu của họ (Ga 4:12-18)

Phao-lô là một người cha thuộc linh tuyệt vời ông biết cách cân bằng giữa sự quở trách với tình yêu. Bây giờ ông chuyển từ “hình phạt” sang “hành động yêu thương” khi ông nhắc các tín hữu nhớ lại lòng yêu thương của họ dành cho ông và lòng yêu thương của ông dành cho họ. Có lúc họ sẵn lòng dâng bất cứ điều gì cho Phao-lô, lòng yêu thương của họ quả là lớn lao nhưng bây giờ ông đã trở thành kẻ thù của họ. Người theo đạo Do Thái đã len vào đánh cắp lòng yêu thương của họ.

Các nhà giải kinh ao ước Phao-lô đã nói rõ ràng hơn ở đây, vì chúng ta không chắc ông đang nói về những sự kiện nào. Khi Phao-lô thăm viếng họ, ông đang chịu đau đớn vì nỗi khổ nào đó về xác thịt. Như đã thấy trong chương một, nếu Phao-lô viết thư này cho các Hội Thánh miền nam Ga-la-ti, thì ông muốn nhắc đến chuyên hành trình truyền giáo lần thứ nhất của ông, được ghi lại trong Cong 13:1-14:28. Rõ ràng Phao-lô không có ý định đến thăm những thành phố này, nhưng ông buộc phải đến vì lý do sức khỏe. Chúng ta chỉ có thể suy đoán những việc liên quan đến điều này. Một số người cho rằng ông bị sốt rét những người khác nghĩ ông bị đau mắt (Ga 4:15). Cho dù lý do gì, chắc chắn đã làm cho bộ dạng của Phao-lô có phần tiêu tụy vì ông khen ngợi tín hữu Ga-la-ti về cách họ tiếp đãi ông mặc dầu ông bệnh tật. Đối với họ, Phao-lô là thiên sứ của Đức Chúa Trời. Thật là một việc tuyệt vời khi người ta chấp nhận tôi tớ Đức Chúa Trời không vì đáng đáp bên ngoài nhưng vì họ đại diện cho Chúa mang sứ điệp của Ngài đến cho con người.

Bây giờ Phao-lô hỏi họ: “Điều gì đã xảy ra cho tình yêu thương ấy? Điều gì đã xảy ra cho sự thiêng liêng - niềm hạnh phúc - anh em đã từng trải khi nghe Phúc Âm và tin nhận Đấng Christ?” Dĩ nhiên, Phao-lô biết những gì đã xảy ra: người theo đạo Giu-đa đã len lỏi vào và đánh cắp tâm lòng của họ.

Một trong những dấu hiệu của một giáo sư giả là tìm đủ cách để lôi kéo các tín hữu của người khác theo mình, chớ không đơn giản là chỉ đưa họ đến với chân lý hay thân vị của Đấng Christ. Không phải giáo sư Do Thái đến Ga-la-ti và dắt dẫn họ đến với Đấng Christ nhưng chính Phao-lô đã làm việc ấy. Giống như các hệ phái ngày nay, các giáo sư giả này không chinh phục người hư mất về cho Đấng Christ, nhưng đánh cắp chiên của những người chăn thật của Đức Chúa Trời. Phao-lô đã chứng tỏ là người bạn yêu thương của họ. Ông đã “trở nên giống như họ” (Ga 4:12). Bây giờ họ quay mặt khỏi Phao-lô và chạy theo người chăn giả.

Phao-lô truyền cho họ chân lý, nhưng giáo sư Do Thái nói cho họ sự dối trá. Phao-lô tìm cách làm vinh hiển Chúa Giê-xu Christ, nhưng người Do Thái tôn vinh họ và những người theo mình. “Những người đó vì anh em mà sốt sắng, thì không phải là ý tốt nhưng họ muốn anh em lìa bỏ chúng tôi, hầu cho anh em sốt sắng vì họ” (Ga 4:17).

Một tôi tớ thật của Đức Chúa Trời không “sử dụng con người” để tự đề cao mình hay công việc của mình người ấy phục vụ bằng tình yêu để giúp người ta biết Đấng Christ rõ hơn và ngợi khen Ngài. Hãy coi chừng những người làm việc cho tôn giáo muốn lòng trung thành tuyệt đối của anh em vì họ cho rằng mình là người duy nhất đúng. Người ấy sẽ dùng anh em bao lâu người ấy có thể và rồi bỏ rơi anh em cho người khác - và sự sa ngã của anh em sẽ là sự đau đớn. Nhiệm vụ của người lãnh

đạo thuộc linh là khiến người khác kính mến và theo Đấng Christ, chứ không tự đề cao bản thân và chức vụ của mình.

“*Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín Còn sự hôn hít của kẻ ghen ghét lấy làm giả nguỵ*” (Ch 27:6). Phao-lô đã nói cho họ biết chân lý để chứng tỏ lòng yêu thương của ông đối với người Ga-la-ti nhưng họ không chấp nhận. Họ thích “những cái hôn” của người Do Thái, và không nhận ra những nụ hôn này đang đưa họ đến nô lệ và buồn rầu. Đấng Christ đã khiến họ nên con cái và người kế tự, nhưng họ nhanh chóng trở thành nô lệ và những người ăn mày.

Họ đã đánh mất kinh nghiệm của sự cứu rỗi - họ vẫn là Cơ Đốc nhân, không tận hưởng niềm vui của ơn cứu rỗi và thay vào đó họ tìm sự thoả mãn qua việc làm. Buồn thay, họ không nhận ra sự mất mát của mình. Họ thật sự nghĩ rằng mình đang trở thành Cơ Đốc nhân tốt hơn khi thay thế ân điển bằng luật pháp, và dùng những hành vi tôn giáo của xác thịt thế cho bông trái của Thánh Linh.

Đời sống Cơ Đốc của bạn có đang hướng vào tự do hay lui vào ách nô lệ? Hãy suy nghĩ cẩn thận trước khi trả lời.

8. HÃY GẶP MẸ CỦA BẠN (Ga 3:19-31)

Làm cha mẹ dường như chúng ta chẳng bao giờ phát triển nhanh hơn con cái mình. “Khi còn bé, con cái chúng ta chỉ bằng nắm tay nhưng lúc lớn khôn, chúng chiếm đầy trong trái tim!” Tôi nhớ lại lời mẹ tôi nói: “Khi con cái còn nhỏ, chúng dẫm trên chân của con nhưng khi chúng trưởng thành, chúng đè nặng lên trái tim con.”

Đây là những gì Phao-lô đang trải qua khi ông tìm cách giúp tín hữu Ga-la-ti thoát khỏi cuộc sống tâm linh rối rắm. Lúc mới đến với họ bằng Phúc Âm, ông đã “cố gắng khó nhọc” để nhìn thấy họ trở lại với Chúa. Nhưng trên hết, Đức Chúa Giê-xu đã chịu khổ trên thập tự giá để có thể làm nên sự cứu rỗi cho họ (Es 53:11), sự đau đớn của Phao-lô không đáng so sánh chút nào. Nhưng bây giờ người Ga-la-ti đang quay trở lại với việc làm của luật pháp và trải qua bước đi “trẻ con lần thứ hai” Phao-lô lại phải chịu đau đớn vì họ. Ông mong mỗi nhìn thấy Đấng Christ thành hình trong họ, y như chúng ta những người làm cha mẹ đợi chờ con cái trưởng thành trong ý muốn Đức Chúa Trời.

Vì người Do Thái viện dẫn luật pháp, nên Phao-lô chấp nhận thách thức của họ và dùng luật pháp để minh chứng cho họ thấy Cơ Đốc nhân không ở dưới quyền luật pháp. Ông dùng câu chuyện quen thuộc nói về Ích-ma-ên và Y-sác (Sa 16:1-21:34) và rút ra những chân lý căn bản về mối liên hệ của Cơ Đốc nhân với Luật pháp Môi-se.

Các sự kiện miêu tả trong Kinh Thánh thực sự đã diễn ra, nhưng Phao-lô dùng chúng như một ẩn dụ, một chuyện ẩn tàng một ý nghĩa sâu sắc. Có lẽ ẩn dụ nổi tiếng nhất trong tiếng Anh là Thiên Lộ Lịch Trình của John Bunyan, trong đó Bunyan lần theo dấu vết từng trải của Cơ Đốc nhân từ thành phố huỷ diệt đến thiên đàng. Trong ẩn dụ, con người và hành động tiêu biểu cho những ý nghĩa tiềm ẩn, vì vậy câu chuyện có thể đọc ở hai mức độ: nghĩa đen và nghĩa bóng.

Việc Phao-lô dùng Sáng-thế-ký trong phần này không cho phép chúng ta tìm “các ý nghĩa tiềm ẩn” trong tất cả sự kiện của Kinh Thánh Cựu Ước. Nếu dùng cách hiểu như vậy đối với Kinh Thánh, chúng ta có thể khiến Kinh Thánh thật sự mang ý nghĩa theo bất cứ điều gì chúng ta thích. Từ điều này phát sinh nhiều lời dạy dỗ sai trật. Đức Thánh Linh thần cảm cho Phao-lô thấy rõ ý nghĩa giấu kín của câu chuyện chép trong Sáng-thế-ký. Chúng ta phải luôn luôn giải nghĩa Kinh Thánh Cựu Ước trong ánh sáng của Tân Ước, nơi nào Kinh Thánh Tân Ước cho phép, chúng ta có thể tra cứu ý nghĩa ẩn giấu của Cựu Ước. Nếu không, chúng ta nên thừa nhận lời phán rõ ràng của Kinh Thánh và không tìm cách “thiên liêng hoá” mọi sự.

1. Các sự kiện lịch sử (Ga 4:19-23)

Có lẽ cách dễ nhất để hiểu rõ câu chuyện lịch sử là phải lần theo dấu vết từng trải của Áp-ra-ham được ghi lại trong Sa 12:1-21:34. Dùng tuổi tác của ông làm người dẫn đường, chúng ta sẽ theo dấu vết các sự kiện mà Phao-lô dựa vào để lập luận cho sự tự do Cơ Đốc.

Năm 75 tuổi - Áp-ra-ham được Đức Chúa Trời kêu gọi đến xứ Ca-na-an và Đức Chúa Trời hứa ban cho ông nhiều con cháu (Sa 12:1-9). Cả Áp-ra-ham và vợ, Sa-ra, đều muốn có con, nhưng Sa-ra son sẻ. Đức Chúa Trời đợi chờ cho đến khi cả hai ông bà “không còn hi vọng” mới thực hiện phép lạ ban cho họ một con trai (Ro 4:16-25).

Năm 85 tuổi - Con trai lời hứa chưa đến, vì vậy Sa-ra nóng lòng. Bà gợi ý Áp-ra-ham cưới nàng A-ga, nàng hầu của mình, để giữa người này có thể có con trai. Việc làm này đúng pháp luật với xã hội thời ấy, nhưng không theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham làm theo lời đề nghị của Sa-ra và cưới A-ga (Sa 16:1-3).

Năm 86 tuổi - nàng A-ga mang thai và Sa-ra ghen tức! Trong gia đình quá căng thẳng đến nỗi Sa-ra đuổi A-ga ra khỏi nhà. Nhưng Chúa can thiệp, đưa A-ga trở lại và hứa săn sóc nàng cùng con trai của nàng. Khi Áp-ra-ham 86 tuổi, A-ga sinh con trai và ông đặt tên là Ích-ma-ên (Sa 16:4-16).

Năm 99 tuổi - Đức Chúa Trời lại phán hứa với Áp-ra-ham rằng ông sẽ có con trai do Sa-ra sanh ra và ông phải đặt tên là Y-sác. Về sau, Đức Chúa Trời lại hiện ra và nhắc lại lời hứa với Sa-ra (Sa 17:1-18:33).

Năm 100 tuổi - Con trai lời hứa sanh ra (Sa 21:1-7). Ông bà đặt tên là Y-sác (có nghĩa là “vui cười”) như Đức Chúa Trời đã truyền lệnh. Nhưng sự ra đời của Y-sác tạo nên một khó khăn mới trong gia đình: Ích-ma-ên ganh tị trêu chọc. Trong 14 năm, Ích-ma-ên là con trai duy nhất của cha ông, rất thân thiết với cha. Chúng ta nghĩ Ích-ma-ên sẽ phản ứng thế nào với sự có mặt của một đối thủ?

Năm 103 tuổi - Theo phong tục, người Do Thái cho con thôi bú khoảng ba tuổi, và nhân dịp ấy mở tiệc ăn mừng. Tại buổi tiệc mừng, Ích-ma-ên bắt đầu trêu chọc Y-sác (Sa 21:8) gây rắc rối trong gia đình. Chỉ có một biện pháp duy nhất để dàn xếp sự rắc rối, và một giá phải trả: A-ga và con trai của nàng phải ra đi. Áp-ra-ham buồn lòng để cho con mình ra đi, vì đây là điều Chúa phán dạy ông phải làm (Sa 21:9-14).

Nhìn bề ngoài, câu chuyện này có vẻ không hơn gì một chuyện cổ tích nói về một rắc rối trong gia đình, nhưng bên trong có nhiều ý nghĩa chứa đựng năng quyền thuộc linh lớn lao. Áp-ra-ham, hai người vợ, và hai con trai tiêu biểu cho các thực trạng thuộc linh và các mối quan hệ của họ dạy chúng ta nhiều bài học.

2. Chân lý thuộc linh (Ga 4:24-29)

Bây giờ Phao-lô giải thích những ý nghĩa thuộc linh tiềm ẩn chứa đằng sau các sự kiện lịch sử này có thể được phân loại như sau:

GIAO ƯỚC CŨ-Luật pháp

A-ga người nữ nô lệ

Ích-ma-ên, được sinh ra theo ý muốn xác thịt.

Giê-ru-sa-lem trên đất trong ách nô lệ.

GIAO ƯỚC MỚI-Ân điển

Sa-ra, người nữ tự chủ

Y-sác, được sinh ra cách lạ lùng

Giê-ru-sa-lem trên trời, được tự do.

Phao-lô bắt đầu bằng hai người con trai, Ích-ma-ên và Y-sác (4:22-23), và giải thích rằng họ minh họa cho hai sự sinh ra: sinh ra về phần xác làm chúng ta thành tội nhân và sinh ra về phần thiêng liêng khiến chúng ta trở nên con cái Đức Chúa Trời. Khi nghĩ về điều này và đọc trong Sa 21:1-12, bạn sẽ khám phá ra một số chân lý thuộc linh kỳ diệu nói về ơn cứu rỗi của bạn.

Y-sác minh họa cho tín hữu nói riêng.

Ông Được Sinh Ra Bởi Quyền Phép Đức Chúa Trời. Thực ra, Đức Chúa Trời cố ý chờ đợi 25 năm mới ban con trai cho ông bà Áp-ra-ham và Sa-ra. Y-sác “sinh ra theo Thánh Linh” (Ga 4:29), và dĩ nhiên, Cơ Đốc nhân “được sanh bởi Thánh Linh” (Gi 3:1-7). Y-sác chào đời bởi Áp-ra-ham (người đại diện cho đức tin, Ga 3:9) và Sa-ra (người đại diện cho ân điển) để được sinh ra “nhờ ân điển...bởi đức tin” như mọi Cơ Đốc nhân thật khác (Eph 2:8-9).

Ông Đem Lại Sự Vui Mừng. Tên của Y-sác có nghĩa là “sự vui cười”, chắc chắn cậu bé Y-sác đã đem lại niềm vui mừng cho cha mẹ đã có tuổi. Cứu rỗi là một kinh nghiệm vui mừng, không chỉ đối với bản thân kẻ tin, nhưng còn đối với người chung quanh nữa.

Y-Sác Lớn Lên Và Thôi Bú Sữa (Sa 21:8). Cứu rỗi là sự khởi đầu chứ không phải kết thúc. Sau khi sinh ra, chúng ta phải lớn lên (IPhi 2:2 IPhi 3:18). Việc dứt sữa xảy ra cùng lúc đứa trẻ lớn khôn: chúng ta phải bỏ đi “những điều thuộc về con trẻ” (ICo 13:11). Chúng ta thấy dễ dàng nắm giữ “các điều sơ học” của những ngày đầu mới tin Chúa và không sở hữu được những “khí mạnh” của Cơ Đốc nhân trưởng thành. Trẻ con không thích bị cho thôi bú, nhưng nó không thể nào trở thành người lớn cho đến khi nào chịu dứt sữa. (Thi 131:1-3).

Ông Bị Bất Bớ (Sa 21:9). Ích-ma-ên (con trai theo xác thịt) đã gây phiền toái cho Y-sác, giống như bản chất cũ gây khó khăn cho chúng ta. (Phao-lô sẽ đề cập chi tiết trong Ga 5:16). Ích-ma-ên không tạo nên rắc rối nào trong gia đình cho đến lúc Y-sác sinh ra, giống như con người cũ không gây phiền toái cho chúng ta cho đến khi chúng ta mặc lấy người mới và tuân phục Đấng Christ. Trong gia đình của Áp-ra-ham chúng ta thấy những xung đột cơ bản mà Cơ Đốc nhân ngày nay đối diện:

A-ga chống lại Sa-ra = Luật pháp nghịch lại với Ân điển

Ích-ma-ên nghịch lại với Y-sác = Xác thịt nghịch lại với Thánh Linh

Thật là quan trọng khi biết rằng chúng ta không thể phân rẽ bốn yếu tố này. Người Do Thái dạy rằng luật pháp làm cho tín hữu thiêng liêng hơn, nhưng Phao-lô nói rõ luật pháp chỉ sinh ra tranh chiến xác thịt bên trong đời sống Cơ Đốc nhân (Ro 7:19). Không có luật pháp nào đủ mạnh để thay đổi hoặc kiềm chế Ích-ma-ên, nhưng Y-sác chẳng hề cần đến luật pháp nào. Người ta nói rằng, “Bản chất cũ không biết luật pháp và bản chất mới không cần luật pháp.”

Phao-lô đã giải thích ý nghĩa của hai người con trai, bây giờ ông giải thích đến hai người vợ, Sa-ra và A-ga. Phao-lô muốn minh họa những nét tương phản giữa Luật pháp và Ân điển và chứng tỏ rằng người tin Chúa không ở dưới luật pháp nhưng ở dưới tự do của yêu thương đến từ ân điển Đức Chúa Trời. Hãy chú ý các sự kiện về A-ga để thấy luật pháp không còn quyền hạn gì trên Cơ Đốc nhân nữa.

A-ga là vợ thứ của Áp-ra-ham. Đức Chúa Trời không bắt đầu từ A-ga Ngài bắt đầu với Sa-ra.

Theo cách Ngài đối đãi với con người, Đức Chúa Trời bắt đầu bằng ân điển của Ngài. Trong vườn Ê-đen, Đức Chúa Trời chu cấp cho A-đam và Ê-va bằng ân điển. Thậm chí sau khi họ phạm tội, Ngài cũng dự bị cho họ áo bằng da con thú để che thân trong ân điển của Ngài (Sa 3:21). Ngài không ban cho họ luật pháp phải tuân theo để làm phương pháp cứu rỗi thay vào đó, Ngài ban lời hứa trong ân điển để họ tin theo: lời hứa về Đấng Cứu Chuộc Toàn Thắng (Sa 3:15).

Trong mối tương giao của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên cũng vậy, Đức Chúa Trời hành động trên nền tảng của ân điển chứ không phải luật pháp. Giao ước Ngài lập với Áp-ra-ham (Sa 15) thuộc về ân điển, vì Áp-ra-ham nằm ngủ mê trong khi Ngài lập giao ước với ông. Khi Đức Chúa Trời giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai- cập, điều đó cũng đặt nền tảng trên ân điển chứ không phải luật pháp vì lúc bấy giờ luật pháp chưa được ban xuống. Giống như A-ga, vợ thứ của Áp-ra-ham, luật pháp “được thêm vào” (Ga 3:19). A-ga đóng vai trò tạm thời, và rồi lui khỏi, giống như luật pháp thực hiện chức năng đặc biệt của nó và sau đó được cất bỏ đi (3:24-25).

A-Ga Là Một Nô Lệ. Trong phần này nàng được gọi là “người nữ tôi mọi” hay “người nữ nô lệ” (Ga 4:22-23,30-31). Sa-ra là người nữ tự do, và vì vậy địa vị của nàng là người tự do nhưng A-ga, mặc dầu lấy Áp-ra-ham làm chồng nhưng vẫn còn là đầy tớ. Cũng vậy, luật pháp được ban cho như một đầy tớ. “Vậy thì luật pháp phục vụ điều gì?” (3:19). Luật pháp đóng vai trò như chiếc gương soi chỉ

ra tội lỗi của con người (Ro 3:20), như một thầy giáo canh giữ con người và cuối cùng dẫn họ đến với Đấng Christ (Ga 3:23-25) nhưng luật pháp không bao giờ được coi như người mẹ!

A-Ga Vốn Không Được Định Sinh Con. Việc Áp-ra-ham cưới Sa-ra ngoài ý định của Đức Chúa Trời đó là kết quả của lòng vô tín và không kiên nhẫn của Sa-ra và Áp-ra-ham. A-ga cố gắng làm những gì chỉ có Sa-ra mới thực hiện được và nàng đã thất bại. Luật pháp không thể ban sự sống (Ga 3:21), hoặc sự công bình (2:21), hoặc ân tứ Thánh Linh (3:2), hoặc cơ nghiệp thiêng liêng (3:18). Y-sác sinh ra làm con thừa tự của Áp-ra-ham (Sa 21:10), nhưng Ích-ma-ên không thể dự phần trong cơ nghiệp được. Người Do Thái cố làm cho A-ga trở thành người mẹ, trong khi Phao-lô đang nặng lòng vì tín hữu của ông để họ có thể ngày càng giống Đấng Christ hơn. Tôn giáo hoặc luật lệ nhiều đến đâu cũng không thể đem sự sống đến cho tội nhân chết mất. Chỉ có Đấng Christ mới có thể làm điều đó bởi Phúc Âm.

A-Ga Sinh Ra Một Nô Lệ. Ích-ma-ên là một “người hoang dã” (Sa 16:12), và mặc dù là một nô lệ, không ai có thể trị phục người được, kể cả mẹ anh ta. Giống như Ích-ma-ên, con người cũ (xác thịt) đang tranh chiến với Đức Chúa Trời, và luật pháp không thể thay đổi hoặc cai trị nó. Bởi bản chất, Thánh Linh và xác thịt “trái nghịch nhau” (Ga 5:17), và dù có nhiều hoạt động tôn giáo bao nhiêu cũng không thay đổi được bức tranh. Bất kỳ ai chọn A-ga (Luật pháp) làm người mẹ của mình sẽ trải qua ách tội mọi (4:8-11,22-25,30-31 5:1). Nhưng ai chọn Sa-ra (Ân điển) làm mẹ sẽ hưởng tự do trong Đấng Christ. Đức Chúa Trời muốn con cái Ngài được tự do (5:1).

A-Ga Bị Đuổi Đi. Chính Sa-ra ra lệnh: “Hãy đuổi con đòi với con nó đi đi” (Sa 21:9-10), và sau đó Đức Chúa Trời chấp thuận điều đó (Sa 21:12). Ích-ma-ên đã ở trong nhà ít nhất 17 năm, nhưng người không được ở lâu cuối cùng ông phải bị đuổi ra khỏi nhà. Trong gia đình không có chỗ dành cho A-ga và Ích-ma-ên cùng với Sa-ra và Y-sác hai người phải ra đi.

Luật pháp và ân điển, xác thịt và Thánh Linh không thể thoả hiệp sống chung với nhau được. Đức Chúa Trời không đòi hỏi A-ga và Ích-ma-ên thỉnh thoảng ghé thăm gia đình sự chấm dứt mối quan hệ này là vĩnh viễn. Người Do Thái trong thời Phao-lô - và trong thời đại chúng ta ngày nay - đang cố sức hoà hợp Sa-ra với A-ga, Y-sác với Ích-ma-ên sự hoà hợp ấy trái với Lời Đức Chúa Trời. Không thể nào pha trộn luật pháp với ân điển, đức tin với việc làm, sự công bình do Đức Chúa Trời ban cho với nỗ lực tìm kiếm công bình của con người.

A-Ga Không Lập Gia Đình Trở Lại. Đức Chúa Trời không bao giờ ban luật pháp cho bất kỳ quốc gia hay dân tộc nào, kể cả Hội Thánh của Ngài. Vì giáo sư Do Thái áp đặt luật pháp lên tín hữu Ga-la-ti là chống lại chính kế hoạch của Đức Chúa Trời. Vào thời Phao-lô, đất nước Y-sơ-ra-ên ở dưới ách của luật pháp, trong khi Hội Thánh đang hưởng tự do trong ân điển của “Giê-ru-sa-lem trên trời” (Ga 4:26). Giáo sư Do Thái muốn “kết giao” núi Si-na-i với Núi Si-ôn trên trời (He 12:22), nhưng làm điều này sẽ phủ nhận những gì Chúa Giê-xu đã làm tại Đồi Gô-gô-tha (Ga 2:21). A-ga không được cưới trở lại.

Từ quan điểm của con người, dường như có vẻ nhân tâm khi Đức Chúa Trời phải ra lệnh Áp-ra-ham đuổi người con trai ông rất mực yêu thương. Nhưng đó là giải pháp duy nhất cho nan đề, vì “đưa con hoang” không thể nào sống chung với con của lời hứa được. Tuy nhiên, trong cái nhìn sâu xa hơn, hãy nghĩ đến cái giá Đức Chúa Trời phải trả khi ban Con Ngài gánh chịu sự rửa sả của luật pháp để giải phóng chúng ta được tự do. Tấm lòng đau đớn của Áp-ra-ham dẫn đến tự do cho Y-sác Đức Chúa Trời ban cho Con Ngài đưa đến tự do của chúng ta trong Đấng Christ.

3. Những phước hạnh thực tế (Ga 4:30-31)

Giống như Y-sác, Cơ Đốc nhân chúng ta là những con cái của lời hứa bởi ân điển. Giao ước của ân điển, được vẽ nên bởi Sa-ra, là mẹ thiêng liêng của chúng ta. Luật pháp và bản chất cũ (A-ga và Ích-ma-ên) muốn buộc tội và đem chúng ta vào trong ách nô lệ. Chúng ta phải giải quyết vấn đề này bằng cách nào?

Chúng ta có thể tìm cách thay đổi luật pháp và bản chất cũ. Điều này phải thất bại, vì không thể nào thay đổi luật pháp và con người cũ. “Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt” (Gi 3:6), và chúng ta có

thể nói thêm rằng, xác thịt luôn luôn là xác thịt. Đức Chúa Trời không tìm cách biến đổi Ích-ma-ên và A-ga, bằng sức mạnh hoặc bằng giáo dục bạn và tôi cũng không thể thay đổi con người cũ và luật pháp được.

Chúng ta có thể tìm cách thoả hiệp với luật pháp và con người cũ. Điều này không thực hiện trong gia đình của Áp-ra-ham, và cũng không xảy ra trong đời sống chúng ta. Tín hữu Ga-la-ti đang ra sức đem lại sự thoả hiệp như thế, nhưng điều đó chỉ dần dần đưa họ đến ách nô lệ. Các giáo sư giả ngày nay nói với chúng ta, “Đừng lìa bỏ Đấng Christ nhưng hãy đi vào đời sống Cơ Đốc nhân sâu nhiệm bằng cách thực hành luật pháp kết hợp với đức tin đặt nơi Đấng Christ”. Hãy mời A-ga và Ích-ma-ên trở về nhà. Nhưng đây chỉ là lời mòn trở lại kiếp nô lệ: “Sao còn trở hướng về lễ thói hèn yếu nghèo nàn đó mà suy phục nữa ư?” (Ga 4:9).

Chúng ta có thể đuổi luật pháp và xác thịt ra khỏi. Đây là những gì chúng ta nên làm. Trước hết, Phao-lô áp dụng điều này cho dân tộc Y-sơ-ra-ên (Ga 4:25-27) sau đó ông dành cho cá nhân tín hữu. Dân tộc Y-sơ-ra-ên đã ở trong ách nô lệ dưới luật pháp, nhưng đây chỉ là việc tạm thời, chuẩn bị họ cho sự ra đời của Đấng Christ. Bây giờ Đấng Christ đã đến, luật pháp phải ra đi. Giống như Y-sác, Chúa Giê-xu Christ là con của lời hứa, được sanh ra bởi quyền phép máu nhiệm của Đức Chúa Trời. Một khi Ngài đã đến và chết thay cho con người, thì luật pháp phải ra đi.

Phao-lô trích dẫn Es 54:1, lời tiên tri ứng dụng cho Sa-ra bị son sè trước khi sanh Y-sác nhưng cũng ứng dụng cho Hội Thánh (Ga 4:27). Hãy lưu ý sự khác biệt:

Y-SO-RA-ÊN

Giê-ru-sa-lem trên đất
nô lệ
việc làm luật pháp khô cứng

HỘI THÁNH

Giê-ru-sa-lem trên trời
tự do
ân điển sanh bông trái

Sa-ra đã son sè, và bà cố tìm cách trở nên người mẹ có con bằng cách cho Áp-ra-ham cưới A-ga. Điều này đưa đến thất bại và chỉ đem lại rắc rối. Luật pháp không thể ban cho sự sống hoặc kết quả việc làm luật pháp không có giá trị gì. Đối với Hội Thánh đầu tiên, việc trở lại với ách nô lệ có nghĩa là cần cỗi và bất tuân Lời Đức Chúa Trời. Vì giữ vững ân điển, cho nên kết quả cứ lan khắp thế gian.

Nhưng cá nhân Hội Thánh và con cái Chúa có thể phạm cùng lỗi lầm như tín hữu Ga-la-ti đang mắc phải: họ không thể đuổi A-ga và Ích-ma-ên ra khỏi nhà được. Làm theo luật pháp là một trong những nan đề chính yếu trong vòng con cái Chúa ngày nay. Chúng ta nên nhớ rằng làm theo luật pháp không có nghĩa đặt ra những tiêu chuẩn thuộc linh nhưng là thờ phượng những tiêu chuẩn này và nghĩ rằng chúng ta thiêng liêng do vâng theo những điều luật ấy. Nó cũng có nghĩa chúng ta đoán xét tín hữu khác trên cơ sở những tiêu chuẩn này. Ví dụ một người có thể thôi không hút thuốc lá, uống rượu, đi coi hát, nhưng vẫn không thiêng liêng. Người Pha-ri-si có các tiêu chuẩn cao tuy nhiên họ đóng đinh Chúa Giê-xu.

Bản chất cũ thích làm theo luật pháp, vì luật pháp cho con người cũ cơ hội “thấy mình có vẻ tốt”. Ích-ma-ên trả giá rất ít để không làm điều xấu nào đó, hoặc thực hành những hành vi tôn giáo, bao lâu ông có thể vẫn là Ích-ma-ên. Trải qua 17 năm, Ích-ma-ên không gây ra rắc rối nào cho gia đình và rồi Y-sác ra đời, mâu thuẫn xảy ra. Làm theo luật pháp thoả mãn cho Ích-ma-ên. Cơ Đốc nhân quả quyết mình thiêng liêng những điều mình không làm, anh ta chỉ tự lừa dối mình. Cần phải phủ nhận nhiều điều mới tạo nên một đời sống thuộc linh kết quả tích cực.

Rất có thể giáo sư Do Thái là những con người hấp dẫn. Họ mang những thơ uỷ nhiệm từ những người có quyền hành trong tôn giáo (II Co 3:1). Họ có tiêu chuẩn cao và thận trọng trong ăn uống. Họ

có ảnh hưởng trong việc khiến người khác trở lại đạo và thích quảng cáo thành tích của mình (Ga 6:12-14 4:17-18). Họ có luật lệ và tiêu chuẩn bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống, làm cho người tin theo dễ dàng biết được ai là “thiên liêng” và ai thì chưa. Nhưng Giáo sư Do Thái đang dẫn dắt người ta vào ách nô lệ và thất bại, chớ không đem lại tự do và chiến thắng, và người ta không biết được sự khác nhau.

Trong các chương kết thúc bức thư này, Phao-lô chỉ ra bi kịch lớn nhất trong việc làm theo luật pháp: nó tạo cơ hội cho xác thịt hành động. Luật pháp không thể kiểm soát con người cũ cuối cùng nó phải bùng nổ và khi bùng nổ, hãy coi chừng! Điều này giải thích tại sao các nhóm tôn giáo theo luật pháp thường tranh chiến và phân rẽ (“anh em cắn nuốt nhau”, Ga 5:15), và thường bị vướng vào các tội gây ô uế (5:19). Trong khi mỗi Hội Thánh đều có chia sẻ các nan đề này, thì sự việc nổi cộm thường xảy ra trong những nhóm ấy sống trong bầu không khí chủ luật. Khi bạn mời A-ga và Ích-ma-ên sống với Sa-ra và Y-sác, bạn đang chào mời khó khăn.

Cảm tạ Đức Chúa Trời, Cơ Đốc nhân được tự do khỏi sự rửa sả của luật pháp và sự cai trị của luật pháp. “Hãy đuổi người nữ tôi mọi và con của nó đi”. Nó có thể làm chúng ta đau lòng, vì Áp-ra-ham đã đau lòng nhưng chúng ta phải làm. Cố gắng pha trộn luật pháp và ân điển là một việc không thể được. Nó tạo nên một đời sống Cơ Đốc khô hạn và cần cỗi. Nhưng sống nhờ ân điển, bởi đức tin cuộc sống Cơ Đốc chúng ta đầy trọn và tự do.

Bí quyết để có cuộc sống đầy trọn và tự do là gì? Đó là Đức Thánh Linh. Và Phao-lô sẽ chia sẻ chính bí quyết này trong các chương “thực hành” kết thúc bức thư. Trong lúc đó, bạn và tôi cần cảnh giác kẻ Ích-ma-ên và A-ga lên vào trong cuộc đời chúng ta. Nếu chúng xuất hiện - chúng ta hãy đuổi chúng đi.

Phần Ba: ÂN ĐIỂN và ĐỜI SỐNG CƠ-ĐỐC

9. DỪNG LẠI! KẸ CẤP! (Ga 5:1-12)

Giáo sư Do Thái gào lên, “giáo lý ân điển của Phao-lô nguy hiểm lắm!”. “Nó thay thế luật pháp bằng sự buông thả. Tại sao vậy, nếu chúng ta gạt bỏ luật lệ và các tiêu chuẩn cao, Hội Thánh chúng ta sẽ chia cắt”.

Người theo đạo Giu-đa trong thế kỷ thứ nhất không phải là người duy nhất sợ phải tùy thuộc vào ân điển Đức Chúa Trời. Những người giữ gìn luật pháp trong Hội Thánh ngày nay khuyến cáo không nên dạy người ta về tự do chúng ta có trong Đấng Christ e gây nên lộn xộn trong tôn giáo. Những người này không hiểu lời dạy của Phao-lô về ân điển, và nhằm sửa lại sự hiểu nhầm như vậy Phao-lô đã viết phần cuối bức thư (Ga 5:1-6:18).

Bây giờ Phao-lô chuyển từ lập luận sang ứng dụng, từ giáo lý đến thực tế cuộc sống. Cơ Đốc nhân sống bởi đức tin sẽ không trở thành người phản loạn. Hoàn toàn ngược lại, Cơ Đốc nhân sẽ kinh nghiệm kỷ luật của Đức Chúa Trời bên trong lòng tốt hơn nhiều kỷ cương phép tắc bên ngoài do con người đặt ra. Chẳng người nào nương cậy nơi ân điển của Đức Chúa Trời lại trở thành kẻ nổi loạn cả, nhưng người phục tùng Thánh Linh Đức Chúa Trời, sống cho người khác, và tìm cách ngợi khen Đức Chúa Trời. Người sống theo luật pháp là người nổi loạn vì anh ta đang sống trong ách nô lệ, nương cậy nơi xác thịt, sống vị kỷ, và tìm cách ngợi khen con người và không tôn vinh Đức Chúa Trời.

Không, giáo lý Phao-lô viết về tự do Cơ Đốc bởi ân điển không phải là giáo lý nguy hiểm. Chính việc làm theo luật pháp mới nguy hiểm, vì luật pháp nỗ lực làm những việc không thể làm được: hãy thay đổi con người cũ và vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Việc làm theo luật pháp kết quả một thời gian ngắn, và sau đó xác thịt bắt đầu nổi loạn. Cơ Đốc nhân thuận phục nương cậy nơi quyền năng Đức Thánh Linh không chối bỏ hoặc chống lại luật pháp Đức Chúa Trời. Đúng hơn, luật pháp ấy đang được làm trọn trong người bởi Thánh Linh (Ro 8:1-4). Chúng ta dễ dàng thấy dòng ý tưởng trong các đoạn kết thúc bức thư này:

1. Tôi đã được Đấng Christ buông tha cho được tự do. Tôi không còn ở dưới ách nô lệ của luật pháp (Ga 5:1-12).

2. Nhưng tôi cần một điều gì đó - một Đấng nào đó - kiểm soát cuộc đời tôi từ bên trong. Đấng ấy là Đức Thánh Linh (5:13-26).

3. Bởi tình yêu thương của Thánh Linh, tôi có lòng khát khao sống cho người khác, chứ không cho riêng tôi (6:1-10).

4. Cuộc sống tự do này quá lạ lùng, tôi muốn sống đời sống ấy để tôn vinh Đức Chúa Trời vì Ngài là Đấng có thể làm được mọi sự (6:11-18).

Bây giờ hãy đối chiếu điều này với kinh nghiệm của người chọn sống theo luật pháp, theo phép tắc của người lãnh đạo tôn giáo nào đó.

1. Nếu tôi làm theo những luật lệ này, tôi sẽ nên người thiêng liêng hơn. Tôi là người hết lòng ca ngợi vị lãnh đạo giáo hội này, vì vậy tôi tự mình phục tùng hệ thống giáo lý của ông ta.

2. Tôi tin tôi có sức mạnh để làm theo và tự cải thiện mình. Tôi làm những gì tôi được bảo, và đánh giá theo tiêu chuẩn đã đặt ra cho tôi.

3. Tôi đang tiến bộ. Tôi không làm một số điều tôi đã từng làm. Những người khác khen ngợi về sự vâng lời và kỷ luật của tôi. Tôi có thể thấy rằng tôi tốt hơn những người khác trong mỗi thông công của tôi. Được thiêng liêng như vậy quả thật tuyệt vời.

4. Giá như người khác cũng giống như tôi nhỉ! Quả thật Đức Chúa Trời may mắn là tôi thuộc về Ngài. Tôi có khao khát chia sẻ điều này cho người khác để họ có thể giống như tôi. Nhóm của chúng tôi đang lớn mạnh và chúng tôi có tiếng khen tốt. Những nhóm khác quá tẻ không thiêng liêng bằng nhóm của chúng tôi.

Cho dù bạn có nhìn thấy nó như thế nào đi nữa, việc làm theo luật pháp vẫn là kẻ thù nguy hiểm xảo quyệt. Lúc bạn lìa bỏ ân điển chạy theo luật pháp, bạn luôn mất mát. Trong phần đầu của chương này (5:1-12), Phao-lô giải thích những điều người tin Chúa đánh mất khi lìa bỏ ân điển của Đức Chúa Trời chạy theo luật lệ và phép tắc của con người.

1. Nô lệ - Bạn mất tự do của mình (Ga 5:1)

Phao-lô đã dùng hai so sánh để chúng ta thấy Luật pháp thật sự như thế nào: thầy giáo hoặc người giám hộ (3:24-4:2), người nữ nô lệ (4:22) bây giờ ông so sánh Luật pháp với ách nô lệ. Bạn nhớ rằng Phi-e-rơ đã dùng hình ảnh giống như vậy trong hội nghị nổi tiếng tại Giê-ru-sa-lem (Cong 15:10).

Hình ảnh chiếc ách không khó hiểu. Nó thường thường tiêu biểu cho sự nô lệ, sự phục vụ và bị người khác cai trị trên cuộc đời bạn nó cũng có thể tượng trưng cho sự sẵn lòng hầu việc và phục tùng người khác. Khi Đức Chúa Trời giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi tình trạng nô lệ tại Ai Cập, Ngài bẻ gãy ách nô lệ (Le 26:13). Nông dân dùng chiếc ách để điều khiển và hướng dẫn con bò của mình, vì chúng không chịu làm việc nếu không mang ách.

Khi tín hữu Ga-la-ti tin nhận Đấng Christ, họ mất chiếc ách nô lệ đối với tội lỗi và mang lấy ách của Đấng Christ (Mat 11:28-30). Chiếc ách tôn giáo khó khăn, và nặng nề nhưng ách của Đấng Christ thì “dễ chịu” và gánh của Ngài “nhẹ nhàng”. Chữ dễ chịu trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “tốt lành, ân sủng”. Ách của Đấng Christ cho chúng ta tự do để làm trọn ý muốn của Ngài, trong khi ách của luật pháp khiến chúng ta trở thành nô lệ. Người chưa được cứu mang lấy ách tội lỗi (Ca 1:14) người làm theo luật pháp tôn giáo mặc lấy ách nô lệ (Ga 5:1) nhưng Cơ Đốc nhân trông cậy nơi ân điển Đức Chúa Trời mang lấy ách tự do của Đấng Christ.

Chính Đấng Christ đã buông tha chúng ta thoát khỏi ách nô lệ của luật pháp. Ngài cứu chúng ta thoát khỏi sự rủa sả của luật pháp bằng cách chết trên thập tự giá (Ga 3:13). Người tin Chúa không còn ở dưới luật pháp nữa nhưng ở dưới ân điển (Ro 6:14). Điều này không có nghĩa chúng ta là những người sống ngoài vòng luật pháp và nổi loạn. Nhưng chỉ có nghĩa chúng ta không còn cần sức ép của luật pháp bên ngoài để giữ chúng ta ở trong ý muốn của Đức Chúa Trời, vì chúng ta có sự hướng dẫn của Thánh Linh trong lòng (Ro 8:1-4). Đấng Christ đã chết để chúng ta được tự do, chứ không biến chúng ta thành nô lệ. Trở lại với luật pháp là vương vào sự mê muội của “những việc phải làm và

những điều cần tránh” và lia bỏ sự trưởng thành thuộc linh để nhận lấy “thời non trẻ thuộc linh lần thứ hai”.

Buồn thay, một số người cảm thấy không an tâm với tự do có được. Họ thích ở dưới sự cai trị của người hướng dẫn nào đó hơn là tự mình quyết định. Một số tín hữu hoảng sợ tự do họ có được trong ân điển Đức Chúa Trời vì vậy họ đi ra tìm kiếm môi thông công theo pháp luật và mệnh lệnh, nơi đó họ có thể để cho người khác quyết định thay cho mình. Điều này có thể so sánh với một người lớn tuổi leo ngược trở vào giường của trẻ con. Con đường tự do của Cơ Đốc nhân là con đường trọn vẹn trong Đấng Christ. Chẳng có gì lạ khi Phao-lô đưa ra tới hậu thư: “Đừng để mình trở lại trong ách nô lệ nữa. Hãy đứng vững trong tự do.”

2. Mắc nợ - Bận mất tài sản của mình (Ga 5:2-6)

Phao-lô dùng ba nhóm từ để miêu tả những mất mát Cơ Đốc nhân gây ra khi người lia bỏ ân điển quay trở lại với luật pháp: “Đấng Christ không bỏ ích chi cho anh em hết” (Ga 4:2) “một con nợ phải làm trọn luật pháp” (Ga 4:3) “Đấng Christ không còn ảnh hưởng gì trên anh em” (Ga 4:4). Điều này dẫn đến một kết luận đáng buồn trong (Ga 4:4): “Anh em mất ân điển rồi”. Việc làm theo luật pháp cướp mất tự do khỏi Cơ Đốc nhân đã là tệ hại, nhưng nó cũng lấy mất đi sự giàu có thiêng liêng trong Đấng Christ nữa. Người tin Chúa sống dưới luật pháp trở nên nô lệ khánh kiệt tài sản.

Lời Đức Chúa Trời dạy rằng khi chưa được cứu, chúng ta mắc Đức Chúa Trời một món nợ không thể trả. Chúa Giê-xu phán rõ trong thí dụ của Ngài về hai chủ nợ (Lu 7:36-50). Hai người đàn ông nợ một món tiền, một người nợ nhiều hơn người kia gấp 10 lần. Nhưng chẳng có người nào đủ khả năng trả, vì vậy chủ nợ “tha cho cả hai” (dịch theo nghĩa đen). Cho dù có đạo đức bao nhiêu chăng nữa, con người vẫn thiếu hụt sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Thậm chí món nợ tội lỗi của anh ta chỉ bằng một phần mười người khác, anh ta vẫn không thể trả, bị phá sản trước toà phán xét của Đức Chúa Trời. Trong ân điển Ngài, vì công giá cứu chuộc của Đấng Christ trên thập tự giá, Đức Chúa Trời có thể tha thứ cho tội nhân, cho dù nợ tội của họ có lớn bao nhiêu mặc lòng.

Vì vậy khi tin nhận Đấng Christ, chúng ta trở nên giàu có thiêng liêng. Bây giờ chúng ta cùng dự phần trong sự giàu có của ân điển Ngài (Eph 1:7), sự giàu có của vinh hiển Ngài (Eph 1:18 Phi 4:19), sự giàu có của khôn ngoan Ngài (Ro 11:33), và “sự giàu có không thể dò tìm được trong Đấng Christ” (Eph 3:8). Trong Đấng Christ chúng ta có “tất cả sự quý báu về khôn ngoan thông sáng” (Co 2:3), và chúng ta “được đầy đủ trong Ngài” (Co 2:10). Một khi “ở trong Đấng Christ”, người tín đồ có tất cả những điều cần thiết để sống cuộc sống Cơ Đốc ngay lành theo ý muốn Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, giáo sư Do Thái muốn chúng ta tin rằng chúng ta “đang đánh mất điều gì”, và muốn chúng ta nghĩ rằng sẽ “thiên liêng” hơn nếu chúng ta thực hành luật pháp theo yêu cầu và mệnh lệnh của luật pháp. Nhưng Phao-lô nói rõ luật pháp không thêm điều gì cả - vì không thể thêm vào được điều gì!. Thay vào đó, luật pháp đi vào đời sống con người trong vai trò kẻ cắp lấy mất đi khỏi Cơ Đốc nhân sự giàu có thuộc linh người ấy có được trong Đấng Christ. Luật pháp đặt người tin Chúa trở lại tình trạng nợ nần chồng chất, mang lấy món nợ không thể trả nổi.

Sống bởi ân điển có nghĩa nương cậy vào sự chu cấp dư dật của Đức Chúa Trời trong mỗi nhu cầu. Sống theo luật pháp có nghĩa nương cậy vào sức riêng - xác thịt - và không nhận được gì nơi sự cung cấp của Đức Chúa Trời. Phao-lô khuyến cáo tín hữu Ga-la-ti rằng tuân theo phép cắt bì trong những hoàn cảnh này sẽ đánh mất mọi lợi ích họ có được trong Đấng Christ (mặc dù tự thân phép cắt bì là một vấn đề bình thường (Ga 4:6 Ga 6:15)). Ngoài ra, phục tùng buộc người tin Chúa phải có bản phận vâng theo trọn vẹn luật pháp.

Chính ở điểm này những người gìn giữ luật pháp để lộ tính đạo đức giả của họ, vì họ không giữ trọn được luật pháp. Họ chăm xem luật pháp Cựu Ước như cách một khách hàng thăm dò thức ăn trong quán ăn: họ chọn những gì mình muốn và bỏ đi những điều còn lại. Nhưng điều này không thành thật. Ví dụ dạy rằng một con cái Chúa ngày nay nên giữ ngày Sa-bát nhưng đừng giữ lễ vượt qua là không nhớ luật pháp của Đức Chúa Trời. Đấng ban luật pháp ban điều luật này cũng ban những

điều luật khác (Ga 2:9-11). Trước đây Phao-lô trích dẫn Môi-se để minh chứng rằng sự rửa sả của luật pháp giáng trên mọi người không giữ trọn luật pháp (Ga 3:10 Phu 27:26).

Hãy tưởng tượng một người đi mô-tô xuống phố cố tình hay vô ý chạy vượt đèn đỏ. Cảnh sát sẽ kêu anh ta lại và hỏi bằng lái xe. Ngay tức khắc người đi mô-tô tự bào chữa, “Thưa anh, tôi biết tôi đã vượt đèn đỏ - nhưng tôi chưa bao giờ ăn cắp của ai. Tôi chưa hề phạm tội ngoại tình. Tôi không bao giờ trốn thuế thu nhập.”

Viên cảnh sát cười khi viết biên lai phạt, vì anh ta biết rằng có vâng giữ bao nhiêu cũng không thể chấp cho một hành động vi phạm pháp luật. Chính cùng một điều luật đã bảo vệ cho người vâng theo lại phạt người vi phạm. Khoe khoang đã giữ được một phần luật pháp đồng thời phá bỏ phần khác là công khai nhìn nhận tội đáng bị trách phạt.

Bây giờ chúng ta có thể hiểu rõ hơn về những gì Phao-lô muốn nói “mất ân điển” (Ga 5:4). Chắc chắn ông không nói rằng tín hữu Ga-la-ti “mất sự cứu rỗi”, vì suốt bức thư ông xem họ là tín hữu Đấng Christ. Ít nhất chín lần ông gọi họ là anh em, và ông cũng dùng đại từ chúng ta (4:28,31). Phao-lô không bao giờ làm điều này nếu độc giả của ông bị hư mất. Ông mạnh mẽ nói rằng, “Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta kêu rằng, 'A-ba, Cha'” (4:6). Nếu độc giả là người chưa được cứu, Phao-lô không bao giờ viết những lời như thế này được.

Không phải vậy, “mất ân điển” không có nghĩa mất sự cứu rỗi. Đúng hơn là “xa lìa khỏi ảnh hưởng của ân điển Đức Chúa Trời.” Bạn không thể pha trộn ân điển với luật pháp. Nếu bạn quyết định sống trong ảnh hưởng của luật pháp, bạn không thể sống trong ảnh hưởng của ân điển. Tín hữu tại Ga-la-ti đã bị giáo sư giả đánh lừa (3:1) do đó họ không vâng theo chân lý. Họ đã theo một Phúc Âm khác (1:6-9), và quay trở lại với những lề thói hèn yếu của tôn giáo cũ (4:9). Kết quả họ mang lấy ách nô lệ, và điều này dẫn họ đến địa vị hiện tại: “mất ân điển”. Họ chuốc lấy thảm kịch đánh mất mọi điều tốt lành Chúa Giê-xu Christ có thể làm thay cho họ.

Kể đến Phao-lô giới thiệu cuộc đời tín hữu ở dưới ảnh hưởng của ân điển (Ga 5:5-6). Điều này làm chúng ta có thể đối chiếu hai cách sống. Khi sống bởi ân điển, bạn tùy thuộc nơi quyền năng của Đức Thánh Linh nhưng dưới luật pháp, bạn phải nhờ cậy chính mình và nỗ lực của bản thân. Đức tin không chết đức tin hành động (Ga 2:14-16). Nhưng nỗ lực của xác thịt không thể nào làm trọn những gì đức tin có thể hoàn thành trong Thánh Linh. Và đức tin hành động bởi tình yêu - kính yêu Đức Chúa Trời và yêu thương người khác. Tiếc thay, xác thịt không sinh ra tình yêu thương nó thường sinh ra sự ích kỷ và tranh cạnh (Ga 5:15). Chẳng có gì ngạc nhiên khi Phao-lô nêu lên hình ảnh của đời sống làm theo luật pháp là sự sa ngã!

Khi người tin Chúa bước đi bằng đức tin, tùy thuộc vào Thánh Linh Đức Chúa Trời, người sẽ sống trong ảnh hưởng của ân điển Đức Chúa Trời và Ngài sẽ chu cấp tất cả mọi nhu cầu cho người ấy. Người sẽ kinh nghiệm sự giàu có của ân điển Đức Chúa Trời. Và người luôn luôn có điều trông cậy (Ga 5:5): ngày kia Chúa Giê-xu sẽ trở lại để khiến người trở nên giống như Ngài trong sự công bình trọn vẹn. Luật pháp không hứa ban cho sự công bình trọn vẹn trong tương lai. Luật pháp chuẩn bị con đường cho sự ra đời của Đấng Christ (3:27-4:7), nhưng nó không chuẩn bị cho sự tái lâm của Đấng Christ.

Vì vậy, con cái Chúa chọn sống theo việc làm của luật pháp sẽ tự đánh mất tự do và giàu có thiêng liêng. Người cố tình tự đặt mình vào ách nô lệ và sự vỡ nợ.

3. Người chạy đua - Bạn lạc mất hướng (Ga 5:7-12)

Phao-lô thích minh họa bằng những vận động viên điền kinh và thường sử dụng trong các bức thư của mình. Độc giả của ông quen thuộc với Đại Hội Thể Thao cũng như các cuộc tranh tài của các vận động viên Hy Lạp, luôn luôn bao gồm các cuộc thi chạy. Cần chú ý rằng Phao-lô không bao giờ dùng hình ảnh cuộc đua để dạy người khác cách nào để đạt được sự cứu rỗi. Người luôn luôn nói với các tín hữu cách sống nếp sống Cơ Đốc. Một thí sinh trong cuộc đua tài Hy Lạp phải là công dân Hy Lạp trước khi anh ta có thể tham dự cuộc thi. Chúng ta trở nên công dân nước trời bởi đức tin nơi

Đấng Christ sau đó Chúa đặt chúng ta vào trong trường đua và chúng ta chạy để giành chiến thắng (Phi 3:12-21). Chúng ta không chạy đua để được cứu nhưng chúng ta chạy vì đã được cứu và muốn làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời trong cuộc đời chúng ta (Cong 20:24).

“Anh em chạy giỏi”. Khi Phao-lô lần đầu tiên đến với họ, họ tiếp nhận người “như là thiên sứ của Đức Chúa Trời” (Ga 4:14). Họ tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời, tin nhận Chúa Giê-xu Christ, và nhận lãnh Đức Thánh Linh. Họ đã hưởng niềm vui sâu xa là bằng chứng cho tất cả mọi người, và sẵn lòng hi sinh cho Phao-lô bất cứ điều gì (4:15). Nhưng bây giờ Phao-lô là kẻ thù của họ. Điều gì đã xảy ra?

(Ga 4:7) dịch theo nghĩa đen cho chúng ta câu trả lời: ” Anh em chạy giỏi. Ai đã ngăn trở anh em để không vâng theo chân lý?”. Trong các cuộc chạy đua, mỗi người phải chạy trong vạch đã được chỉ định, nhưng một số người chạy thi sẽ chen ngang vào đối thủ của mình để cố loại họ ra khỏi cuộc đua. Đây là những gì Giáo sư Do Thái đã làm đối với tín hữu Ga-la-ti: Họ xen vào và buộc tín hữu Ga-la-ti đổi hướng và tiếp tục “đi chệch hướng thuộc linh”. Đức Chúa Trời không làm điều này, vì Ngài đã kêu gọi tín hữu Ga-la-ti chạy cách trung tín trong vạch in dấu “Ân điển”.

Phao-lô thay đổi cách giải thích từ hình ảnh vận động viên đến việc nấu nướng, vì Phao-lô giới thiệu ý tưởng về men. Trong Cựu ước, men hình ảnh phổ biến của tội lỗi. Ví dụ trong suốt kỳ lễ Vượt Qua, trong nhà không được phép dùng chút men nào (Xu 12:15-19 13:7). Người thờ phượng Đức Chúa Trời không được phép trộn men vào của tế lễ (Xu 34:25), mặc dù có một số ngoại lệ đối với luật lệ này. Chúa Giê-xu đã dùng men là hình ảnh của tội lỗi khi Ngài khuyên dạy chống lại “men của người Pha-ri-si” (Mat 16:6-12) và Phao-lô đã dùng men là hình ảnh tội lỗi trong Hội Thánh Cô-rinh-tô (ICo 5:1-13).

Men thực sự là minh họa tốt chỉ về tội lỗi: nó nhỏ, nhưng nếu để một mình nó sẽ nở và lan ra. Giáo lý sai trật của giáo sư Do Thái được giới thiệu cho tín hữu Ga-la-ti một cách đơn sơ, nhưng không lâu, “men” lớn lên và cuối cùng kiểm soát tất cả.

Tinh thần của việc giữ theo luật pháp không lan tràn trong Hội Thánh cách lành. Giống như men, nó được đưa vào cách bí mật, rồi lan ra và chẳng bao lâu đầu độc cả Hội Thánh. Trong hầu hết các trường hợp, động cơ khuyến khích giữ theo luật pháp đều tốt (“Chúng ta muốn có một Hội Thánh thiêng liêng hơn”), nhưng các phương pháp thực hiện không theo Kinh Thánh.

Đặt ra tiêu chuẩn trong Hội Thánh không phải là sai, nhưng chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng các tiêu chuẩn sẽ làm cho con người trở nên thánh thiện, hoặc cho rằng giữ theo các tiêu chuẩn là bằng chứng cho thấy mình thiêng liêng. Men phát triển dễ dàng làm sao. Chẳng bao lâu chúng ta trở thành tự hào về trình độ thuộc linh của mình (“lên mình kiêu ngạo” là cách Phao-lô muốn nói đến, ICo 5:2, và đó chính là điều chất men gây ra: nó dậy lên), và sau đó bắt đầu chỉ trích người khác thiếu thuộc linh. Dĩ nhiên điều này chỉ thỏa mãn cho xác thịt và làm buồn Đức Thánh Linh, nhưng chúng ta cứ nghĩ rằng mình đang ngợi khen Đức Chúa Trời.

Mọi Cơ Đốc nhân đều có trách nhiệm coi chừng nguồn gốc của việc làm theo luật pháp, một chút men khởi phát tiêm nhiễm vào mỗi thông công và cuối cùng lớn mạnh thành nan đề nghiêm trọng. Chẳng có gì ngạc nhiên Phao-lô thật gay gắt khi tố cáo các giáo sư giả: “Tôi bị bắt bớ vì rao giảng về thập tự giá, nhưng các giáo sư giả này là những người nổi tiếng vì họ rao giảng một tôn giáo chịu theo xác thịt và thỏa mãn bản ngã. Họ có muốn cắt bì anh em không? Tôi mong rằng chính họ bị cắt mình là hơn!” (Ga 5:11-12, theo nghĩa đen).

Từ khi Đấng Christ chết và sống lại phép cắt bì chẳng còn một giá trị thuộc linh nào nên nó chỉ là việc giải phẫu thân thể. Phao-lô ao ước các giáo sư giả sẽ tự giải phẫu lấy mình - “tự hoại” - để họ không thể sản sinh thêm “con cái nô lệ” nào nữa.

Tín hữu sống trong ảnh hưởng của ân điển Đức Chúa Trời được tự do, giàu có và chạy trong đường dẫn đến phần thưởng và sự trọn vẹn. Tín hữu lìa bỏ ân điển để làm theo luật pháp là người nô lệ, nghèo khó, và chạy lệch hướng. Tóm lại, người ấy là kẻ thất bại. Và cách duy nhất để trở thành người đoạt giải là “làm sạch men”, từ bỏ giáo lý sai lầm pha trộn luật pháp và ân điển, và vâng phục Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Ân điển Đức Chúa Trời đầy đủ cho mọi đòi hỏi của cuộc sống. Chúng ta được cứu bởi ân điển (Eph 2:8-10), và hầu việc bởi ân điển (ICo 15:9-10). Ân điển làm chúng ta chịu đựng được đau đớn (II Co 12:9). Chính ân điển làm chúng ta mạnh mẽ (ITi 2:1), để có thể làm những chiến binh đắc thắng. Đức Chúa Trời chúng ta là Đức Chúa Trời của mọi ân sủng (I Phi 5:10). Chúng ta có thể đến gần ngôi ơn phước tìm cầu ơn để giúp chúng ta khi có cần (He 4:16). Khi đọc Kinh Thánh, là “lời của ân điển” (Cong 20:32), Thánh Linh của ân điển (He 10:29) sẽ bày tỏ cho chúng ta biết thể nào sự giàu có chúng ta có được trong Đấng Christ.

“Và bởi sự đầy dẫy của Ngài mà chúng ta đều có nhận được, và ơn càng thêm ơn” (Gi 1:16).

Chúng ta giàu có là dường nào!

10. TỰ DO THỨ NĂM (Ga 5:13-26)

Khi kết thúc bài diễn văn quan trọng trước Quốc hội vào ngày 6 tháng 1 năm 1941, tổng thống Franklin D. Roosevelt đã bày tỏ viễn cảnh thế giới ông muốn nhìn thấy sau khi chiến tranh chấm dứt. Ông vạch ra bốn tự do căn bản cho tất cả mọi người: tự do ngôn luận, tự do thờ phượng, tự do không thiếu thốn, tự do không sợ hãi. Trong chừng mực nào đó, người ta đã đạt được những tự do này ở mức độ rộng rãi hơn năm 1941, nhưng thế giới con người vẫn cần sự tự do khác, tự do thứ năm. Con người cần thoát khỏi chính bản thân mình và sự ràng buộc của bản chất tội lỗi.

Những người làm theo luật pháp cho rằng họ có câu giải đáp cho nan đề trong luật pháp và sự đe dọa, nhưng Phao-lô lý giải rằng không có sự tuân giữ luật pháp nào có thể biến đổi căn nguyên tội lỗi trong con người. Không phải do luật pháp bên ngoài nhưng bằng tình yêu thương ngự trong lòng đã tác động đến làm biến đổi cuộc đời con người. Chúng ta cần một năng lực khác ngự bên trong, và sức mạnh đó đến từ Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Trong thư Ga-la-ti có ít nhất 14 lần đề cập đến Đức Thánh Linh. Khi chúng ta tin vào Đấng Christ, Đức Thánh Linh đến ngự vào lòng chúng ta (Ga 3:2). Chúng ta được “sinh ra theo Thánh Linh” như Y-sác (4:29). Chính Đức Thánh Linh ngự bên trong bảo đảm sự cứu rỗi cho chúng ta (4:6) và chính Đức Thánh Linh khiến chúng ta có thể sống cho Đấng Christ và làm sáng danh Ngài. Đức Thánh Linh không chỉ là “ảnh hưởng của Đức Chúa Trời” Ngài còn là một Thân vị, giống như Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con. Những gì Đức Chúa Cha đã hoạch định cho bạn, Đức Chúa Con chuộc mua bạn trên thập tự giá, thì Đức Thánh Linh bày tỏ cho bạn áp dụng vào đời sống khi bạn vâng phục Ngài.

Đây có thể là phân đoạn quan trọng nhất trong toàn bộ phần kết thúc thư Ga-la-ti vì Phao-lô giải thích ba chức vụ của Đức Thánh Linh khiến người tin Chúa có thể tận hưởng tự do trong Đấng Christ.

1. Đức Thánh Linh khiến chúng ta có thể làm trọn luật yêu thương (Ga 5:13-15)

Chúng ta thường có khuynh hướng cực đoan. Một tín hữu hiểu tự do như một giấy phép và nghĩ rằng anh ta có thể làm bất cứ điều gì mình ưa thích. Tín hữu khác, biết lỗi sai này, có thái độ ngược lại và áp đặt luật pháp lên mọi người. Sự tự do thật của Cơ Đốc nhân nằm giữa hai thái cực này.

Vì vậy, Phao-lô bắt đầu giải thích sự kêu gọi dành cho chúng ta: Chúng ta được gọi đến sự tự do. Cơ Đốc nhân là người tự do. Người tự do thoát khỏi tội lỗi vì đã kinh nghiệm ơn tha thứ của Đức Chúa Trời. Người tự do thoát khỏi tội chết vì Đấng Christ đã chết thay cho người trên thập tự giá. Và bởi Đức Thánh Linh người được thoát khỏi những đòi hỏi và đe dọa của luật pháp. Đấng Christ gánh chịu rửa sả của luật pháp và chấm dứt sự hà khắc của tội lỗi một lần đủ cả. Chúng ta “được gọi đến sự tự do” vì chúng ta “được gọi bởi Chúa Giê-xu Christ” (Ga 1:6). Ân điển và tự do đi đôi với nhau.

Sau khi giải thích sự kêu gọi, Phao-lô đưa ra lời nhắc nhở: “Chớ lấy sự tự do đó làm dịp cho anh em ăn ở theo tánh xác thịt!”

Dĩ nhiên đây là nỗi lo sợ của mọi người không hiểu ý nghĩa thật của ân điển Đức Chúa Trời. Họ nói, “Nếu anh em bỏ các luật lệ và phép tắc, anh em sẽ tạo ra hỗn loạn và rối rắm”

Đương nhiên, sự nguy hiểm ấy có thật, không do thiếu ân điển của Đức Chúa Trời, nhưng vì con người không làm trọn ân điển của Đức Chúa Trời (He 12:15). Nếu có ân điển thật của Đức Chúa Trời (IPhi 5:12), cũng có ân điển giả và có những giáo sư giả “đổi ơn Đức Chúa Trời ra việc tà ác” (Giu 1:4). Vì vậy, lời nhắc nhở của Phao-lô có giá trị. Tự do của Cơ Đốc nhân không phải là giấy phép để phạm tội nhưng là cơ hội để phục vụ.

Điều này dẫn đến mệnh lệnh: “Hãy lấy lòng yêu thương làm đầy tớ lẫn nhau” (Ga 5:13). Dĩ nhiên chữ chìa khoá của mệnh lệnh này là yêu thương. Công thức như thế này:

tự do + yêu thương = phục vụ người khác

tự do - yêu thương = sự phóng túng (nô lệ cho tội lỗi)

Carl vào trong nhà bếp gặp vợ và nói, “Tuần này anh có thêm một ngày nghỉ, anh sẽ sửa xe đạp cho con Donna và dẫn thằng Larry đi chơi viện bảo tàng mà nó ao ước”

Vợ anh ta đáp, “Ngày nghỉ lại sửa xe và thăm nhà bảo tàng nghe chẳng thú vị chút nào, “Nó thật thú vị nếu em yêu các con”

Điều lạ lùng cho tình yêu đó là nó thay thế tất cả luật pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho. Mệnh lệnh “Người hãy yêu kẻ lân cận như mình” giải quyết mọi nan đề trong mối quan hệ của con người (Ro 13:8-14). Nếu bạn yêu thương con người (vì bạn yêu Đấng Christ), bạn sẽ không lấy của cải của họ, sẽ không nói dối về họ, không ganh tỵ với họ hoặc không tìm cách làm hại họ. Tình yêu thương trong lòng là điều Đức Chúa Trời thay thế cho luật pháp và sự đe dọa.

Khi con cái chúng tôi còn nhỏ, chúng tôi sống cạnh xa lộ đầy ắp xe cộ, các con biết chúng sẽ bị phạt roi nếu chạy ra chơi ngoài đường. Khi lớn khôn, chúng hiểu rằng sự vâng lời mang lại ích lợi. Chúng học tập vâng lời không chỉ tránh bị đòn roi nhưng cũng nhận được niềm vui. Ngày nay chúng tôi sống trong một thành phố đông đúc nguy hiểm vài đứa con chúng tôi lái xe đi học đi làm. Nhưng chúng tôi không sợ cũng không hối lộ chúng để chúng giữ mình an toàn. Chúng có nề nếp kỷ luật về lòng yêu thương ở bên trong điều hướng cuộc đời của chúng, và chúng không cố tình làm hại bản thân, cha mẹ hoặc người khác. Tình yêu thương đã thay thế cho luật pháp.

Ở nhận thức cao hơn, Đức Thánh Linh ngự bên trong ban cho chúng ta tình yêu chúng ta cần (Ro 5:5 Ga 5:6,22). Rõ ràng tín hữu Ga-la-ti thiếu loại tình yêu này vì họ “cắn nuốt nhau” và đang có nguy cơ diệt hại lẫn nhau (Ga 5:15). Ở đây bức tranh nói về những thú rừng tấn công lẫn nhau. Chính điều này chứng tỏ rằng luật pháp không thể buộc con người hoà thuận nhau được. Cho dù Hội Thánh có thể thừa nhận bao nhiêu luật lệ và tiêu chuẩn đi nữa, cũng không có bảo đảm nào về sự thiêng liêng trong Hội Thánh. Nếu Đức Thánh Linh không được phép đổ đầy tình yêu của Ngài vào lòng chúng ta, sự ích kỷ và tranh cạnh sẽ ngự trị. Cả hai thái cực trong Hội Thánh Ga-la-ti - những người làm theo luật pháp và những người phóng túng - thực sự đang phá hại mỗi thông công.

Đức Thánh Linh không hành động xa rời mọi người. Ngài dùng lời Kinh Thánh, sự cầu nguyện, thờ phượng, và mỗi thông công anh em để gây dựng chúng ta lớn lên trong Đấng Christ. Tín hữu dành thì giờ suy ngẫm lời Chúa, cầu nguyện mỗi ngày và vâng phục công việc của Thánh Linh sẽ hưởng tự do và giúp ích gây dựng Hội Thánh. Hãy đọc IICo 3:1-18 để hiểu cách giải thích của Phao-lô về sự khác nhau giữa chức vụ thiêng liêng của ân điển và công việc xác thịt của luật pháp.

2. Đức Thánh Linh khiến chúng ta có thể thắng hơn xác thịt (Ga 5:16-21,24)

Sự tranh chiến (5:16-17). Như Y-sác và Ích-ma-ên không thể sống chung, thì Thánh Linh và xác thịt (bản chất cũ) cũng tranh chiến với nhau luôn luôn. Dĩ nhiên, bởi “xác thịt”, Phao-lô không có ý muốn nói đến “thân thể”. Thân thể con người không có tội nó trung tính. Nếu Đức Thánh Linh cai trị thân thể, chúng ta bước theo Thánh Linh nhưng nếu xác thịt là chủ thân thể, chúng ta bước theo xác thịt và làm trọn mọi ham muốn của xác thịt. Thánh Linh và xác thịt có những ưa muốn trái nhau, và điều này tạo nên sự đối nghịch.

Những ưa muốn trái nhau này được minh họa trong Kinh Thánh bằng nhiều cách. Ví dụ, chiên là con vật sạch sẽ tránh dơ bẩn, trong khi con heo là loài không sạch thích đắm trong bùn (IPhi 2:19-

22). Sau khi dứt mưa và con tàu dừng lại, Nô-ê thả một con quạ và nó không bao giờ trở về tàu (Sa 8:6-7). Quạ là giống chim ăn xác chết thối rữa tìm thấy được nhiều thức ăn. Nhưng khi Nô-ê thả chim bồ câu (giống chim sạch), nó trở về (Sa 8:8-12). Lần cuối cùng Nô-ê thả con bồ câu ra lại và nó không trở về, ông biết rằng nó đã tìm được một nơi sạch sẽ để trú ngụ vì vậy nước đã rút.

Bản chất cũ của chúng ta giống như con heo và chim quạ luôn luôn tìm kiếm điều dơ dáy để nuôi mình. Bản chất mới của chúng ta giống như chiên và bồ câu khao khát những điều sạch sẽ thánh khiết. Rất có thể cuộc chiến cứ vẫn tiếp tục trong cuộc đời người tin theo Chúa! Người chưa tin Chúa không biết trận chiến này vì họ không có Đức Thánh Linh (Ro 8:9). Ích-ma-ên không gây ra rắc rối nào cho đến khi Y-sác ra đời.

Hãy lưu ý Cơ Đốc nhân không thể muốn thắng hơn xác thịt là được: Hai bên trái nhau dường ấy, nên anh em không làm được điều mình muốn làm” (Ga 5:17). Thư La Mã Phao-lô bàn luận chính nan đề này: “Vì tôi không hiểu điều mình làm: Tôi chẳng làm điều mình muốn, nhưng làm điều mình ghét.” (Ro 7:15,19). Phao-lô không chối rằng có chiến thắng. Ông chỉ cho thấy rằng chúng ta không thể đạt được chiến thắng này bằng sức riêng và bằng ý chí chúng ta.

Chinh phục (Ga 5:18). Giải pháp không đưa ý muốn chúng ta đọ sức với xác thịt, nhưng bắt ý muốn chúng ta tuân phục Đức Thánh Linh. Câu Kinh Thánh mang ý nghĩa, “Nhưng nếu anh em sẵn lòng nhờ Thánh Linh dẫn dắt, thì chẳng hề ở dưới luật pháp”. Đức Thánh Linh viết luật pháp của Đức Chúa Trời vào lòng chúng ta (He 10:14-17 IICo 3:1-18) để chúng ta có lòng ao ước vâng theo Ngài bằng tình yêu. “Hỡi Đức Chúa Trời tôi, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa: Luật pháp ở trong lòng tôi” (Thi 40:8). Được “Thánh Linh dẫn dắt” và “bước theo Thánh Linh” là những điều trái với những điều ưa muốn của xác thịt.

Đóng đinh trên thập tự giá (Ga 5:19-21,24). Bây giờ Phao-lô liệt kê một số “việc làm xấu xa của xác thịt”. (Bạn sẽ thấy các bản liệt kê giống như vậy trong Mac 7:20-23 Ro 1:29-32 ITi 1:9-10 IITi 3:2-5). Xác thịt có thể sinh ra tội lỗi nhưng không thể tạo ra sự công bình của Đức Chúa Trời. “Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa: ai có thể biết được?” (Gie 17:9). Trong thư Ga-la-ti bản liệt kê này có thể chia làm ba phần chính:

(1) *Những tội lỗi thuộc về xác thịt* (Ga 5:19,21b) Ngoại tình là tình dục bất chính giữa những người đã có gia đình, trong khi gian dâm ám chỉ đến tội phạm giữa những người không lập gia đình. Ô-úe có nghĩa: một tâm lòng và tâm trí đầy dẫy xấu xa làm cho con người bị ô úe. Người không sạch thấy mọi sự đều dơ dáy (Tit 1:15). Luông tuông sát nghĩa với chữ truy lạc. Nó nói đến lòng ham muốn phóng đảng không biết xấu hổ. Nó không nói rằng tất cả tội lỗi này lan tràn trong đế quốc La Mã. Say sưa và mê ăn uống không cần phải giải thích.

(2) *Những tội thuộc về mê tín* (Ga 5:20a) Giống như các tội kể trên, thờ thần tượng hiện hữu trong thế giới chúng ta ngày nay. Thờ thần tượng là đặt đồ vật lên trên Đức Chúa Trời và con người. Chúng ta phải thờ phượng Đức Chúa Trời, yêu thương con người, và sử dụng đồ vật, nhưng thường chúng ta sử dụng con người, yêu thương bản thân mình, và thờ lạy đồ vật và hoàn toàn loại Đức Chúa Trời ra khỏi tâm trí mình. Chúa Giê-xu phán rằng điều gì chúng ta thờ phượng, chúng ta sẽ hầu việc điều ấy (Mat 4:10). Cơ Đốc nhân để hết thời gian vào xe cộ, nhà cửa hoặc thuyền bè hơn là hầu việc Đấng Christ có thể đang ở trong nguy cơ phạm tội thờ hình tượng (Co 3:5).

Chữ phù phép xuất phát từ chữ pharmakeia trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “dùng dược phẩm”. Chữ pharmacy trong tiếng Anh (có nghĩa là hiệu thuốc tây) xuất phát từ chữ này. Các thuật sĩ trong thời Phao-lô thường dùng thuốc để dẫn đến những tác hại xấu. Dĩ nhiên, yêu thuật bị cấm trong Kinh Thánh cũng như tất cả những hoạt động bói khoa (Phu 18:9-22).

(3) *Tội lỗi thuộc về xã hội* (Ga 5:20b-21a) Ghen ghét có nghĩa “thù nghịch”, tâm trí đố kỵ và thách thức người khác. Thái độ này dẫn đến bất hoà, chia rẽ gia tăng sự thù nghịch. Ganh gổ nghĩa là ghen tị hoặc tranh cạnh. Thật là thâm kịch khi các Cơ Đốc nhân ganh đua với nhau và cố gắng làm cho người khác xấu đi trong cái nhìn của nhiều người chung quanh. Bất bình nghĩa là những cơn giận dữ và tranh đấu mang theo ý tưởng “tìm kiếm tư lợi, ham muốn vị kỷ”, tạo nên chia rẽ trong Hội Thánh.

Hai chữ Bè Phái và Tà Giáo có cùng nguồn gốc. Chữ đầu tiên cho thấy sự chia rẽ và chữ thứ hai tạo ra tinh thần phe đảng. Sự phân hoá và phe phái là cách dịch phù hợp cho hai từ này. Đây là kết quả của các nhà lãnh đạo Hội Thánh tự đề cao mình và kêu gọi người khác theo họ chứ không theo Chúa. (Chữ Tà giáo trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “chọn lựa”). Ghen tị mang ý nghĩa hơn thua, nổi ham muốn có được những gì người khác có (Ch 14:30). Tội giết người và say sưa không cần phải giải thích.

Người làm theo những tội lỗi này sẽ không hưởng được nước Đức Chúa Trời. Phao-lô không nói về một hành vi tội lỗi, nhưng ông nói đến một thói quen tội lỗi. Có sự đảm bảo sai trật về sự cứu rỗi khi không đặt trên nền tảng Lời Đức Chúa Trời. Sự việc con cái Chúa không thuộc dưới luật pháp, nhưng thuộc dưới ân điển không biện hộ cho tội lỗi (Ro 6:15). Nếu có điều gì thì đó là sự khích lệ để sống trong sự vâng lời Chúa.

Nhưng làm thế nào người tin Chúa chế ngự được bản tánh cũ trong khi bản tánh cũ chứa đầy tội lỗi kinh khiếp như vậy? Luật pháp không thể thay đổi hay kiểm soát bản tánh cũ. Người cũ phải chịu đóng đinh trên thập tự giá (Ga 5:24). Phao-lô giải thích rằng người tin Chúa đồng chết, đồng chôn và đồng sống lại với Đấng Christ (Ro 6:1-14). Đấng Christ không những chết cho tôi, nhưng tôi cũng đồng chết với Ngài. Đấng Christ chết thay cho tôi để cất đi án phạt của tội lỗi tôi nhưng tôi chết với Đấng Christ để phá tan quyền của tội lỗi.

Phao-lô đã đề cập điều này trong Ga 2:19-20, và bây giờ ông nhắc lại (6:14). Ông không bảo chúng ta phải tự đóng đinh mình, vì chúng ta không thể làm được. (Đóng đinh là cái chết con người không thể tự mình hành động được). Ông nói với chúng ta rằng xác thịt đã bị đóng đinh rồi. Trách nhiệm chúng ta phải tin điều này và có hành động phù hợp. (Phao-lô gọi điều này là “xem như, kể như” trong Ro 6:1-14 trong Co 3:5 cũng có cùng chân lý như vậy.)

Bạn và tôi không mắc nợ với xác thịt, nhưng mắc nợ Thánh Linh (Ro 8:12-14). Chúng ta phải chấp nhận những lời dạy của Đức Chúa Trời về bản tánh cũ và không tìm cách sửa đổi một điều nào. Chúng ta không nên “chăm nom về xác thịt” (Ro 13:14) mà thoả mãn những ham muốn của nó. Chẳng có điều tốt đẹp nào trong xác thịt cả (Ro 7:18), vì vậy chúng ta không nên để lòng tin cậy trong xác thịt (Phi 3:3). Xác thịt không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời (Ro 8:7) và nó không thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời (Ro 8:8). Chỉ nhờ Thánh Linh chúng ta mới có thể “làm cho chết” các việc làm của thân thể (Ro 8:13). Đức Thánh Linh không chỉ là Thần ban sự sống (Ro 8:2 Ga 5:25), nhưng Ngài còn là Thần của sự chết: Ngài giúp chúng ta tự coi mình như chết đối với tội lỗi.

Chúng ta đã thấy hai chức vụ của Thánh Linh Đức Chúa Trời: Ngài giúp chúng ta có thể làm trọn luật pháp và Ngài giúp chúng ta thắng hơn xác thịt. Ngài còn có chức vụ thứ ba.

3. Đức Thánh Linh giúp chúng ta sanh bông trái (Ga 5:22-23,25-26)

Thắng hơn xác thịt và không làm điều ác là một chuyện, làm điều thiện là một việc hoàn toàn khác. Người giữ theo luật pháp có lẽ hãnh diện rằng người không phạm tội tà dâm hoặc giết người (Mat 5:21-32), nhưng có ai nhìn thấy được những bông trái của Thánh Linh trong đời sống người đó không? Cuộc sống không làm điều xấu thì chưa đủ chúng ta cần phải có những việc làm tích cực nữa.

Điểm khác biệt giữa việc làm và bông trái của việc lành thật là quan trọng. Một cỗ máy hoạt động trong nhà máy, tạo ra sản phẩm, nhưng nó không thể sinh trái được. Bông trái phải kết quả từ cuộc sống, và trong đời sống người theo Chúa, đó là bông trái của Thánh Linh (Ga 5:25). Khi bạn nghĩ về “việc làm” bạn nghĩ đến nỗ lực, lao động, sự căng thẳng, và vất vả mệt nhọc nhưng khi nghĩ về “bông trái” bạn nghĩ đến vẻ đẹp, sự yên lặng, và tấm lòng rộng mở. Xác thịt sinh ra “những công việc hay chết” (He 9:14), nhưng Đức Thánh Linh sanh ra bông trái của sự sống. Và bông trái này mang hột giống làm sinh thêm nhiều trái khác (Sa 1:11). Tình yêu thương càng thêm tình yêu thương! Sự vui mừng sanh ra thêm sự vui mừng! Chúa Giê-xu chăm lo cho chúng ta sanh “bông trái...nhiều bông trái hơn..và lắm trái” (Gi 15:2,5), vì đây là cách chúng ta làm sáng danh Ngài. Bản tánh cũ không thể sinh ra bông trái chỉ có bản tánh mới làm được điều đó.

Kinh Thánh Tân Ước dạy về nhiều loại “bông trái” khác nhau: chinh phục người khác cho Đấng Christ (Ro 1:13), sống thánh khiết (Ro 6:22) của dâng cho Đức Chúa Trời (Ro 15:26-28), những việc lành (Co 1:10), và ngợi khen (He 13:15). Bông trái Thánh Linh được nêu trong phân đoạn phải liên quan đến tính cách (Ga 5:22-23). Thật quan trọng khi chúng ta phân biệt sự ban cho của Thánh Linh, là sự cứu rỗi (Cong 2:38 11:17), và các ân tứ Thánh Linh, liên quan đến sự hầu việc (ICo 12:1-31), được ban cho từ những phước hạnh của Thánh Linh liên hệ đến tính cách của người Cơ Đốc. Thật đáng tiếc vì coi trọng các ân tứ Thánh Linh đã dẫn một số tín hữu đến chỗ coi thường các ơn phước của Thánh Linh. Xây dựng tính cách Cơ Đốc phải ưu tiên bày tỏ những khả năng đặc biệt.

Những đặc tính Đức Chúa Trời muốn mọi người đều thấy trong đời sống chúng ta bày tỏ ra chín bông trái của Thánh Linh. Phao-lô bắt đầu bằng bông trái yêu thương vì tất cả những bông trái khác là kết quả của tình yêu thương. Hãy so sánh tám phẩm chất này với các đặc tính của tình yêu thương chép trong Cô-rinh-tô (ICo 13:4-8). Chữ nói đến tình yêu ở đây là chữ agape có nghĩa là tình yêu của Đức Chúa Trời. (Chữ eros trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “tình yêu xác thịt”, không bao giờ được dùng trong Kinh Thánh Tân Ước (Ro 5:5), và chúng ta nên vun xới và cầu nguyện để tình yêu này phát triển (Phi 1:19).

Khi một người sống trong môi trường yêu thương, người ấy kinh nghiệm niềm vui - sự bình an và sự đầy đủ trong tâm hồn không bị ngoại cảnh chi phối. (Thí dụ thích hợp cho vấn đề này là kinh nghiệm của Phao-lô chép trong Phi 4:10-20). “Sự lạc quan thánh” này giữ ông tiếp tục đi tới cho dù phải chịu nhiều khó khăn. Tình yêu và sự vui mừng kết hợp với nhau sinh ra sự bình an, “bình an của Đức Chúa Trời, vượt quá mọi sự hiểu biết” (Phi 4:7). Đây là ba phẩm tính bày tỏ lĩnh vực thuộc về Đức Chúa Trời trong đời sống Cơ Đốc nhân.

Ba phẩm tính tiếp theo bày tỏ lĩnh vực thuộc về con người: nhịn nhục (can đảm chịu đựng mà không bỏ cuộc), nhân từ (từ tế), và hiền lành (yêu thương bằng hành động). Cơ Đốc nhân nhịn nhục sẽ không trả thù hoặc mong ước người chống đối mình gặp nạn. Người sẽ đối xử nhân từ và từ tế, thậm chí với người gây cho mình khó chịu nhất, và gieo sự hiền lành ra những nơi người khác gieo điều ác. Bản chất con người không bao giờ làm điều này chỉ có Đức Thánh Linh mới có thể làm được.

Ba phẩm chất cuối cùng thuộc về bản thân: đức tin (sự trung thành, nhờ cậy) mềm mại (sử dụng sức mạnh và quyền hạn đúng đắn, sức mạnh được chế ngự) và tiết độ (tự chủ). Mềm mại không phải là yếu ớt. Chúa Giê-xu phán, “Ta có lòng nhu mì và khiêm nhường” (Mat 11:29), và Môi-se “rất khiêm hoà” (Dan 12:3) tuy nhiên không ai có thể cáo giác Chúa Giê-xu và Môi-se là yếu đuối cả. Cơ Đốc nhân khiêm nhường không cư xử cách kiêu căng hùng hổ hoặc tự khẳng định mình. Giống như khôn ngoan là sử dụng đúng kiên thức, vì vậy khiêm nhường là sử dụng đúng quyền hạn.

Có thể bản tánh cũ làm giả một số trái Thánh Linh, nhưng xác thịt không thể nào sinh ra trái Thánh Linh được. Điểm khác nhau là: khi Thánh Linh sinh bông trái, Đức Chúa Trời được vinh hiển và con cái Chúa không ý thức về mức độ thiêng liêng của mình nhưng khi xác thịt hành động, người bề trong lên mình kiêu ngạo và lấy làm hài lòng khi người khác ngợi khen ngợi mình. Công việc Đức Thánh Linh nhằm khiến chúng ta nên giống Đấng Christ vì vinh hiển của Ngài, chứ không vì sự khen ngợi của con người.

Chăm bón kết quả thật là quan trọng. Phao-lô khuyên cần phải có bầu không khí thích hợp trước khi bông trái phát triển (Ga 5:25-26). Giống như trái cây không thể kết quả trong mọi khí hậu, vì vậy trái Thánh Linh không thể đâm chồi trong mọi cá nhân hoặc khắp các Hội Thánh.

Bông trái phát triển trong khí hậu được ban phước dư dật Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời. “Bước theo Thánh Linh” (Ga 5:25) có nghĩa “tiếp tục bước với Thánh Linh” - chớ không chạy lên phía trước và không tụt lại phía sau. Điều này bao gồm việc học hỏi Lời Đức Chúa Trời, cầu nguyện, thờ phượng, ngợi khen và thông công với con cái Chúa. Điều đó cũng có nghĩa “nhỏ hết cỡ đại” để hột giống của Lời Hằng Sống có thể đâm rễ và sinh bông trái. Giáo sư Do Thái nóng lòng được khen ngợi và nhận được “vinh quang chóng tàn”, và điều này đã dẫn họ đến sự tranh cạnh và chia rẽ. Bông trái không thể lớn lên trong bầu không khí như vậy được.

Chúng ta nên nhớ bông trái này được sinh ra để người ta hưởng lấy hương vị ngọt ngào chứ không phải để ngưỡng mộ và trưng bày. Mọi người chung quanh ta đang thiếu vắng tình thương, sự vui mừng, bình an, và các bông trái khác của Thánh Linh. Khi họ nhìn thấy các bông trái ấy trong đời sống chúng ta, họ biết rằng chúng ta có những điều họ đang thiếu. Chúng ta không sinh bông trái để sử dụng riêng cho mình nhưng để người khác có thể được nuôi dưỡng và đỡ nâng, và Đấng Christ được sáng danh. Xác thịt có thể sinh ra “kết quả” đem lại lời khen ngợi cho chúng ta, nhưng xác thịt không thể sinh bông trái mang lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Cần có sự nhẫn nại, sống trong bầu không khí của Thánh Linh, bước đi trong ánh sáng, hột giống của Lời Đức Chúa Trời, và một ao ước chân thành làm sáng danh Đấng Christ.

Tóm lại, bí quyết là Đức Thánh Linh. Một mình Ngài có thể ban cho chúng ta “tự do thứ năm” ấy - tự do thoát khỏi tội lỗi và bản ngã. Ngài giúp chúng ta làm trọn luật yêu thương, đắc thắng xác thịt và sanh bông trái.

Bạn sẽ tuân phục Ngài và để cho Ngài hành động chăng?

11. TỰ DO TRONG TÌNH YÊU (Ga 6:1-10)

Người ta thường kể về thông điệp mà nhà sáng lập ra Cứu Thế Quân gửi đến cho hội nghị quốc tế của họ. Đại tướng William Booth không thể tham dự hội nghị vì bệnh, vì vậy ông gửi cho các đại biểu một thông điệp vắn vắn một chữ: “NHỮNG NGƯỜI KHÁC!”

Trong tranh truyện vui “Peanuts” Lucy hỏi Charlie Brown, “Tại sao chúng ta có mặt trên thế gian này?”. Cậu ấy đáp, “để làm cho người khác được hạnh phúc”. Cô bé ngầm nghĩ một lát rồi hỏi, “Thế tại sao những người khác ở đây?”

“Lẫn nhau” là một trong những cụm từ quan trọng trong ngôn ngữ Cơ Đốc giáo. “Hãy yêu nhau” được tìm thấy ít nhất 12 lần trong Tân Ước, cùng với “hãy cầu nguyện cho nhau” (Gia 5:16), “gây dựng nhau” (ITe 5:11), thích nhau (Ro 12:10), “dùng sự hiếu khách mà tiếp đãi nhau” (IPhi 4:9), và nhiều điều khuyên bảo khác nữa.

Trong phần trước, Phao-lô thêm vào một nhóm từ khác nữa: “*Hãy mang lấy gánh nặng cho nhau*” (Ga 6:2). Cơ Đốc nhân được Thánh Linh dắt dẫn nghĩ đến người khác và nghĩ cách nào có thể chăm lo cho họ. Trong phần này, Phao-lô mô tả hai sứ mạng quan trọng chúng ta có bổn phận phải chia sẻ cho nhau.

1. Mang lấy gánh nặng (Ga 6:1-5)

Người làm theo luật pháp không thích thú gì về việc mang lấy gánh nặng. Thay vào đó, họ gán thêm gánh nặng cho người khác (Cong 15:10). Đây là một trong những tội người Pha-ri-si đã phạm trong thời Chúa Giê-xu: “Bọn ấy buộc những gánh nặng khó chịu, để trên vai người ta, còn mình thì không muốn động ngón tay vào” (Mat 23:4). Thầy dạy luật luôn luôn đặt gánh nặng trên vai người khác nhiều hơn trên chính mình, nhưng Cơ Đốc nhân được Thánh Linh hướng dẫn đòi hỏi nơi bản thân mình hơn là nơi người khác để người ấy có thể giúp đỡ người khác.

Phao-lô nêu ra một trường hợp đạo đức giả của con cái Chúa thành linh vấp phạm và ngã vào vòng tội lỗi. Chữ “tình cờ” mang ý nghĩa ngạc nhiên, vì vậy đó không phải là trường hợp cố tình không vâng theo. Tại sao Phao-lô dùng hình họa này? Vì chẳng có gì phơi bày sự độc ác của việc làm theo luật pháp hơn là cách những người làm theo luật pháp đối xử với những người đã phạm tội. Hãy nhắc lại người Pha-ri-si lôi một phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình đến cho Chúa Giê-xu (Gi 8:1-11). Hoặc đám đông Do Thái suýt giết chết Phao-lô vì họ nghĩ rằng Phao-lô đã làm ô uế đền thờ khi đưa những người ngoại bang vào trong đền thờ (Cong 21:27). (Những người giữ luật pháp không cần bằng chứng họ chỉ cần những ngờ vực và tiếng đồn. Những tưởng tượng tự cho là công bình của họ sẽ làm phần còn lại). Vì vậy, trong phần này, Phao-lô thực sự muốn so sánh cách người làm theo luật pháp đối xử với anh em sai phạm, và cách những người yêu mến Chúa đối xử với họ.

(1) *Sự khác biệt trong mục đích.* Người tin kính Chúa tìm cách sửa anh em mình bằng tình yêu, trong khi người tuân giữ luật pháp lợi dụng anh em mình. Chữ sửa có nghĩa “sửa chữa, như vá lại các

chỗ rách trong chiếc lưới đánh cá, hoặc băng bó một chiếc xương bị gãy”. Nếu bạn từng bị gãy xương, bạn cảm nhận cái đau do chỗ xương gãy gây ra như thế nào. Một con cái Chúa phạm tội giống như chiếc xương gãy trong Thân Thể, và người ấy cần phải được băng bó lại. Con cái Chúa được Chúa Thánh Linh hướng dẫn và sống trong tự do của ân điển sẽ tìm cách giúp đỡ anh em sai phạm, vì “trái của Thánh Linh là tình yêu thương” (Ga 5:22). “Hãy lấy lòng yêu thương phục vụ lẫn nhau” (5:13). Khi Chúa Giê-xu tìm cách chữa lành cho kẻ có tội, người Pha-ri-si ra sức chỉ trích Ngài (Mac 2:13-17), và ngày nay những người yêu mến Chúa cũng sẽ bị người làm theo luật pháp lên án.

Thay vì tìm cách sửa những anh em sai phạm, người làm theo luật pháp kết tội họ và dùng người anh em mình để mình được tiếng tốt. Đây là những gì người Pha-ri-si làm trong thí dụ về người Pha-ri-si và người thu thuế (Lu 18:9-14). “Tình yêu thương che đậy vô số tội lỗi” (IPhi 4:8). Người làm theo luật pháp reo mừng khi một anh em sa ngã, và thường rao tin ấy ra cho mọi người biết, vì lúc ấy họ có thể hãnh diện về sự tốt lành của mình và tự hào về những người theo phe nhóm của mình tốt hơn nhiều nhóm của người anh em bị sa ngã.

Đây là lý do Phao-lô khuyên chúng ta, “Chớ tìm kiếm danh vọng giả dối mà trêu chọc nhau và ghen ghét nhau.” (Ga 5:26). Chữ trêu chọc có nghĩa là “thách đố, tranh đua”. Con cái Chúa bước đi trong Thánh Linh không tranh đua với các tín hữu khác hoặc thách đố họ “sống tốt như chính mình”. Tuy nhiên, người làm theo luật pháp sống theo sự tranh đua và so sánh, họ cố làm cho mình có vẻ tốt bằng cách làm cho anh em khác xấu đi.

(2) *Sự khác biệt trong thái độ.* Con cái Chúa được Thánh Linh dẫn dắt giải quyết vấn đề trong tinh thần khiêm nhường và yêu thương, trong khi người làm theo luật pháp có thái độ kiêu ngạo và lên án. Người làm theo luật pháp không cần phải “thử xét mình” vì họ giả vờ chẳng bao giờ có thể phạm tội như vậy. Nhưng người tin Chúa sống bởi ân điển nhận biết rằng chẳng có người nào tránh khỏi sa ngã. “*Vậy ai tưởng mình đứng hãy giữ kẻo ngã*” (ICo 10:12). Người tin Chúa có thái độ khiêm nhường vì nhận biết sự yếu đuối của mình.

Nhưng có sự khác biệt thứ nhì: Người yêu Chúa biết tình yêu Đấng Christ hiện diện trong lòng mình. “Luật của Đấng Christ” là: “Hãy yêu mến lẫn nhau” (Gi 13:34-15:12). Phao-lô đã bàn về “luật yêu thương” (Ga 5:13-15), và bây giờ ông đang ứng dụng nó. “Sự chăm sóc ân cần dịu dàng” không phải là một phát minh mới mẻ, vì Phao-lô đang khuyên giục các tín hữu làm điều đó trong phân đoạn này. Chúng ta biết ơn biết bao khi bác sĩ nhẹ nhàng nắn một chiếc xương bị gãy. Và chúng ta càng nên dùng “sự chăm sóc dịu dàng” khi tìm cách xoa dịu tâm lòng tan vỡ.

Chúng ta cần mang lấy tấm lòng yêu thương và can đảm để gần gũi với anh em lầm lỗi, tìm cách giúp đỡ họ. Chúa Giê-xu so sánh điều này với việc giải phẫu mắt (Mat 7:1-5) - bao nhiêu người trong chúng ta cảm thấy xứng đáng đối với việc này?

Có lẽ ở đây Phao-lô suy xét những lời dạy của Chúa về sự giải hoà (Mat 18:15-35). Nếu anh em phạm tội nghịch cùng các người hãy đi nói chuyện riêng với họ, không vì mục đích cãi lẽ hơn thua, nhưng nhằm để được người anh em. (Chữ được là từ Phao-lô dùng giống như trong ICo 9:19-22 nói đến việc chinh phục tội nhân hư mất cho Đấng Christ. Chinh phục tội nhân hư mất là việc quan trọng cần kíp, nhưng làm hoà với những người được cứu cũng quan trọng vậy). Nếu người ấy nghe bạn, vấn đề được giải quyết ổn thoả. Nhưng nếu họ không nghe, hãy yêu cầu một hai anh em trong Chúa cùng đi với bạn. Nếu anh ta vẫn không nhẹ nhàng, bạn hãy thông báo cho toàn Hội Thánh biết và thực hiện các bước kỷ luật. Nhưng Chúa Giê-xu tiếp tục phán rằng Hội Thánh phải cầu nguyện (Mat 18:19-20) và tha thứ (Mat 18:21-35), e việc thi hành kỷ luật sẽ không hiệu quả.

Dĩ nhiên, người tuân giữ luật pháp không có thời gian để thực hiện việc “chinh phục linh hồn” thuộc linh. Khi họ nghe anh em của họ phạm tội, thay vì đi đến cùng người đó, họ phao tin xấu này cho người khác và rồi lên án người anh em vì không thiêng liêng hơn. (“*Vậy bạn có thể cầu nguyện cách khôn ngoan hơn về điều đó*”).

Hãy nhớ người tuân giữ luật pháp làm cho người anh em mình tệ hơn để chính họ được tốt hơn. Do đó Phao-lô viết những lời khuyên cáo ở đây (6:3-4). Giáo sư Do Thái phạm tội khoe khoang về chính mình, tự mãn về những thành quả và người tin đạo của mình (Ga 6:12-14). Họ thường thường

so sánh chính mình với người khác (II Co 10:11). Nhưng những so sánh như vậy là tội lỗi và lừa dối. Thật dễ dàng tìm được một người nào đó tệ hơn chúng ta để so sánh và thấy rằng chúng ta tốt hơn điều chúng ta thật sự có. Lòng yêu thương Cơ Đốc hướng dẫn chúng ta không phơi bày thất bại hoặc yếu đuối của anh em mình, cho dù chúng ta có tốt đến bao nhiêu chăng nữa.

Một người nên “chứng minh việc làm của mình” (Ga 6:4) trong ánh sáng của ý muốn Đức Chúa Trời chứ không núp dưới bóng thành quả của người khác. “Mỗi người phải thử xét việc làm của mình, thì sự khoe mình chỉ tại mình thôi, chứ chẳng phải tại kẻ khác” (6:4-5). Trong công việc của Đức Chúa Trời không có chỗ cho sự tranh đua, nếu như chúng ta không đấu tranh chống lại tội lỗi và Satan. Khi chúng ta nhìn thấy những chữ như “tốt nhất, tiến bộ nhanh nhất, lớn nhất, tốt đẹp nhất” dành cho các chức vụ Cơ Đốc, chúng ta tự hỏi ai đang được vinh hiển.

Điều này không có nghĩa chúng ta sai khi giữ thành tích. Charles Haddon Spurgeon thường nói, “Những người chỉ trích con số thống kê thường không có số lượng nào để báo cáo.” Nhưng chúng ta phải thận trọng chúng ta không nên làm cho người khác trông có vẻ xấu xa nhưng lại tự làm cho mình có vẻ tốt đẹp. Và chúng ta có thể mừng rỡ về những thành quả và phước hạnh của người khác như là của chúng ta (Ro 12:10). Trên hết, nếu một chi thể trong thân được phước, cả thân thể đều được phước.

Không có mâu thuẫn gì giữa (Ga 5:2,5), vì trong tiếng Hy Lạp có hai chữ gánh nặng được sử dụng. Chữ gánh nặng trong (Ga 5:2) có nghĩa “một gánh nặng lớn” trong khi ở (Ga 5:5) nó mô tả “các vật mang vác trên vai một người lớn”. Chúng ta phải giúp đỡ mang lấy gánh nặng trong cuộc sống lẫn cho nhau, nhưng có những gánh nặng riêng tư mỗi người phải tự mang lấy, “Mỗi người lính phải mang ba-lô của riêng mình”. Nếu xe hơi của tôi bị hỏng máy, người bạn hàng xóm sẽ giúp tôi đưa các con đến trường, nhưng người ấy không thể đảm nhiệm các vai trò làm người cha của các con tôi. Đó là sự khác nhau. Thật sai cho tôi mong đợi người khác làm cha trong gia đình chúng tôi đó là gánh nặng (và nghĩa vụ) một mình tôi có thể mang lấy.

2. Chia sẻ ơn phước (Ga 6:6-10)

Giống như lẫn nhau là cụm từ quan trọng trong ngôn ngữ cơ-đốc, thì chữ thông công (được dịch là “truyền đạt” trong (Ga 5:6). Từ buổi đầu thành lập Hội Thánh, chia sẻ là một trong những dấu hiệu bày tỏ kinh nghiệm Cơ Đốc (Cong 2:41-47). Chữ koinonia trong tiếng Hy Lạp có nghĩa “có chung”, ám chỉ đến mỗi thông công chung của chúng ta trong Đấng Christ (Ga 2:9), đức tin chung của chúng ta (Giu 1:3), và ngay cả sự dạn dĩ phân chia khổ với Đấng Christ (Phi 3:10). Nhưng thường trong Tân Ước, chữ koinonia nói đến việc chia sẻ những ơn phước vật chất với nhau (Cong 2:42 II Co 8:4 He 13:16 (bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp). Phao-lô chú tâm đến điều này trong các câu Kinh Thánh ấy.

Ông bắt đầu bằng một lời khuyên (c.6), kêu gọi chúng ta chia sẻ cho nhau. Người dạy đạo chia sẻ kho tàng thuộc linh, và những người nhận lãnh ơn phước thuộc linh phải chia sẻ kho tàng vật chất. (Phao-lô dùng cách quen thuộc để giải thích tại sao các Hội Thánh trong vòng người ngoại bang phải chia của dâng cho con cái Chúa người Do Thái Ro 15:27). Chúng ta phải nhớ rằng những việc chúng ta làm có liên quan đến của cải vật chất là bằng chứng cho thấy chúng ta đánh giá những việc thuộc linh như thế nào. ” Vì của cải các ngươi ở đâu thì lòng các ngươi cũng ở đó” (Mat 6:21).

Vì sứ đồ Phao-lô không muốn nhận tiền bạc làm có vấp phạm cho những người chưa tin, ông tự làm việc để kiếm sống (ICo 9:1-27), nhưng ông nhắc đi nhắc lại rằng người lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh phải được ủng hộ bởi những quà tặng của người khác. Chúa Giê-xu phán, “Người làm công xứng đáng nhận lãnh tiền công mình” (Lu 10:7), và nhắc lại lời phán này (ICo 9:11,14).

Nhưng chúng ta phải nhận ra nguyên tắc thuộc linh đằng sau lời khuyên này. Đức Chúa Trời không đòi hỏi con cái Ngài chỉ cung cấp cho các mục sư, người dạy đạo (và giáo sĩ, Phi 4:10-19) những nhu cầu vật chất họ cần, nhưng Ngài mong muốn người ban phát nhận được ơn phước dư dật hơn nữa (Ga 6:7-8). Nguyên tắc căn bản về việc gieo và gặt được ghi lại trong toàn bộ Kinh Thánh. Đức Chúa Trời ra lệnh chúng ta sẽ gặt những gì chúng ta gieo. Nếu không làm theo luật lệ này, thì

toàn bộ nguyên tắc “nguyên nhân và kết quả” sẽ thất bại. Người nông dân gieo lúa mì sẽ gặt lúa mì. Nếu ngược lại, thế giới chúng ta sẽ trở nên hỗn loạn.

Nhưng Đức Chúa Trời cũng phán dạy chúng ta phải cẩn thận nơi chúng ta gieo, và Phao-lô quan tâm đến nguyên tắc này ở đây. Ông xem của cải vật chất chúng ta như hạt giống, và ông thấy có hai loại đất: xác thịt và Thánh Linh. Chúng ta có thể dùng của cải vật chất để khoe khoang về xác thịt, hoặc khoe khoang những công việc của Thánh Linh. Nhưng một khi hoàn tất việc gieo trồng, chúng ta không thể nào thay đổi mùa gặt được.

Tiền bạc được gieo cho xác thịt sẽ gặt hái sự tàn hại (Ga 5:19-21). Đồng tiền ấy hư mất đi và không bao giờ có thể lấy lại được. Tiền bạc gieo cho Thánh Linh (như là chia sẻ cho những người dạy đạo) sẽ sinh ra sự sống, và sẽ thu lại nhiều hạt giống tốt có thể gieo trồng trở lại cho mùa gặt sau, và cứ tiếp tục mãi cho đến đời đời. Nếu mọi tín hữu chỉ nhìn vào của cải vật chất của mình như là hạt giống và trồng nó cách đúng đắn thì công việc của Chúa sẽ không thiếu thốn. Buồn thay, nhiều hạt giống bị hoang phí vào những việc trần tục và không thể mang lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên, có sự ứng dụng rộng rãi hơn về nguyên tắc này cho đời sống chúng ta vì tất cả những gì chúng ta làm hoặc là đầu tư cho xác thịt hoặc cho Thánh Linh. Chúng ta sẽ gặt hái những gì chúng ta gieo, và chúng ta sẽ gặt tương xứng như chúng ta đã gieo. “*Hễ ai gieo ít thì gặt ít, ai gieo nhiều thì gặt nhiều*” (II Co 9:6). Con cái Chúa bước theo Thánh Linh và “gieo” cho Thánh Linh sẽ gặt hái mùa thiêng liêng. Nếu gieo ra rộng rãi, người ấy sẽ có mùa gặt bội thu, nếu không có trong đời này chắc chắn sẽ có trong đời sau.

Kẻ thù của Phao-lô, những giáo sư Do Thái, không có tư tưởng thuộc linh ban cho và nhận lãnh. Phao-lô hy sinh làm việc để không làm gánh nặng cho Hội Thánh, nhưng các giáo sư giả dùng Hội Thánh để xúc tiến mưu đồ và làm đầy túi bạc của họ. Điều này cũng đã xảy ra tại Hội Thánh Cô-rinh-tô, và Phao-lô phải viết thư cho họ: “Phải, anh em hay chịu người ta bắt mình làm tôi tớ, hay là nuốt sống, hay là cướp bóc, hay là tự cao mà khinh dễ anh em, và trên mặt anh em” (II Co 11:20).

Chúng ta đã chứng kiến bao nhiêu lần vị mục sư tận tụy hi sinh vì công việc Chúa bị vu oan và xua đuổi, trong khi người bảo trợ kiêu căng được tôn trọng và đạt được mọi thứ người ấy muốn. Người tin Chúa xác thịt sẽ lớn lên dưới “sự độc đoán thiêng liêng” của một mục sư đỡ đầu theo luật pháp, vì điều đó làm cho người cảm thấy an tâm, thành công và thiêng liêng. Tín đồ xác thịt phải hi sinh những gì người ấy có để làm cho công việc kết quả hơn, chỉ thấy rằng mình đang gieo cho xác thịt chứ không theo Thánh Linh.

Sau khi cho chúng ta lời khuyên và nguyên tắc đằng sau lời khuyên ấy (Ga 5:7-8), bây giờ Phao-lô cho chúng ta một lời hứa (Ga 5:9): “Đến kỳ chúng ta sẽ gặt nếu chúng ta không mệt nhọc.” Đằng sau lời hứa này là một hiềm họa: mệt mỏi trong công việc Chúa, và cuối cùng chán nản rồi thôi chức vụ.

Thình thoảng sự chán nản thuộc linh xảy ra vì thiếu lòng nhiệt thành với Chúa. Thật thú vị khi đối chiếu hai Hội Thánh được khen ngợi vì “công việc, công lao và sự bền đỗ” (ITe 1:3 Kh 2:2). Hội Thánh tại Ê-phê-sô thực sự đánh mất tình yêu ban đầu và sa ngã (Kh 2:4-5). Tại sao vậy? Chúng ta có câu trả lời trong lời khen Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca: “Công việc của đức tin, công lao của lòng yêu thương, sự bền đỗ về sự trông cậy”. Không chỉ có công việc, công lao, và bền đỗ, nhưng còn có động cơ thích hợp: “đức tin, lòng yêu thương, và sự trông cậy”. Chúng ta dễ dàng hầu việc Chúa nhưng để cho động cơ thuộc linh chết đi. Giống như các thầy tế lễ Y-sơ-ra-ên được tiên tri Ma-la-chi nêu ra, chúng ta hầu việc Chúa nhưng phàn nàn oán trách, “Ôi, việc khó nhọc là dường nào.” (Ma 1:13).

Thình thoảng chúng ta chán nản vì thiếu cầu nguyện. “Mọi người phải cầu nguyện luôn, chớ hề mỏi mệt” (Lu 18:1). Cầu nguyện đối với đời sống thuộc linh là hơi thở đối với đời sống thuộc thể. Xác thịt có thể mỏi mệt vì thiếu chất dinh dưỡng. “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Mat 4:4). Nếu chúng ta cứ tiếp tục không dùng thức ăn và nghỉ ngơi, chúng ta sẽ mỏi mệt. Thật là quan trọng làm sao khi “trông đợi nơi Đức Giê-hô-Va” để nhận lãnh sức mới cho nhu cầu chúng ta cần mỗi ngày (Es 40:28-31).

Nhưng lời hứa Phao-lô viết cho chúng ta sẽ giúp chúng ta tiếp tục bước đi: “Đến kỳ chúng ta sẽ gặt”. Hạt giống được trồng không sanh trái ngay. Có những mùa đối với linh hồn y như có những mùa đối với xác thịt, chúng ta phải để cho hạt giống có thời gian để phát triển và sanh trái. Thật lạ lùng khi người cày theo kịp người gặt (Am 9:13). Mỗi ngày chúng ta nên gieo hạt giống để một ngày kia chúng ta có thể gặt (Thi 126:5-6). Nhưng chúng ta nên nhớ rằng Chủ mùa gặt đang chỉ đạo chứ không phải là người làm công.

Chia sẻ ơn phước không chỉ bao gồm việc giảng dạy Lời Đức Chúa Trời và ban cho của cải vật chất. Nó còn gồm cả việc thiện “cho mọi người” (Ga 6:10). Trong thế gian này có những người làm điều ác (Thi 34:16) thực ra, có nhiều người từ bỏ điều ác làm điều tốt (Thi 35:12). Hầu hết mọi người lấy thiện báo thiện và lấy ác báo ác (ITe 5:15 Lu 6:32-35). Nhưng con cái Chúa nên lấy điều thiện báo điều ác (Ro 12:18-21) và làm điều này trong tinh thần của tình yêu Cơ Đốc. Quả thật, việc thiện của con cái Chúa là thức hương có mùi thơm dâng lên Đức Chúa Trời (He 13:16).

Chúng ta phải “làm điều thiện cho mọi người”. Đây là cách chúng ta soi sự sáng chúng ta ra trước mặt người ta và ngợi khen Cha chúng ta trên trời (Mat 5:16). Chúng ta làm chứng cho người hư mất không những bằng lời nói nhưng còn bởi việc làm nữa. Thực ra, việc làm chúng ta mở đường cho lời làm chứng của chúng ta việc làm cho chúng ta uy quyền để người khác nghe chúng ta. Không ai hỏi rằng, “Người này có đáng cho tôi làm việc thiện không?” Chúng ta có xứng đáng với những gì Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta trong Đấng Christ không? Chúng ta cũng không nên giống những luật sư bào chữa cố lý luận, “Ai là người lân cận tôi?” (Lu 10:3,25-37) Chúa Giê-xu phán rõ rằng câu hỏi không phải là “Ai là người lân cận tôi?” nhưng “Tôi có thể là người lân cận đối với ai?”

Khi làm “điều thiện cho mọi người”, chúng ta phải dành ưu tiên cho “anh em trong đức tin”, mối tương thông của con cái Chúa. Điều này không có nghĩa các Hội Thánh địa phương phải trở thành một nhóm riêng biệt gồm những thành viên tách biệt khỏi thế giới chung quanh và không làm gì cả để giúp đỡ người hư mất. Đúng hơn, đó là một vấn đề sống quân bình. Chắc chắn người tin Chúa trong thời Phao-lô có nhu cầu lớn hơn những người ngoại đạo, vì có nhiều con cái Chúa chịu khổ vì đức tin của họ (He 10:32-34). Hơn nữa, người ta thường lo lắng cho gia đình của mình trước khi quan tâm đến người chung quanh (ITi 5:8).

Tuy nhiên chúng ta nên nhớ chia sẻ với các Cơ Đốc nhân để tất cả chúng ta chia sẻ cho thế gian khao khát. Người tin Chúa trong gia đình đức tin là người nhận lãnh có thể trở nên người truyền tin tức tốt lành. Khi chúng ta giàu lòng yêu thương lẫn nhau, chúng ta tuôn đổ tình yêu cho mọi người (ITe 3:12).

Đây là cách người ta muốn bàn đến.

12. NHỮNG DẤU TÍCH CỦA TỰ DO (Ga 6:11-18)

Theo thói quen sau khi đọc cho thư ký viết xong bức thư, Phao-lô cầm bút viết lời chào cuối thư. Câu kết thúc mẫu mực ông thường dùng là, “Nguyên xin ân điển của Chúa Giê-xu Christ, Chúa chúng ta, ở với anh em!” (ITe 5:28 ITe 3:17-18). Nhưng Phao-lô quan tâm muốn người Ga-la-cô có thể nắm được sứ điệp của bức thư nên đã cầm bút viết cả đoạn kết bằng chính tay mình. “Hãy xem chính tay tôi viết thư này cho anh em, chữ lớn là đường nào!”

Tại sao Phao-lô viết đoạn này, và lý do nào ông dùng chữ lớn như vậy? Đức Thánh Linh cảm động ông thêm vào phần kết thúc này nhằm nêu lên một điểm khác biệt nữa giữa người làm theo luật pháp và Cơ Đốc nhân được Thánh Linh hướng dẫn, và cho biết người tin Chúa được Thánh Linh hướng dẫn sống vì vinh hiển Đức Chúa Trời chứ vì sự khen ngợi của con người. Và với những chữ lớn ông muốn nhấn mạnh rằng: “**ĐỪNG BỎ SÓT ĐIỀU NÀY!**”

Một vài nhà giải kinh tin rằng cái giẫm trong thế xác của ông (II Co 12:7-10 Ga 4:14-15) là chứng bệnh về mắt nào đó. Điều này có nghĩa ông phải viết chữ lớn để chính ông có thể đọc được những gì mình đã viết.

Dù điều đó có đúng hay không, Phao-lô muốn nói rõ ông có điều quan trọng cần viết trong phần kết bức thư, không chỉ là cách kết thúc bình thường như mọi bức thư khác. Nếu ông bị đau mắt, việc chính tay ông viết phần kết thúc bức thư chắc chắn cảm động tâm lòng của người đọc.

Ông cho họ thấy kẻ tin sống dưới luật pháp và con cái Chúa sống dưới ân điển hoàn toàn đối nghịch với nhau. Không chỉ khác nhau về tín lý nhưng còn khác nhau về cách sống. Họ phải chọn lựa giữa nô lệ và tự do (Ga 5:1-12), xác thịt hay Thánh Linh (5:13-26), sống cho riêng mình hay cho người khác (6:1-10).

Bây giờ ông đưa ra sự khác biệt thứ tư: sống để ngợi khen con người hay làm vinh hiển Đức Chúa Trời (6:11-18). Ông đề cập đến động cơ hầu việc Chúa, trong các Hội Thánh ngày nay điều cần hơn hết phải xem xét những động cơ phục vụ Chúa. Chúng ta biết điều mình đang làm, nhưng chúng ta có biết lý do đang làm không? Động cơ xấu làm hỏng công việc tốt.

Phao-lô đưa ra biện pháp tuyệt vời để giải quyết vấn đề tế nhị này. Người tuân giữ luật pháp muốn bắt ép tín hữu Ga-la-ti chịu phép cắt bì, vì vậy Phao-lô nêu lên và liên hệ vấn đề này với công tác cứu chuộc của Đấng Christ trên thập tự giá, và cả chức vụ của riêng ông nữa. Trong phần này Phao-lô đề cập đến ba “người nổi bật” - người theo chủ nghĩa luật pháp (6:12-13), Chúa Giê-xu Christ (6:14-16), và chính sứ đồ Phao-lô (6:17-18).

1. Người theo chủ nghĩa pháp luật (Ga 6:11-13)

Phao-lô không nói điều gì tốt về người theo chủ nghĩa luật pháp. Ông mô tả hạng người này trong bốn khía cạnh.

Trước tiên, họ là những người khoe khoang (Ga 6:12a, 13b). Mục đích chính yếu của họ không phải chinh phục người khác cho Đấng Christ, hoặc giúp ích tín hữu lớn lên trong ân điển. Nhưng mục tiêu hàng đầu nhằm thu phục được nhiều người tin để khoe khoang về mình. Họ muốn “gây ấn tượng tốt bên ngoài” cho dù bên trong chẳng tốt lành gì. Họ làm việc không vì ích lợi Hội Thánh hoặc vinh hiển Đức Chúa Trời nhưng vì vinh hiển của riêng họ.

Quả thật ý muốn đem nhiều người về cho Đấng Christ hoặc nhìn thấy công việc Chúa tiến triển là điều hoàn toàn đúng đắn, nhưng muốn dùng những phước hạnh này để tôn vinh con người là điều sai. Chúng ta muốn thấy có thêm nhiều người cộng tác với chức vụ chúng ta, không phải để chúng ta có giá trị nhưng làm cho người khác có giá trị. Chúng ta phải cẩn thận không “dùng người” cho các mục đích vị kỷ để nhằm tôn vinh cá nhân mình.

Nhận được nhiều bản tin và báo chí từ các Hội Thánh địa phương gửi đến, tôi bàng hoàng khi đọc một bài báo trong đó vị mục sư nêu tên vài Hội Thánh khác và tiếp tục giải thích cho biết Hội Thánh ông ta tiến bộ như thế nào. Một số Hội Thánh ông đề cập đến không có niềm tin Cơ Đốc, và tôi tự hỏi những thành viên trong các Hội Thánh ấy nghĩ gì về Đấng Christ và Phúc Âm nếu họ đọc bài phê bình tự đề cao của ông ấy. Tất nhiên điều này đã gây khó khăn cho các con cái Chúa khi làm chứng cho người khác về Đấng Christ một khi vị mục sư này đã lên án các Hội Thánh ấy.

Thứ hai, họ là những người thoả hiệp (Ga 6:12b). Tại sao họ rao giảng và thực hành phép cắt bì và tất cả những gì có liên hệ đến điều này? Họ làm vậy để tránh khỏi bắt bớ. Phao-lô giảng ân điển Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi không liên hệ với việc làm theo luật pháp, cho nên ông đã bị bắt bớ (Ga 5:11). Giáo sư Do Thái tìm cách làm cho người theo Chúa nghĩ rằng họ cũng là Cơ Đốc nhân đồng thời cố làm ra vẻ tuân theo luật pháp để người làm theo luật Môi-se tưởng rằng họ công bình theo luật pháp. Kết quả họ không bị nhóm người làm theo luật pháp bắt bớ vì gắn bó với thập tự giá của Đấng Christ và không làm ảnh hưởng xấu đến luật pháp.

Ngày nay, chúng ta có khuynh hướng nhìn xem thập tự giá (và sự đóng đinh) theo cách nhìn của con người. Chúng ta đeo thập tự giá trên tai hoặc trên cổ trước ngực làm đồ trang sức. Nhưng đối với người dân ở thế kỷ đầu tiên, thập tự giá không phải là món đồ được nâng niu quý trọng ngược lại đó là hình dáng của cái chết đê hèn và nhục nhã nhất. Người dân La Mã không bao giờ nhắc đến thập tự giá trong câu chuyện thường ngày. Nó đại diện cho sự ruồng bỏ và nhục nhã.

Khi Phao-lô tin nhận Đấng Christ, ông đóng đinh chính mình vào thập tự giá và chấp nhận mọi hậu quả. Thập tự giá là hòn đá vấp chân đối với người Do Thái và là điều khờ dại đối với người ngoại bang (ICo 1:18-31). Những người tuân giữ luật pháp đề cao phép cắt bì hơn là thập tự giá đã chinh phục được nhiều người tin theo. Niềm tin của họ là tôn giáo phổ biến vì nó tránh sự sỉ nhục của thập tự giá.

Thứ ba, họ là những người có tài thuyết phục (Ga 6:12a). Chữ ép buộc mang ý nghĩa ra sức thuyết phục thậm chí còn bắt buộc nữa. Ép buộc được dịch là “bắt ép” trong Ga 2:14. Trong khi nó không có nghĩa “ép buộc chống lại ý muốn của ai”, nhưng nó vẫn là một từ mạnh mẽ. Từ ngữ ấy cho thấy Giáo sư Do Thái là người giỏi thuyết phục họ có “khâu tài” làm cho tín hữu Ga-la-ti tin rằng làm theo luật pháp là cách dành cho họ. Bất cứ khi nào Phao-lô trưng dẫn Kinh Thánh, lời ấy đều trung thực và chân thật, ông không dùng thuật hùng biện hay kỹ xảo của nhà lý luận. (Xem ICo 2:1-5 và IICo 4:1-5 để xem cách Phao-lô trưng dẫn Kinh Thánh cho thánh giả của ông. Phao-lô không phải là nhà chính trị ông chỉ là vị đại sứ.)

Thứ tư, họ là những con người giả hình (Ga 6:13). “Họ muốn anh em vâng phục luật pháp, nhưng chính họ không làm theo luật pháp.” Người tuân giữ luật pháp thuộc phe Pha-ri-si mà Chúa Giê-xu đã phán, “Họ nói mà không làm” (Mat 23:3). Dĩ nhiên, Phao-lô không nói rằng Giáo sư Do Thái phải giữ theo luật pháp, vì việc giữ luật pháp không thể thực hiện được và không cần thiết. Đúng hơn, ông đang lên án họ vì thiếu thành thực họ không có ý định giữ luật pháp, cho dù nếu họ có thể. Tôn vinh luật pháp chỉ là chiếc mặt nạ che đậy mục tiêu thật của họ: thu phục được nhiều người cho sự nghiệp của họ. Họ muốn báo cáo về số lượng để nổi tiếng hơn.

Vâng, người tuân giữ luật pháp là người nổi danh vì vậy khi bạn khám phá ra họ, hãy tránh xa.

2. Chúa Giê-xu Christ (Ga 6:14-16)

Phao-lô liên tục liên hệ đến thập tự giá (2:20-21 3:13 4:5 5:11,24 6:12). “Nếu bởi luật pháp mà được xưng công bình, thì Đấng Christ chịu chết là vô ích” (2:21). Sự đau thương trên đồi Gô-gô-tha chắc chắn làm Đấng Christ trở thành “người nổi tiếng”, vì những vết thương ấy đem lại tự do cho người tin nhận Ngài. Giáo sư Do Thái khoe về phép cắt bì nhưng Phao-lô khoe về Đấng Cứu Thế bị đóng đinh trên thập tự giá và sống lại. Ông khoe về thập tự giá. Chắc chắn điều ông khoe không phải là sự khổ nhục và đau đớn của thập tự giá. Ông không nhìn vào thập tự giá là một khúc gỗ để xử tội chết phạm nhân. Ông nhìn vào thập tự giá của Đấng Christ và sự vinh hiển của thập tự giá. Tại sao Phao-lô khoe mình về thập tự giá?

Trước hết, Phao-lô biết Con người của Chúa Giê-xu trên thập tự giá. Ông nhắc đến Chúa Giê-xu Christ 45 lần trong thư Ga-la-ti, có nghĩa là ba phần tư số câu trong thư Ga-la-ti có đề cập tới Chúa Giê-xu. Con người của Chúa Giê-xu Christ đã bắt phục Phao-lô, và chính Đấng Christ đã khiến thập tự giá trở nên vinh hiển cho ông. Trong những năm đầu tiên làm ra bi Do thái giáo, ông có nhiều điều để hãnh diện (Ga 1:13-14 Phi 3:1-10) nhưng sau khi gặp Đấng Christ, tất cả vinh quang riêng của ông trở nên rơm rác. Người tuân theo luật pháp không khoe mình về thập tự giá của Đấng Christ vì họ không khoe mình về Đấng Christ. Họ khoe mình về chính luật pháp Môi-se và chính họ. Họ thật sự không biết Con Người bị treo trên thập tự giá.

Thứ hai, ông biết quyền năng của thập tự giá. Đối với Sau-lô, một ra bi Do thái giáo uyên bác, tín lý hi sinh trên thập tự giá là điều hết sức vô lý. Ông không nghi ngờ gì về Đấng Mê-si-a sẽ đến nhưng Ngài đến để chịu chết - chết nhục nhã trên thập tự giá - là điều ông không thể tin được.Ồ, không có chỗ nào thay thế cho điều này trong niềm tin của Sau-lô. Thời ấy thập tự giá là án phạt nhục nhã đê hèn nhất. Tuy nhiên Sau-lô người Tạt-sơ đã kinh nghiệm quyền phép của Thập tự giá và trở nên sứ đồ Phao-lô. Thập tự giá không còn là hòn đá vấp chân ông nhưng trở nên chính nền tảng sứ điệp ông rao giảng: “Đấng Christ chịu chết vì kẻ có tội”

Về phần Phao-lô, thập tự giá có nghĩa là tự do: khỏi sự ràng buộc của bản ngã (Ga 2:20), xác thịt (5:24), và thế gian (6:14). Qua sự chết và sống lại của Chúa Giê-xu Christ quyền năng của Đức Chúa Trời được tỏ ra để ban cho người tin Ngài sự buông thả và vinh hiển. Chúng ta không còn sống cho

chúng ta nhưng Đấng Christ sống trong và qua chúng ta. Vì vâng phục Ngài nên chúng ta đắc thắng thể gian và xác thịt. Chắc chắn trong luật pháp không có quyền ban cho con người thắng hơn bản ngã, xác thịt, và luật pháp. Hoàn toàn ngược lại, luật pháp bày tỏ cái tôi của con người ("Tôi có thể làm điều đẹp lòng Đức Chúa Trời"), và khuyến khích xác thịt ra sức khổ luyện. Và thể gian không bận tâm chúng ta có "sùng đạo" hay không miễn sao thập tự giá được cất khỏi chúng ta là đủ rồi. Thực ra, thể gian chấp nhận tôn giáo - trừ ra Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ. Vì vậy, người tuân giữ luật pháp thôi phồng cái tôi, tôn vinh xác thịt, và làm đẹp lòng thể gian Cơ Đốc nhân thật đóng đinh tất cả ba điều ấy trên thập tự giá.

Thứ ba, ông biết mục đích của thập tự giá. Thập tự giá mang vào thể gian một "dân tộc mới của Đức Chúa Trời". Trải qua nhiều thế kỷ, dân Y-sơ-ra-ên là tuyền dân của Đức Chúa Trời, và luật pháp là cách sống của họ. Tất cả điều này chuẩn bị cho sự ra đời của Chúa Giê-xu Christ (Ga 4:1-7). Bây giờ Đấng Christ đã đến và hoàn tất công tác cứu rỗi vĩ đại của Ngài, Đức Chúa Trời đã để dân Y-sơ-ra-ên qua một bên và mang vào thể gian một dân mới, "dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời". Điều này không có nghĩa Đức Chúa Trời chấm dứt với dân Y-sơ-ra-ên. Ngày nay, Đức Chúa Trời đang kêu gọi từ trong người Giu-đa lẫn ngoại bang "một dân cho danh Ngài" (Cong 15:14), và trong Đấng Christ không có sự phân biệt về chủng tộc, quốc gia (Ga 3:27-29). Tuy nhiên, Phao-lô dạy rõ rằng trong kế hoạch của Đức Chúa Trời có một tương lai dành cho dân tộc Do Thái (Ro 11:1-36).

Mục đích của thập tự giá là sinh ra một tạo vật mới (Ga 6:15). "Tạo vật mới" này là Hội Thánh, thân thể Đấng Christ. "Tạo vật cũ do A-đam đứng đầu kết thúc trong thất bại. Tạo vật mới do Đấng Christ đứng đầu sẽ gặt hái kết quả.

Về phần người La Mã, Phao-lô giải thích giáo lý hai con người A-đam - A-đam và Đấng Christ (Ro 5:12-21). A-đam đầu tiên không vâng lời Đức Chúa Trời mang tội lỗi, sự chết và đoán phạt vào trong thể gian. A-đam sau cùng (ICo 15:45) vâng phục Đức Chúa Trời đem lại sự sống, công bình và cứu rỗi. A-đam phạm tội và nhận chìm tất cả tạo vật vào trong sự đoán phạt. Đấng Christ thi hành sự chết cứu chuộc trên thập tự giá, và trả xong mọi nợ tội cho thể gian. Vì tội lỗi của A-đam sự chết ngự trị thể gian này. Đấng Christ đã đắc thắng trên thập tự giá, nên chúng ta có thể "cai trị trong sự sống" qua Chúa Giê-xu Christ (Ro 5:17). Nói cách khác, người tin Chúa thuộc về "tạo vật mới", tạo vật thiêng liêng không cảm biết gì về khiếm khuyết và giới hạn của "tạo vật cũ" (ICo 5:17).

Mục đích thứ hai, thập tự giá tạo ra một dân tộc mới, "dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời" (Ga 6:16). Đây là một trong nhiều tên gọi dành cho Hội Thánh chép trong Tân Ước. Chúa Giê-xu phán, "Nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các ngươi, và cho một dân khác là dân sẽ có kết quả của nước đó" (Mat 21:43). Phi-e-rơ nhận ra dân tộc đó là gia đình của Đức Chúa Trời: "Nhưng anh em là dòng dõi được lựa chọn, là dân thánh, là chức tể lễ nhà vua" (IPhi 2:9).

Như đã đề cập ở trên, điều này không có nghĩa Hội Thánh thay thế cho dân Y-sơ-ra-ên trong chương trình của Đức Chúa Trời, nhưng chỉ có nghĩa Hội Thánh là "dân sự của Đức Chúa Trời" trên thể gian ngày nay như dân Y-sơ-ra-ên trong những thế kỷ qua.

Thật đáng xấu hổ cho Giáo sư Do Thái. Họ muốn đưa Hội Thánh trở lại với luật pháp thời Cựu Ước, trong khi dân Y-sơ-ra-ên không thể giữ nổi luật pháp ấy! Dân tộc ấy đã bị đặt qua một bên để dọn đường cho dân tộc mới của Đức Chúa Trời, đó là Hội Thánh!

Ngày nay con cái Chúa có thể không phải là "con cháu Áp-ra-ham" về phần xác, nhưng là "dòng dõi của Áp-ra-ham" bởi tin nơi Chúa Giê-xu Christ (Ga 4:28-29). Họ đã kinh nghiệm phép cắt bì trong lòng công hiệu hơn nhiều so với phép cắt bì theo xác thịt (Phi 3:3 Ro 2:29 Co 2:11). Vì lý do này, chẳng phải việc chịu cắt bì hay không chịu cắt bì là điều cần đối với Đức Chúa Trời (Ga 6:15 cũng xem 5:6).

3. Sứ đồ Phao-lô (Ga 6:17-18)

Có một lần Phao-lô tự hào về phép cắt bì của mình (Phi 3:4-6), nhưng sau khi tin Chúa, ông trở nên "người nổi danh" theo cách khác. Bây giờ ông hãnh diện về những dấu vết ông đã nhận và tự hào về đau đớn ông đã chịu đựng trong sự hầu việc Chúa Giê-xu Christ.

Chúng ta thấy điểm khác biệt đối với người tuân giữ luật pháp thật rõ ràng: “Người theo đạo Giu-đa muốn làm nổi danh xác thịt của bạn và kiêu ngạo về bạn, nhưng tôi mang lấy trong thân thể tôi dấu tích của Chúa Giê-xu Christ - vì có vinh hiển của Ngài.” Thật đáng quở trách! “Nếu những người nổi tiếng trong tôn giáo anh em có bất kỳ dấu tích gì cho thấy vinh hiển của Đấng Christ, hãy để cho họ bày tỏ. Nếu không - hãy thôi đừng quấy rầy tôi nữa!”

Phao-lô không nói rằng ông mang lấy trong thân thể mình năm vết thương của Chúa trên đồi Gô-gô-tha. Đúng hơn ông khẳng định rằng ông đã chịu đau đớn vì có Đấng Christ (việc mà những người tuân giữ luật pháp chẳng hề làm), và ông mang lấy trên thân thể mình những dấu vết để minh chứng cho điều đó. Khi đọc ICo 11:18-33, bạn không mấy khó hiểu về lời tuyên bố này của Phao-lô vì ông đã chịu đau đớn thể xác vì Đấng Christ nhiều cách nhiều nơi.

Trong thời Phao-lô, không lạ gì đối với một người thờ thần hoặc nữ thần mang lấy nhãn hiệu của tà thần ấy. Người ta tự hào về vị thần của mình và muốn cho nhiều người khác biết điều đó. Cũng vậy, Phao-lô mang nhãn hiệu vì Chúa Giê-xu Christ. Đó không phải dấu hiệu tạm thời có thể thay đổi, nhưng là dấu hiệu không thay đổi cho đến ngày ông qua đời. Ông cũng không nhận dấu hiệu cách dễ dàng: ông phải chịu khổ nhiều lần để trở nên người mang dấu vết vì có Đấng Christ.

Trong thời ấy có việc thực hiện in dấu nô lệ, để mọi người biết ai là chủ của nô lệ đó. Phao-lô là nô lệ của Chúa Giê-xu Christ, ông mang dấu tích của Ngài để minh chứng điều đó.

Đáng chú ý tội lỗi in dấu trên con người. Nó có thể in dấu lên tâm trí, cá tính, ngay cả trên thân thể người đó. Ít người hãnh diện về tội lỗi họ mang lấy, và sự tin đạo không xoá hết chúng được. (Cảm tạ Đức Chúa Trời, tất cả sẽ được biến đổi khi Chúa Giê-xu trở lại!). Thật tốt biết bao nhiêu khi kính mến Đấng Christ, sống cho Ngài và được mang dấu vết của Ngài vì vinh hiển Ngài.

Ngày nay con cái Chúa cần phải nhớ rằng chính vị lãnh đạo Cơ Đốc đã chịu đau khổ vì Chúa Giê-xu Christ, Đấng có sự ban cho. Giáo sư Do Thái trong thời Phao-lô không biết gì về sự chịu khổ. Có thể họ bị bắt bớ chút ít nào đó vì thuộc về một nhóm tôn giáo, nhưng điều này khác xa với “sự thông công thương khó của Ngài (của Đấng Christ)” (Phi 3:10).

Hãy biết rằng người lãnh đạo tôn giáo sống trong tháp ngà của mình và không kinh nghiệm trận chiến chống lại thế gian, xác thịt, và ma quỷ, họ là người không có “dấu hiệu” bày tỏ cho thấy họ vâng phục Đấng Christ. Phao-lô không nói lý thuyết suông chung chung ông đi ra ngoài trận tuyến, chiến đấu chống lại tội lỗi, cùng chịu đau khổ với Đấng Christ.

Vì vậy, Phao-lô kết thúc bức thư như lúc bắt đầu: **ÂN ĐIÊN!** Không phải “Luật pháp Môi-se”, nhưng là **ÂN ĐIÊN CỦA CHÚA GIÊ-XU CHRIST!**

Không cần nói thêm gì nữa, vì điều này đã nói tất cả rồi.